

TẬP ĐỌC

LỚP BA



BỘ GIÁO DỤC XUẤT BẢN

PHẦN HỌC-SINH

TẬP ĐỌC

LỚP BA

thuongmaitruongxua.vn

SÁCH TẬP ĐỌC BẬC TIỂU-HỌC

BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

1966

SOẠN-THẢO VÀ ÁN-HÀNH TRONG
KHUÔN-KHỔ CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-
TÁC GIỮA BỘ GIÁO-DỤC VÀ PHÁI-
BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ TẠI VIỆT-NAM

Soạn thảo dưới sự hướng-dẫn của
Ông TRỊNH HUY TIẾN
Nguyên Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu
và

Ông LÝ CHÁNH ĐỨC
Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

với
Sự tham-gia ý-kiến của
Ông ĐÌNH GIA DZU

Đại-diện Nha Tiều-học
và

Sự giúp-đỡ về kỹ-thuật của
Ông RALPH H. HALL, Ph. D.
Phái-bộ Kinh-tế Hoa-Kỳ tại Việt-Nam

DAN BIÊN - TẬP :

Soạn-giả :

Ông BUI-VĂN-BẢO

Ông ĐẶNG-DUY-CHIỀU

Ông NGUYỄN-VĂN-TUÂN

Ông CAO-VĂN-THÁI

Họa-sĩ :

Cô LÊ-THỊ-SÒA

Chuyên-viên Tu-thư :

Cô TRẦN-THỊ-ĐÌNH

Bà NGUYỄN-ĐĂNG-HẢI

Dan Biên-tập chân-thành cảm-tạ Ông Nguyễn-văn-Phôi, nguyên-Chuyên-viên và Phụ-tá Chánh-sự-vụ Sở Nghiên cứu Kê-hoạch, đã góp nhiều ý-kiến quý-báu trong việc biên-soạn cuốn sách này.

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi biên-soạn cuốn « TẬP ĐỌC » lớp Ba, theo kế-hoạch soạn sách giáo-khoa bậc Tiểu-học và lời chỉ-dẫn đại cương của Bộ Giáo-dục về sách giảng-dạy môn Tập đọc.

Chúng tôi nhằm mục-đích dạy cho trẻ em đọc và nói tự-nhiên, trôi chảy, giúp cho các em hiểu rõ ràng những tiếng đã học trong bài Ngữ-vựng, luyện cho các em phát-biểu ý-tưởng và nhận biết những đức-tính cần-thiết cho lứa tuổi.

Sách gồm có 64 bài Tập đọc và 32 bài Học thuộc lòng. Mỗi bài có thêm các mục : Phát-âm, Giải-nghĩa, Câu hỏi và Đại-ý.

Chủ-điểm của những bài kể trên là tám chương-mục và chương-trình Ngữ-vựng. Nhiều bài có bao-hàm những đề tài về chương-trình Đức-dục.

Mỗi bài Tập đọc, theo thể văn xuôi, là một mẩu chuyện vui mà vai chủ-động là các em học-sinh lớp Ba, hoặc là bạn-hữu, hoặc người trong gia-đình các em.

Những bài Học thuộc lòng, theo thể văn vần, chú-trọng về Đức-dục, được diễn-tả bằng những lời uyển-chuyển dễ hiểu và dễ nhớ.

★

Trong mục Phát-âm có ghi những tiếng khó đọc, nhất là âm kép, địa-phương, ông thầy sẽ đọc mẫu cho học-sinh lấy lại nhiều lần những tiếng và những vần nào mà trẻ em trong vùng thường đọc sai.

Mục Giải-nghĩa thường chỉ minh-xác ý-nghĩa của những tiếng thông-dụng mà các học sinh đã nhiều phen hiểu lầm trong lời nói, câu văn. Đôi khi có những từ ngữ Hán-Việt được giảng kỹ hơn: hoặc tách ra từng tiếng rồi hợp lại mà giải-nghĩa cả từ-ngữ, hoặc ghi lại những câu và những thành-ngữ có dùng từ-ngữ ấy.

Mục Câu hỏi cốt ý cho học-sinh luyện trí phán-đoán để nhận-biết những ý chính của bài, đồng thời cũng dẫn-dắt các em cảm-thông những đức-tính được nêu ra. Một số câu hỏi nhắc các em nhớ lại và phân-biệt những tiếng đồng-âm, đồng-nghĩa, phản-nghĩa.

Mục Đại-ý lược ghi lại đề-tài của bài, giúp cho học-sinh có một ý-niệm sơ-khởi về sự phân-tích và sự tổng-hợp ý-tưởng, đồng-thời cũng giúp các em nhớ lại những nét đại-cương của bài.

Mỗi bài Tập đọc, mỗi bài Học thuộc lòng được cụ-thể-hóa bằng nhiều hình vẽ, được diễn-tả bằng lời văn giản-dị, thích-hợp với sự cảm-nghĩ và sự hiểu-biết của thiếu-niên cùng hạng tuổi học-sinh lớp Ba.

Sách này được soạn theo cách làm việc tập-thể. Ban biên-tập họp nhau để nghiên-cứu và soạn-thảo từng đề-tài rồi hội-ý với quý vị Đại-diện Nhà Tiểu-học, các vị chuyên-viên Sở Học-liệu, Bộ Giáo-dục và Phái-đoàn Viện-trợ Kinh-tế Hoa Kỳ.

Chúng tôi ước mong các em học-sinh sẽ thích-thú khi dùng quyển Tập đọc này.

Chúng tôi thành-tâm đón nhận ý-kiến của quý bạn đồng-nghiep và quý vị phụ-huynh học-sinh hằng lưu-tâm đến nền giáo-dục, ngõ hầu bổ-túc những điều còn thiếu-sót.

Soạn-giả

CÁC EM HỌC-SINH THẦN MẾN,

Năm nay các em đã tám, chín tuổi. Các em đã lớn và em nào cũng biết đọc, biết viết, biết làm mấy phép tính dễ. Các em là học-sinh lớp Ba.

Các em sẽ làm bạn với Hải, cũng học lớp Ba. Hải là con ông bà Tám, nhà ở vùng ngoại-ô châu-thành. Hải có chị là Bích và anh là Sơn đều học ở Trung-học, lại còn hai em gái là Văn học lớp Năm và Thúy mới lên ba.

Cũng như các em, Hải có nhiều bạn, cùng học, cùng chơi với nhau. Cùng nhau chúng tìm hiểu:

- Vì sao thời giờ là quý?
- Cái gì cần cho thân-thể?
- Ăn uống thế nào là ngon?
- Mặc quần áo thế nào là đẹp?
- Thế nào là nhà cửa đầm-ấm? là gia-đình sum-hợp?
- Cảnh-vật ở thôn-quê như thế nào?
- Và những câu chuyện hay hay của mấy con vật quen thuộc.

Các em có muốn tìm hiểu như Hải không? Chắc là có. Vậy thì các em hãy mở cuốn "Tập đọc lớp Ba" này ra, và đọc lên coi.

Đôi khi có những văn khó đọc, những tiếng khó hiểu, những điều không biết... thì đã có thầy, cô, anh chị và cha mẹ các em chỉ bảo giúp.

Nào chúng ta bắt đầu đọc...

MỤC-LỤC

CHƯƠNG I: THỜI-GIỜ

	Trang
1. Bà kể chuyện	16
2. Công toi	19
3. Các em	20
4. Thời-giờ là vàng bạc.	22
5. Đồng-hồ chết máy	24
6. Buổi sáng	26
7. Làm ăn phát-đạt.	28
8. Tỉnh-ngộ	30
9. Thời-giờ	32

CHƯƠNG II: THÂN-THỂ

10. Cơ-quan nào cần nhất.	36
11. Đố ai biết	38
12. Óc và chân tay	40
13. Bội-thực	42
14. Khí trời tốt hơn thuốc bổ	44
15. Mồm và Chân Tay	46
16. Nồng vận-động	48
17. Cô giáo ốm	50
18. Mắt và Mũi	52
19. Chết oan	54
20. Cần phải khỏe	56

CHƯƠNG III: ĂN UỐNG

	Trang
21. Bữa cơm chiều	60
22. Ăn phở	62
23. Bữa cơm ngon	64
24. Ăn trái cây	66
25. Uống nước dừa	68
26. Chén nước trà	70
27. Mua đồ nấu cỗ	72
28. Làm cơm	74
29. Xôi chè	76

CHƯƠNG IV: QUẦN ÁO

30. Lòng mẹ	80
31. Áo tết	82
32. Cái kim	84
33. May áo mới	86
34. Cửa bèn tại người	88
35. Nón và guốc	90
36. Áo sạch thì đẹp	92
37. Đo áo	94
38. Cách ăn mặc	96
39. Trọng nghề	98
40. Mua giày	100
41. Nhện và Tằm	102

CHƯƠNG V: NHÀ CỬA

42. Căn nhà nhỏ bé	106
43. Bên nhà Đồng	108
44. Đầm-ấm	110

	Trang
45. Về miền quê	112
46. Những túp lều	114
47. Lòng thương	116
48. Phòng trong khách	118
49. Phòng học	120
50. Nhà em	122
51. Trong phòng ăn	124
52. Ở phòng tắm	126
53. Ở giữa đồng quê	128
54. Trong phòng ngủ	130
55. Đọc trong nhà	132
56. Yêu	134

CHƯƠNG VI: GIA-ĐÌNH

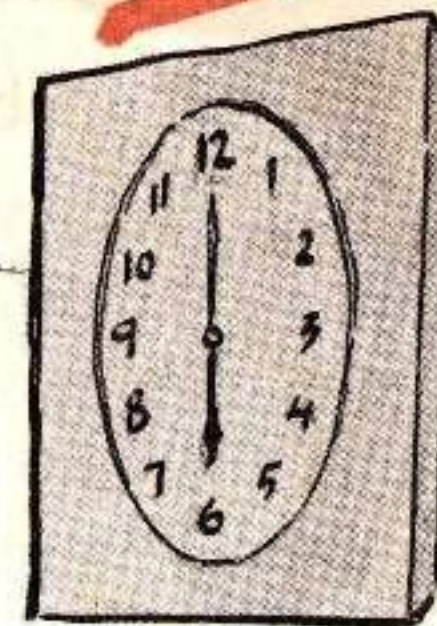
57. Gia-đình sum-hợp	138
58. Lòng mẹ thương con	140
59. Lòng mẹ	142
60. Lòng con thương cha	144
61. Hải biết vâng lời	146
62. Tình mẹ con	148
63. Người con ngoan	150
64. Đứa trẻ mồ-côi	152
65. Nhường cơm sẻ áo	154
66. Giúp-đỡ họ-hàng	156
67. Thăm họ hàng	158
68. Ông ngoại	160
69. Ngày giỗ	162

CHƯƠNG VII. THÔN-QUÊ

	Trang
70. Hải về quê	166
71. Đường vào làng	168
72. Quê tôi	170
73. Trang trại	172
74. Ra đồng	174
75. Cổng làng	177
76. Việc cấy cấy	178
77. Chiều quê	180
78. Tình quê	182
79. Cho gà vịt ăn	184
80. Làm vườn	186
81. Công việc nhà nông	188
82. Chợ quê	190
83. Một làng mới	192
84. Thả diều viển	194

CHƯƠNG VIII: THÚ-VẬT

85. Phụng-hoàng và cây khế	198
86. Cò và sói	200
87. Giống vật có ích	202
88. Cá Voi và Khỉ	204
89. Hoàng-tử Bồng	206
90. Súc-vật trong nhà	208
91. Sóc và Nhím	210
92. Chó sói vô ơn	212
93. Gà mẹ và gà con	214
94. Chuyện thằng Tý hon	216
95. Con Vượn biết ơn	218
96. Gà đẻ trứng vàng	220



thuongmaitruong.vn

CHƯƠNG I

THỜI-GIỜ



1. Bà kể chuyện

Chiều nay, Hải, Vân và Thúy xúm lại đòi bà kể chuyện. Bà nội âu-yếm kéo Thúy vào lòng rồi nói :

— Ngày xưa, có hai chàng Ba và Tư ở cạnh nhau. Ba rất ghét làm việc nên thường nói : Tội gì mà vất vả suốt ngày ! Hãy ngủ cho khỏe !

Tư lại khác hẳn. Mỗi buổi sáng, vừa nghe gà gáy, Tư đã dậy quét dọn nhà cửa. Cơm nước xong, bác

vác cuốc ra đồng làm ruộng. Tới trưa, bác nghỉ tay, ăn cơm rồi lại tiếp-tục làm việc. Khi mặt trời sắp lặn bác mới về nhà. Thế mà lúc này Ba mới bước chân ra khỏi giường !!!

Phát-âm : Xúm lại — vất-vả — quét dọn — giường.

Giải-nghĩa : Xúm lại : bu lại, tụ lại, vây chung-quanh.
Âu-yếm : có vẻ thương-yêu, trìu-mến. **Tiếp-tục :** làm nốt công-việc còn bỏ dở. **Vất-vả :** khổ-nhọc, chịu-cực, không lúc nào rảnh.

Câu hỏi : Ba anh em Hải xúm lại làm gì ? — Bà kể chuyện gì ? — Bác Ba thường nói thế nào ? — Nghe tiếng gà gáy, Tư đã dậy làm gì ? — Lúc Tư ở ruộng về thì Ba đang làm gì ?

Đại-ý : Bác Ba lười-biếng còn bác Tư chăm-chỉ, làm việc suốt ngày.





2. Công toi !

Nghe tới đây Thúy vội hỏi :

— Thề Ba nhịn đói hay sao hở bà ?

Bà cười tiếp :

— Không ! Ba có ăn chứ ! Nhưng bác ta ăn cơm nguội để đỡ phải thổi cơm. Nhà cửa bác ta thật là dơ-bẩn ! Vườn cải không ai săn-sóc đã bắt đầu có sâu. Tư giục Ba đi bắt sâu thì bác ta đáp :

— Thôi để thứ hai ! Hôm nay chủ-nhật là ngày nghỉ mà ! Thề rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư... qua đi. Đến thứ bảy, vừa ra vườn, Ba đã kêu lên :

— Thôi xong ! Cải bị sâu cắn hết rồi ! Thề là công toi !

Phát-âm : Nguội — dơ - bẩn — giục — thôi xong — săn-sóc.

Giải-nghĩa : Công toi : phí công vô-ích, không được việc gì. Nhịn đói : không ăn gì. Săn-sóc : chăm-nom lui tới. Ở đây có nghĩa là tưới nước, bắt sâu v.v... Giục : thúc, hối người khác làm việc gì.

Câu hỏi : Tại sao Ba lại ăn cơm nguội ? — Nhà cửa bác ta thế nào ? — Tư giục Ba đi làm gì ? — Ba đáp lại thế nào ? — Vì sao vườn cải bị sâu cắn hết ?

Đại-ý : Vì đề ngày này qua ngày khác không bắt sâu nên vườn cải của Ba bị sâu cắn hết.

HỌC THUỘC LÒNG

3. Các em

Các em là búp măng non,
Là đàn chim nhỏ, dưới vòm
trời cao,
Là hoa xuân tắm nắng đào,
Là hy-vọng của đồng-bào
Việt-nam...

Mai ngày gánh-vác giang-san
Làm cho nòi-gióng vẻ-vang,
hùng-cường...

Giờ nên chăm-chỉ nêu gương.
Hiền - lành, ngoan - ngoan ở
trường, đừng quên!
Bảo-Vân



Phát-âm : Gánh-vác — vẻ-vang — chăm chỉ — ngoan-nguôi.

Giải-nghĩa : Vòm trời : bầu trời hình cong. Gánh-vác : nghĩa đen là mang trên vai những vật nặng. Ở đây có nghĩa là nhận làm những công-việc khó-khăn, vất-vả. Vẻ-vang : tốt-đẹp hơn. Hùng-cường : khỏe-mạnh. Hy-vọng : những điều mong-ước tốt-đẹp cho mai sau.

Câu hỏi : Đây là lời của ai nói với ai ? — Các em học-sinh được ví như gì ? — Mai ngày, các em sẽ làm gì ? — Bây giờ các em phải làm thế nào ?

Đại-ý : Muốn sau này giúp ích cho nước nhà thì bây giờ các em phải ngoan-nguôi, chăm-chỉ học-hành.





4. Thời-giờ là vàng bạc

— Trong khi Ba ngủ cả ngày thì Tư lại không bỏ phí một giây, một phút nào ! Thời-gian một phút ngắn quá phải không các cháu ? Thề mà Tư đã quét xong một căn nhà đấy ! Rồi bác ta ra vườn tưới rau, cuốc đất hằng giờ. Bác ta thường nói : Thời giờ là vàng bạc.

Thúy ngắt lời bà : — Tại sao lại là vàng bạc hở bà ? Bà chưa kịp đáp thì Hải đã nói :

— Tại vì mỗi giờ, mỗi phút làm việc, bác Tư đều kiếm được nhiều tiền !



Phát-âm : Thời-gian — tưới rau — cuốc đất.

Giải-nghĩa : Thời - gian : một khoảng thời-giờ. Hằng giờ : rất lâu, ít ra là một giờ. Tưới rau : dùng bình tưới phun nước lên cho rau tươi-tốt.

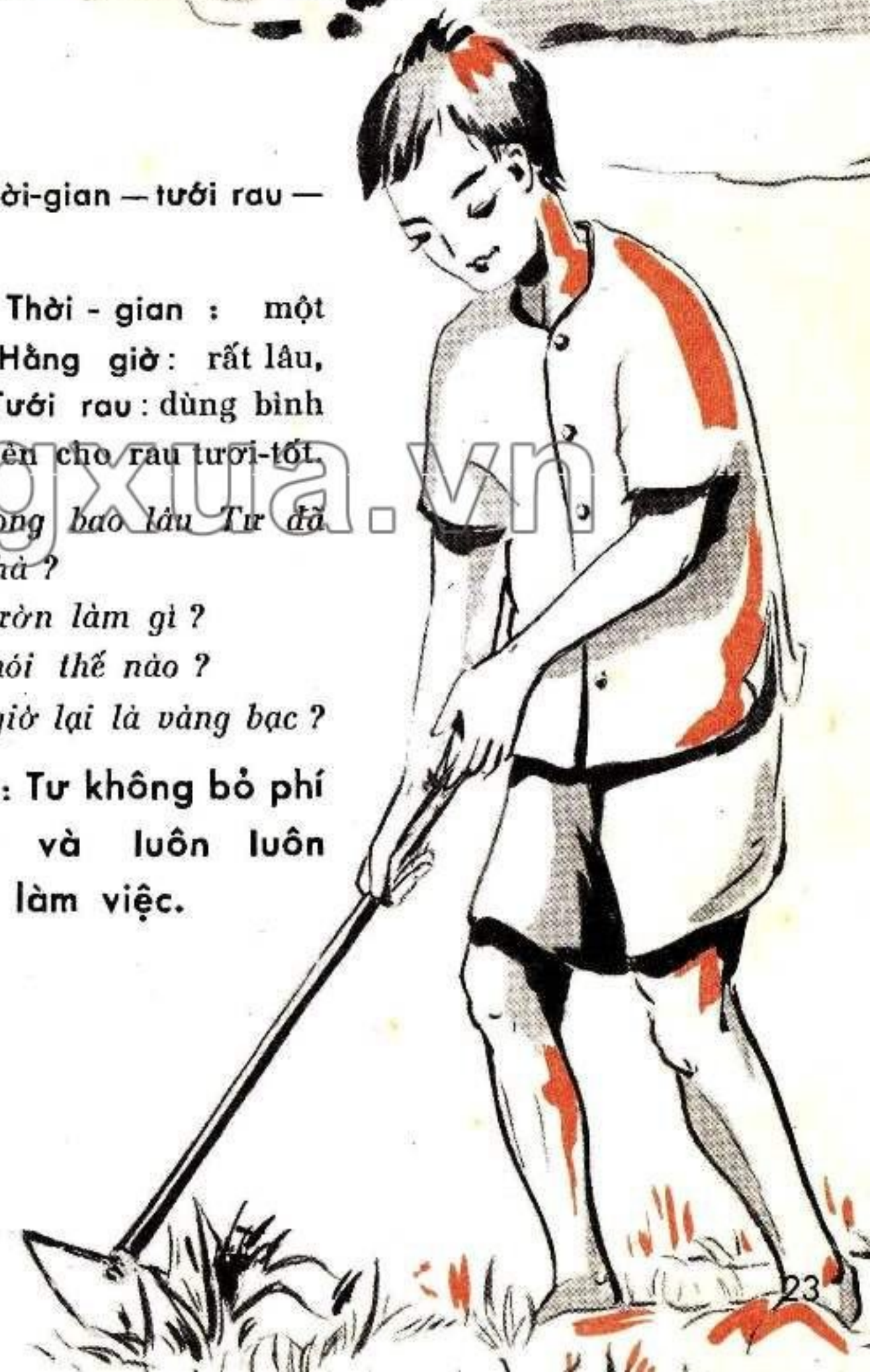
Câu hỏi : Trong bao lâu Tư đã quét xong cái nhà ?

Rồi bác ra vườn làm gì ?

Bác thường nói thế nào ?

Tại sao thời-giờ lại là vàng bạc ?

Đại-ý : Tư không bỏ phí thời - giờ và luôn luôn chăm-chỉ làm việc.





5. Đồng-hồ chết máy

Bà lại kể tiếp :

— Trong khi mọi người mãi-miết làm việc thì Ba cứ nằm dài trên giường. Tới khi hồi chuông 12 giờ ở nhà thờ vang lên, bác ta mới uể-oải bò dậy. Nhìn đồng-hồ thấy kim chỉ 6 giờ bác ta lăm-bằm :

— Hãy còn sớm ! Ngủ chút nữa đã !

Đến đây bà ngừng lại hỏi Hải :

— Cháu có biết tại sao lúc ấy đồng-hồ mới chỉ 6 giờ không ?

— Có lẽ đồng-hồ của bác Ba hư rồi !

— Ừ, cháu nói đúng đấy ! Đồng-hồ ấy chết máy, ngưng chạy từ 6 giờ sáng vì tối hôm qua bác Ba đã quên không vặn dây cót.

Phát-âm : kể tiếp — mãi-miết — uể-oải — lăm-bằm — vặn dây cót.

Giải-nghĩa : Mãi-miết : vội-vàng, không nghỉ. Uể-oải : chậm-chạp có vẻ mệt-nhọc, không muốn cử-động. Lăm-bằm : nói nhỏ nhỏ trong miệng. Chết máy : máy đứng im, không chạy, không chuyển-động nữa.

Câu hỏi : Ba làm gì trong khi mọi người mãi-miết làm việc ? — Anh uể-oải bò dậy lúc nào ? — Anh nhìn đồng-hồ thấy kim chỉ mấy giờ ? — Anh lăm-bằm nói gì ? — Tại sao giữa trưa mà đồng-hồ còn chỉ 6 giờ ?

Đại-ý : Ba lười không lên dây đồng-hồ nên không còn biết giờ-giác nữa.





HỌC THUỘC LÒNG

6. Buổi sáng

Sáng ngày, dậy sớm, ra sân,
 Vươn vai, vận-động tay chân một hồi
 Tới khi lưng có mồ-hôi
 Thì em tập thở, theo lời thầy khuyên.
 Sáu giờ, chuông đã vang lên
 Sẵn ly nước sạch, em liền chải răng,
 Gội đầu, lau mặt, rửa chân
 Người em sạch-sẽ, áo quần thơm-tho.

Bảo-Vân

Phát - âm : Dậy sớm — sáu giờ — chải răng — sạch-sẽ.

Giải-nghĩa : Vươn vai : đưa hai cánh tay lên khỏi vai, thở ra cho hết mệt.

Vận-động : giờ tay, giờ chân, cử-động thân-thể.

Vang lên : nổi lên, vọng ra xa.

Thơm-tho : có mùi thơm.

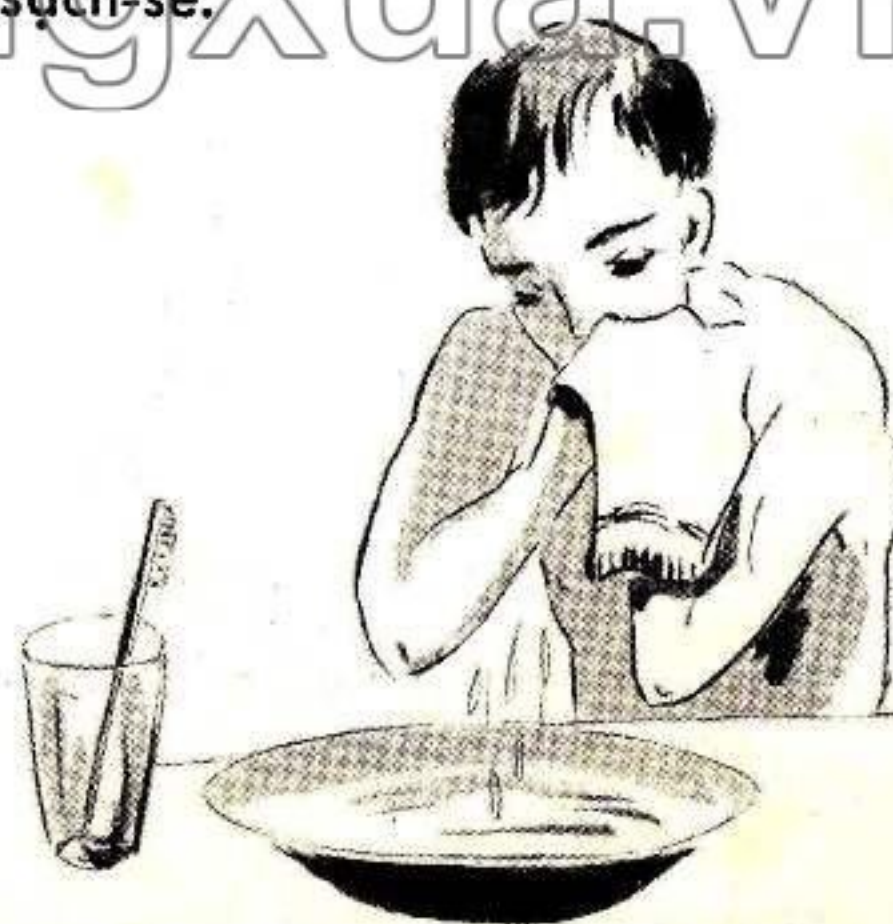
Câu hỏi : Sáng ngày em dậy sớm ra đâu ?

Em làm gì ở ngoài sân ?

Đến sáu giờ thì em làm gì ?

Rửa mặt xong rồi, người em thế nào ?

Đại - ý : Sáng dậy, em tập thể-dục rồi rửa mặt sạch-sẽ.



7. Làm ăn phát-đạt

— Ngày tháng trôi qua. Các cháu có biết cuộc đời của hai chàng đó ra sao không?

Hải và Thúy chưa kịp trả lời thì bà nói tiếp:

— Bác Tư, nhờ tính chịu khó, hay làm, đã để dành được một số tiền lớn. Bác tậu nhà, tậu ruộng, làm ăn càng ngày càng phát-đạt hơn.

Thúy quay lại hỏi Hải:

— Chắc bác Tư còn tậu xe hơi nữa, anh Hải nhỉ!

— Ừ — Hải đáp — có lẽ xe này đẹp lắm!

Bà vừa cười, vừa bảo:

— Xe của bác Tư không đẹp nhưng rất lớn. Hằng tháng, bác dùng xe chở đầy hàng ra tỉnh bán.

Phát - âm : Trôi qua — ra sao — để dành — phát-đạt.

Giải-nghĩa : Trôi qua : đi qua một cách nhẹ-nhàng, êm-thắm không ngờ tới.

Tậu : mua, sắm.

Phát-đạt : tấn-tới, thu được nhiều lời hơn trước.



Câu hỏi : Tại sao bác Tư để dành được một số tiền lớn?

Bác dùng tiền đó tậu gì?

Công-việc làm ăn của bác Tư càng ngày càng thế nào?

Bác sắm loại xe hơi gì?

Xe này dùng để chở hàng đi đâu?

Đại-ý : Nhờ chịu khó nên công-việc làm ăn của bác Tư càng ngày càng phát-đạt.

8. Tỉnh-ngộ

— Trong khi ấy thì nhà bác Ba càng ngày càng sa-sút. Suốt từ mùa đông cho đến mùa hè, bác có chịu mó tay vào việc gì đâu? Cứ ngồi mà ăn thì đèn nui cũng còn phải lở nữa là...

— Rốt cuộc, bác Ba phải bán hết ruộng vườn rồi đi ăn xin. Thấy bạn nghèo-túng, bác Tư liền đón về nhà mình tìm cách giúp-đỡ. Nhờ sự tận-tâm khuyên-bảo của bác Tư, Ba dần dần tỉnh-ngộ. Ba quyết từ nay chăm-chỉ làm việc và không lười-biếng nữa.

— Chắc rồi bác Ba cũng lại giàu-có như bác Tư, bà nhỉ! Hải nói.

— Đúng thế! Bà vừa xoa đầu Thúy vừa trả lời.

Phát-âm : Sa-sút — núi lở — khuyên — quyết — xoa đầu.

Giải-nghĩa : Sa-sút : thua kém, ở đây có nghĩa là nghèo đói. Nghèo-túng : không có tiền tiêu. Tỉnh-ngộ : tỉnh ra, nhận thấy rằng mình lầm-lỗi. Tận-tâm : hết lòng, hết sức, không quản khó-nhọc.

Câu hỏi : Nhà bác Ba càng ngày càng thế nào? — Rốt cuộc, bác phải làm gì? — Thấy thế bác Tư làm thế nào? — Nhờ đâu, Ba dần dần tỉnh-ngộ? — Bác quyết từ nay phải thế nào? — Rồi bác sẽ theo kịp ai?

Đại-ý : Nhờ Tư giúp, Ba quyết từ nay không lười-biếng nữa.





HỌC THUỘC LÒNG

9. Thời-giờ

Thời-giờ ngựa chạy, tên bay,
Hết trưa lại tối, hết ngày
lại đêm.

Đông qua, Xuân đã tới liền,
Hè về rực rỡ, êm-dềm Thu
sang...

Giờ con chăm học, chăm làm,
Thì mai sau sẽ giỏi-giang,
giúp đời.

Nước nhà trông-đợi, con ơi,
Phải nên ghi-nhớ những lời
thầy khuyên.

Trúc-Sơn

Phát-âm : Trưa — giỏi-giang
— thời-giờ.

Giải-nghĩa : Ngựa chạy tên
bay : ý nói là thời-giờ trôi qua
rất nhanh, như ngựa chạy, tên
bay.

Giúp đời : giúp ích cho mọi
người ở trên đời.

Câu hỏi : Thời-giờ trôi nhanh
vì như gì ?

Những mùa gì kế-tiếp nhau
qua ?

Đây là lời của ai khuyên ai ?
Bây giờ ta chăm học để mai
sau làm gì ?

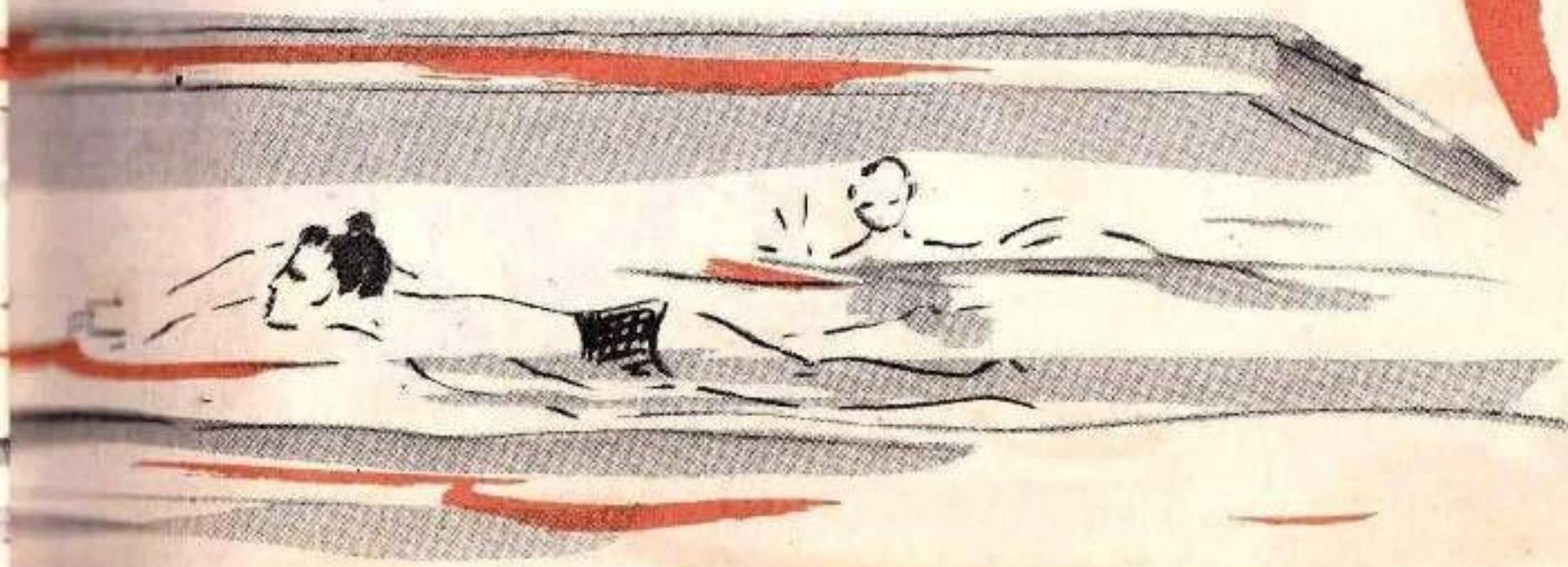
Đại-ý : Thời-giờ trôi qua
rất mau. Bây giờ ta phải
chăm học để mai sau giúp
ích cho đời.





thuongmaitruongxuan

CHƯƠNG II THÂN-THỂ



10. Cơ-quan nào cần nhất?

Giờ cách-trí, để thử óc thông-minh của học-trò,
cô giáo hỏi:

— Trong thân-thể người ta cơ-quan nào cần nhất?

Hỏi giờ tay đứng lên đáp:

— Thưa cô, tim quan-trọng hơn cả vì tim làm
máu lưu-thông nuôi thân-thể.

Mình không đồng-ý:

— Con cho là dạ-dày và ruột cần hơn tim vì nó
làm cho thức ăn tiêu-hóa.

Thỉnh phản-đối:

— Theo ý con thì phổi mới là
cơ-quan chính vì không có phổi ta
không thở được và sẽ chết.

Cô giáo mỉm cười giảng-giải:

— Các cơ-quan trong thân-thể
đều cần-thiết như nhau. Một cơ-quan
bị đau, các cơ-quan khác đều bị ảnh-
hưởng và toàn thân sẽ bị suy yếu.
Trong xã-hội cũng vậy, người nọ phải
nhờ người kia mới sống được.



Phát-âm: Cách-trí — quan-trọng — ruột — cơ-quan —
suy-yếu.

Giải-nghĩa: Lưu-thông: đây là chảy đi khắp nơi.

Không đồng-ý: Không cùng một ý, không
cho thế là phải.

Phản-đối: chống lại.

Bị ảnh-hưởng: đây ý nói là bị đau lây.

Toàn-thân: cả thân-thể.

Câu hỏi: Giờ cách-trí, cô giáo hỏi học-trò thế nào?
Hỏi đáp sao?
Mình trả lời thế nào?

Thỉnh cho là cơ-quan nào quan-trọng?

Cô giáo giảng-giải ra sao?

Tiếng phản-nghĩa của chết là gì?

Kể tiếng đồng-âm với sống và cho thí-dụ.

Đại-ý: Các cơ-quan trong thân-thể đều liên-quan
với nhau cũng như mọi người trong
xã-hội.

11. Đố ai biết ?

Sau bữa cơm tối, cả gia-đình Hải quây-quần trong phòng khách. Hải nói :

— Đố chị Bích và anh Sơn, tại sao người ta có hai tai, hai mắt mà chỉ có một miệng ?

Bích và Sơn nghĩ mãi không ra. Hải giải-thích :



— Cô giáo bảo có hai tai, hai mắt là để nghe và trông được nhiều. Và chỉ có một miệng là để nói ít và ăn uống cho vừa phải.

Bà Tám ngồi khâu cạnh đây, cười nói :

— Cô giáo nói thế là có ý khuyên các con không nên tham ăn, và ở lớp không nên nói chuyện dầy.

Phát-âm : Quây-quần — giải-thích — trông — khuyên.

Giải-nghĩa : Giải-thích : giảng cho hiểu.

Ăn uống vừa phải : ăn uống không nhiều quá, không ít quá.

Câu hỏi : Sau bữa cơm tối, gia-đình Hải sum-hạp ở đâu ?

Hải đố chị Bích và anh Sơn thế nào ?

Bích và Sơn không biết, Hải giải-thích sao ?

Bà Tám giảng thêm thế nào ?

Đại ý : Người ta nên nghe nhiều, trông rộng, nói ít và ăn uống có điều-độ.

HỌC THUỘC LÒNG

12. Óc và chân tay

Óc ngồi điều-khiển trên
cao,

Chân, tay làm việc xiết
bao nhọc-nhàn !

Một hôm tay bạn với
chân :

— Chúng ta cực-khò, phải cần đấu-tranh,
Tội chi để óc sai mình,
Cần chi đến óc, việc mình mình lo ! »
Thế là hai chú 'tự-do'
Chân đi bừa-bãi, tay quờ lung tung.
Chân vấp, trẹo, tay đụng, sưng,
Lại gây đồ vỡ tứ-tung trong nhà.

Chiêu-Đăng



Phát-âm : Đấu-tranh — sai — đồ vỡ — trong — trẹo.

Giải-nghĩa : Điều-khiển : sai-khiến, ra lệnh.

Nhọc-nhàn : vất-vả.

Đấu-tranh : đây ý nói đòi lại quyền tự-do không để óc sai-khiến nữa.

Hai chữ 'tự-do' : ý nói chân tay làm theo ý mình không cần sự điều-khiển của óc.

Quờ : sờ-soạng.

Trẹo : trật xương, sai khớp.

Câu hỏi : Óc ngồi trên cao làm gì ?

Tay chân phải làm việc thế nào ?

Hai chú bàn nhau sao ?

Bàn thế rồi làm gì ?

Chân bị thế nào ?

Tay bị thế nào ?

Bài này khuyên ta điều gì ?

Tiếng đồng-nghĩa với điều-khiển là gì ?

Kể những tiếng đồng-âm với bàn và cho thí-dụ.

Đáp-ý : Vì không theo óc điều-khiển, nên chân tay đã bị thương và gây đồ vỡ.



13. Bội-thực

Trước kia Hải ăn uống không điều-độ. Bữa nào có thức ăn ngon, anh ăn đến bốn, năm bát cơm. Trái lại, bữa nào ít thức ăn, anh chỉ vờ qua-loa lưng bát rồi đứng dậy.

Một hôm được đi ăn cỗ, anh ăn nhiều quá, về nhà bị đau bụng. Anh lăn-lóc, quằn-quại trên giường, vừa khóc vừa kêu trời kêu đất. Mẹ anh hết dấm bóp lại xoa dầu nhưng vô-hiệu. Sau phải mời thầy thuốc đến, cho nôn hết thức ăn ra mới khỏi.



Từ đấy Hải không dám ăn quá độ nữa. Bữa nào anh cũng chỉ ăn ba miệng bát cơm, dù có nhiều món ăn ngon cũng vậy. Anh đã bỏ hẳn được thói tham ăn, nên ai cũng khen.

Phát - âm : Trái lại — quằn-quại — giường — trời.

Giải-nghĩa : Bội-thực : ăn nhiều quá, không tiêu kịp, sinh ra tức bụng.

Điều-độ : vừa phải, có chừng mực.

Và : dùng đầu đũa đưa thức ăn vào miệng.

Vô-hiệu : đây là không khỏi.

Nôn : mửa ra, còn nói là ói.

Ăn quá độ : ăn nhiều quá.

Câu hỏi : Trước kia Hải ăn uống thế nào ?
Hôm đi ăn cỗ về, tại sao anh đau bụng ?
Sau phải chữa cách nào mới khỏi ?
Từ đấy Hải ăn uống thế nào ?
Bài này khuyên ta gì ?
Kể những tiếng đồng-âm với bát và cho thí-dụ.

Đại - ý : Sau khi bị bội - thực, Hải biết ăn uống điều-độ.

14. Khí trời tốt hơn thuốc bổ

Nhà Thái, bạn Hải, chật hẹp lại không được thoáng khí và thiếu ánh-sáng. Vì vậy Thái không được khỏe-mạnh lắm.

Cô giáo thấy Thái gầy yếu, nên cho anh đi trại hè Nha-trang. Ở đây, ngày nào anh cũng được ra bãi biển hít thở khí trời trong-sạch. Da-dẻ anh trở nên hồng-hào, ngực nở-nang và anh ăn thấy ngon miệng.



Hôm Thái ở trại về, ông bà Tám thấy con khỏe-mạnh liền đến cảm ơn cô giáo. Cô cười nói:—Cháu được như vậy chẳng phải là nhờ tôi săn-sóc, mà chính là nhờ ở không-khí trong-lành ngoài bãi biển. Khí trời tốt hơn mọi thứ thuốc bổ.

Phát-âm : Ánh-sáng — trại hè — trong-sạch — săn-sóc.

Giải-nghĩa : Thuốc bổ : thuốc uống cho người thêm khỏe-mạnh.

Thoáng khí : ý nói khí trời được thay đổi luôn.

Bãi biển : vùng cát rộng và phẳng ở ngay bờ biển.

Săn-sóc : chăm-nom.

Câu hỏi : Nhà Thái thế nào ?

Vì sao Thái không được khỏe-mạnh ?

Cô giáo cho anh đi trại hè ở đâu ?



Nhờ gì anh trở nên khỏe-mạnh ?

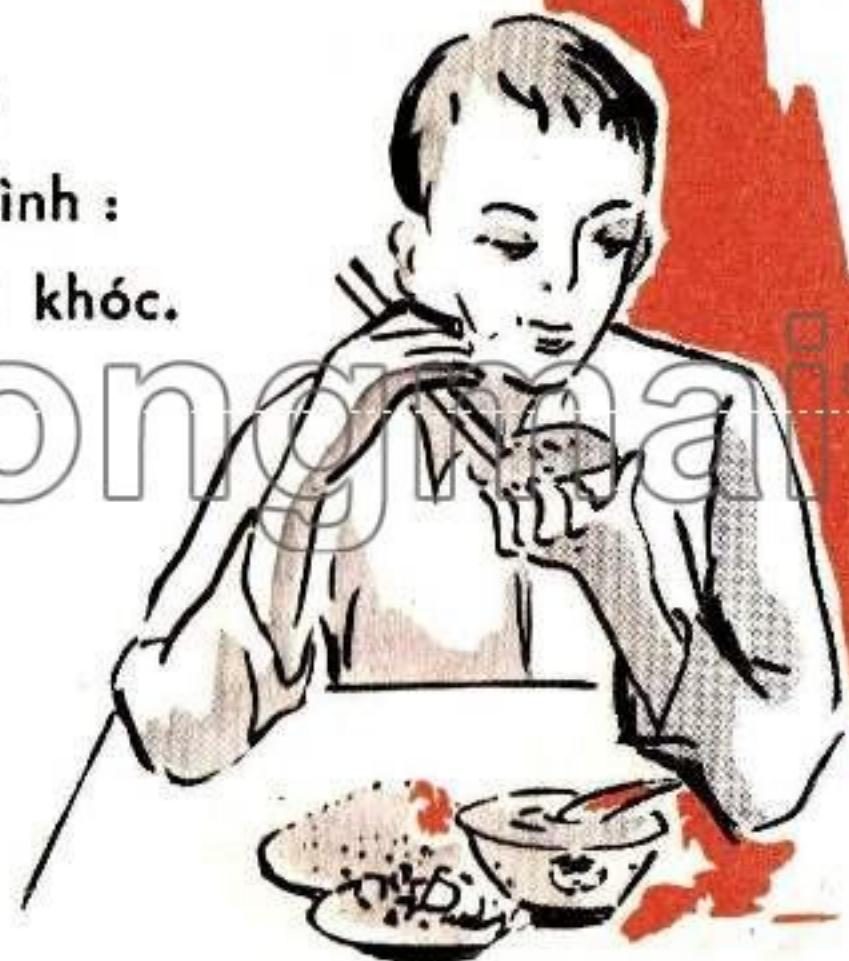
Hôm về, cô giáo nói với cha mẹ anh thế nào ?

Tiếng phản-ngiã với khỏe-mạnh là gì ?

Đợi-ý : Nhờ được đi trại hè ở bãi biển Nha-trang, Thái trở nên vạm-vỡ, khỏe-mạnh.

15. Mồm và Chân Tay

Tay, Chân làm vất-vả,
Mồm vui hưởng một mình.
Chúng nghĩ: —Ta đại quá,
Tội chi nuôi thằng ranh!
Nó ăn rồi nói dóc,
Ta khờ, ai thấu tình?
Nghĩ rồi, mọi việc đình:
Mồm đói, đành ngồi khóc.



Nhưng được vài ba hôm,
Tay, Chân đều mệt lử.
Lại phải làm nuôi Mồm,
Mới hồi sức như cũ.

Chiêu-Đăng

Phát - âm : Vất - vả — thằng
ranh — mệt lử —
hồi sức — cũ.

Giải-nghĩa : Vui hưởng một
mình : ý nói chỉ
một mình mồm
được ăn uống
sung-sướng.

Thằng ranh : thằng
khôn vặt và láu-
lỉnh ; chỉ cái
mồm.

Nói dóc : nói sai
sự thật để mua
vui.

Đình : ý nói thôi
không làm việc
nữa.

Mệt lử : đây là
mệt quá không
muốn cử - động
nữa, vì đói.

Hồi sức : lại khỏe
như cũ.

Câu hỏi : Tay Chân phải làm việc thế nào ? Để làm gì ?
Chúng nghĩ thế nào ?
Nghĩ thế rồi chúng nhất-định sao ?
Mồm bị thế nào ?
Nhưng Chân Tay cũng bị sao ?
Chân Tay lại phải làm việc như trước vì
muốn gì ?
Tiếng đồng-nghĩa với vất-vả là gì ?
Tiếng phản-nghĩa với khóc là gì ?

Đại - ý : Ở đời người nọ phải nhờ người kia mới
sống được.



16. Năng vận-động

Sau giờ tập thể-dục, cô giáo gọi Hải lên đứng trước mặt học-trò. Cô chỉ vào bộ ngực nở-nang và cánh tay rắn chắc của Hải rồi hỏi:

— Các con có biết tại sao Hải vạm-vỡ, khỏe hơn các con không?

Đồng nhanh-nhau đáp:

— Thưa cô, tại anh Hải hay tập thể-dục và thích đá banh.

— Con nói đúng đây. Nhưng cũng bởi ở nhà Hải thường làm việc giúp-đỡ cha mẹ. Vì năng vận-động chân tay, nên thân-thể Hải nở-nang. Muốn được khỏe-mạnh, ít ốm đau, các con nên noi gương Hải.

Phát-âm: Vận-động — trước mặt — học-trò — trả lời — giúp.

Giải-nghĩa: Năng vận-động: ý nói hay cử-động, làm việc nọ, việc kia, không ngồi yên.

Nở-nang: phồng to.

Noi gương: làm theo điều tốt mà người khác đã làm.

Câu hỏi: Sau giờ tập thể-dục, cô giáo gọi Hải lên đứng đâu?

Cô hỏi học-trò thế nào? Đồng đáp sao?

Cô giảng thêm thế nào?

Bài này khuyên ta gì?

Dẫn và rắn khác nhau thế nào?

Tiếng phản-nghĩa với nhanh-nhau là gì?

Dạy-ý: Có năng vận-động thì thân-thể mới khỏe-mạnh.





17. Cô giáo ốm

Độ này cô giáo lớp Hải xanh và gầy lắm. Cô bị ốm, giọng nói yếu đi, nhưng vẫn cố-gắng giảng bài. Một hôm cô đến chơi nhà Hải, bà Tám khuyên cô nên nghỉ ít lâu, để tĩnh-dưỡng. Cô mỉm cười đáp:

— Tôi vui chỉ vì học-trò, nghỉ ở nhà thì buồn chết.

Nói thế nhưng rồi mấy hôm sau cô cũng buộc lòng phải nghỉ vì ốm nặng, không gượng được nữa: cô phải đi nhà thương. Một buổi chiều, bà Tám dẫn Hải đến thăm cô. Cô nằm trên giường bệnh, mắt thâm quầng, mặt hốc-hác nước da xanh nhợt. Hải ngồi cạnh giường. Cô cầm tay Hải hỏi:

— Đã có thầy thay cô chưa?

Bà Tám vội ngắt lời:

— Cô đừng bận tâm đến việc trường nữa thì mới chóng khỏi được.

Phát - âm : Giọng — giảng — khuyên — học-trò — trường.

Giải-nghĩa : Tĩnh-dưỡng : ở một nơi yên-tĩnh, để dưỡng sức.

Mặt hốc-hác : mặt gầy, mắt sâu, má lõm.

Bận tâm : bận lòng, phải nghĩ-ngợi luôn đến việc gì.

Thâm quầng : ý nói mắt có vành đen vì người không được khỏe hoặc không ngủ được.

Câu hỏi : Độ này cô giáo lớp Hải thế nào?

Một hôm cô đến chơi, mẹ Hải khuyên thế nào?

Cô trả lời sao?

Nhưng rồi tại sao cô phải đi nhà thương?

Hôm Hải đến thăm, cô hỏi gì?

Dù đang bệnh cô giáo lớp Hải vẫn nghĩ đến ai?

Đối với học-trò, cô là người thế nào?

Kể tiếng đồng-âm với xanh và cho thí-dụ.

Đại - ý : Cô giáo lớp Hải dạy học hết lòng, trên giường bệnh cô vẫn nghĩ đến học-trò.



HỌC THUỘC LÒNG

18. Mắt và Mũi

Mắt cận-thị cần đeo nhãn-kính,
 Nhờ Mũi cho đề kính trên lưng.
 Một hôm Mũi bỗng bị sưng,
 Tưởng là tại kính, bưng-bưng nổi xung :
 — Này anh Mắt, khỏi dùng kính nữa,
 Hãy nghe tôi đập vỡ cho rồi !
 Nói xong, quăng kính một nơi.
 Mắt không đeo kính, tưởng vôi đâm sầm.
 Mũi tá bị giập tím bầm :
 Mới hay mọi việc phải cần lẫn nhau.

Chiêu-Đặng

Phát - âm : Kính — sưng — nữa — vỡ — sầm.

Giải-nghĩa : Cận-thị : chỉ nhìn được gần, nhìn xa không thấy rõ.

Nhãn-kính : kính đeo mắt.

Nổi xung : nổi giận, phát cáu.

Quăng : liệng đi, vứt đi.

Đâm sầm : đưa mình vào rất mạnh vì không thấy đường.

Câu hỏi : Tại sao mắt cần phải đeo kính ?
 Mắt nhờ Mũi việc gì ?
 Một hôm, Mũi bị thế nào ?
 Mũi nói gì với Mắt ?
 Mắt không đeo kính, đi đâm vào đâu ?
 Mũi bị thế nào ?
 Bài này ý nói gì ?
 Kể tiếng đồng-âm với kính và cho thí-dụ.
 Tiếng phản-nghĩa với cận-thị là gì ?

Đạo-ý : Ở đời mọi người phải nhờ lẫn nhau.





19. Chết oan

Phái-đoàn y-tế đến áp tiêm thuốc trừ tả. Già, trẻ, trai, gái, mọi người kéo nhau ra đình chích thuốc. Riêng gia-đình bác Tư không đi. Bà Tám rủ thì bác Tư nói:

— Ồi chào! Chả việc gì phải chích. Biết có ăn thua gì không mà lại thêm phát sốt cả người.

Được ít lâu, thằng Thìn, con bác Tư, chẳng may mắc bệnh dịch-tả. Bác đã mời mấy ông lang, tốn kém rất nhiều mà rút cục thằng bé chết.

Liên sau đó nhân-viên y-tề chích ngừa cho cả gia-quyền bác và tầy uề nhà cửa.

Bác Tư buồn lắm, phần vì thương con, phần vì hồi-hận. Một hôm gặp bà Tám, bác vừa khóc vừa nói:

— Giá hồi ấy tôi nghe bác, cho cháu tiêm thuốc phòng bệnh, thì đâu đến nỗi cháu phải chết oan.

Phát - âm : Trừ — trai — rủ — phát sốt — rút cục.

Giải-nghĩa : Phái-đoàn y-tế : đoàn người có nhiệm-vụ đến các làng săn-sóc sức khỏe cho dân-chúng.

Ông lang : thầy thuốc ta.

Hồi-hận : buồn-rầu, đau-khổ vì đã làm-lỗi.

Phòng-bệnh : ngăn-ngừa cho khỏi mắc bệnh.

Câu hỏi : Phái-đoàn y-tế đến làng làm gì ?

Mọi người kéo nhau đi đâu ?

Bác Tư nghĩ thế nào mà không cho gia-đình chích thuốc ?

Được ít lâu, con bác bị bệnh gì ?

Giá nó chích thuốc trừ tả trước thì có bị chết không ?

Tiếng phản-nghĩa với buồn là gì ?

Tiếng đồng-nghĩa với chết là gì ?

Đợi-ý : Bác Tư không cho con chích

thuốc trừ tả, làm con bị chết oan.



20. Cần phải khỏe

Muốn cho sức mạnh dồi-dào,
Cần tập thể-dục, thể-thao hằng ngày.
Luyện cho cứng-cáp chân tay,
Luyện cho thân-thể dạn-dày nắng mưa.
Dù cho tiền bạc có thừa,
Mà thiếu sức khỏe dễ mua được nào.
Những người ốm-yếu, xanh-xao,
Kém ăn ít ngủ, đời bao ưu-phiền !
Nước nhà trồng-cậy thanh-niên,
Làm trai ta phải luyện-rèn sức trai.

Chiêu-Đăng

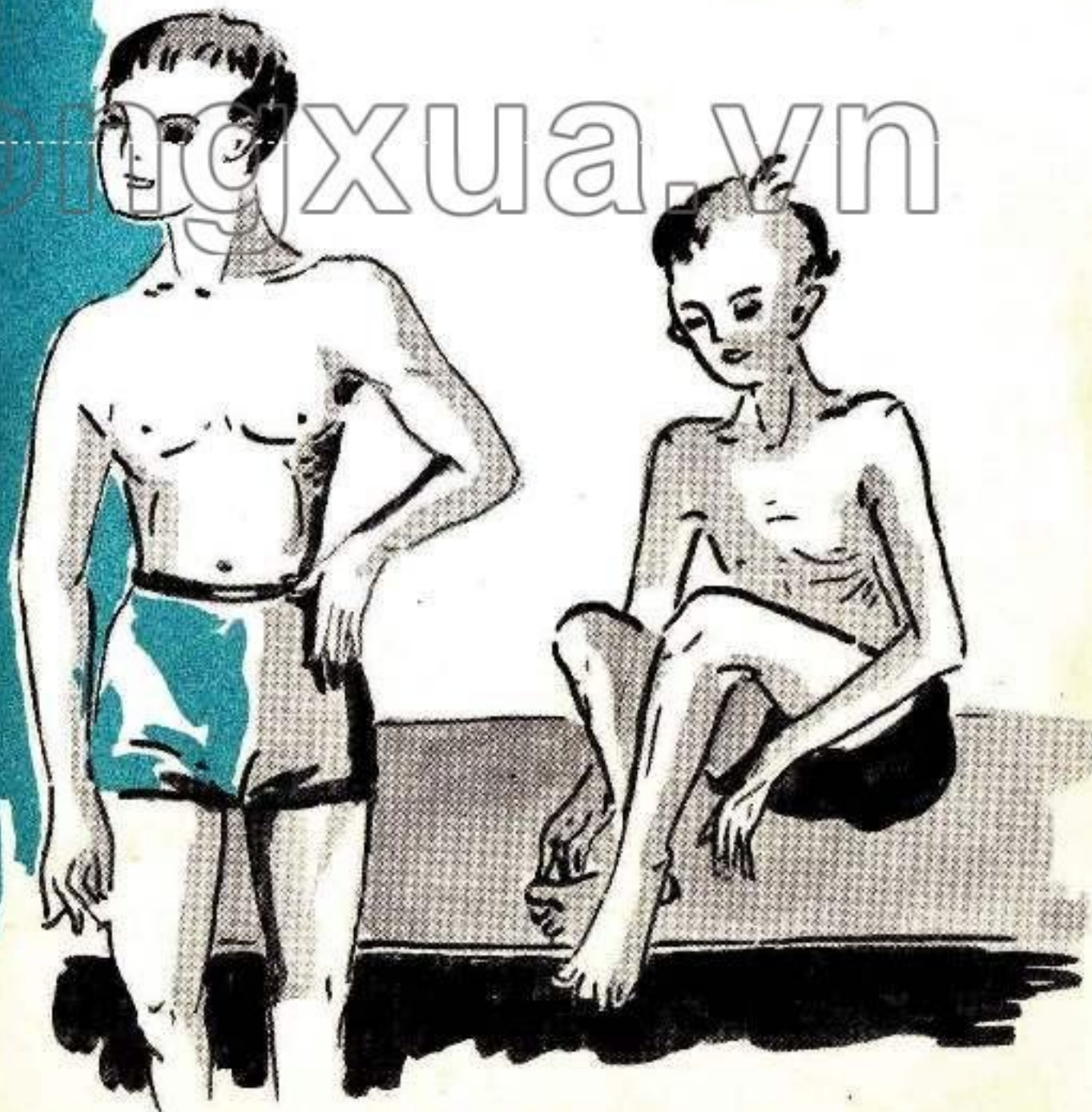
Phát - âm : Sức khỏe — trồng cấy — trai — luyện-rèn.

Giải-nghĩa : Dồi-dào : nhiều, thừa-lãi.
Luyện : tập rèn.
Dạn-dày : chịu đựng quen
Ưu-phiền : lo-âu, buồn-bã.
Thanh-niên : người trẻ tuổi.

Câu hỏi : Muốn cho khỏe mạnh, ta phải làm gì ?
Ta phải luyện cho chân tay thế nào ?

Luyện cho thân-thể thế nào ?
Vì sao sức khỏe đáng quý ?
Những người ốm yếu thì đời họ ra sao ?
Tại sao thanh-niên phải luyện-rèn sức khỏe ?
Kể những tiếng đồng-âm đời bạc và cho thí-dụ.

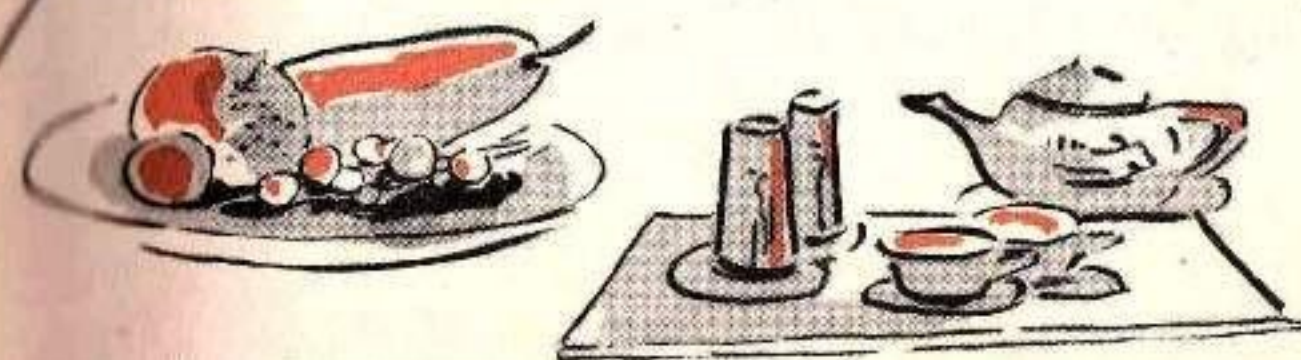
Đại - ý : Ta phải luyện-rèn thân-thể được khỏe-mạnh và sau này giúp nước.





thuongmaitruong.vn

CHƯƠNG III ĂN UỐNG





21. Bữa cơm chiều

Chiều nay chủ-nhật, ba tắm xong liền vào bàn ăn cùng má và các con. Anh Sơn so đĩa. Chị Bích xới cơm rồi đem ra bát cho Hải bưng lên, đặt trước mọi người.

Cơm nóng tỏa mùi thơm ngào-ngọt. Bữa ăn hôm nay có nhiều món hơn mọi ngày. Mấy món ăn thường như: cá kho nước dừa, canh sườn nấu cà chua, dưa cải. Lại thêm hai món nóng sốt: đậu rán giòn chầm tương, thịt bò xào khoai tây.

Hải cảm-cúi ăn... Ba cười hỏi:

- Hải ăn vội thế! chắc con đói lắm hử?
- Thưa ba, con vừa đi tắm về, đói quá!
- Vậy con nên ăn nhiều một chút. Nhưng đừng ăn vội-vàng khó tiêu.

Phát - âm : Bữa cơm chiều — so đĩa — trước — món ăn thường — nước dừa — sườn — chua — rán giòn — tương — tiêu.

Giải-nghĩa : Thơm ngào-ngọt: bốc lên mùi thơm lắm, thơm phưng-phức.

So đĩa : sắp đĩa từng đôi bằng nhau.

Tỏa : tản-mát ra.

Cảm-cúi ăn : cúi đầu ăn, không để ý đến việc khác.

Câu hỏi : Khi sắp ăn, ai xới cơm ra bát?

Ai so đĩa? Em làm gì đỡ mẹ?

Lúc ngồi vào bàn ăn, em ngửi thấy mùi gì?

Em thích ăn đậu rán chấm gì?

Vì sao không nên ăn vội-vàng?

Tìm tiếng đồng-nghĩa với: ngào-ngọt, vội-vàng.

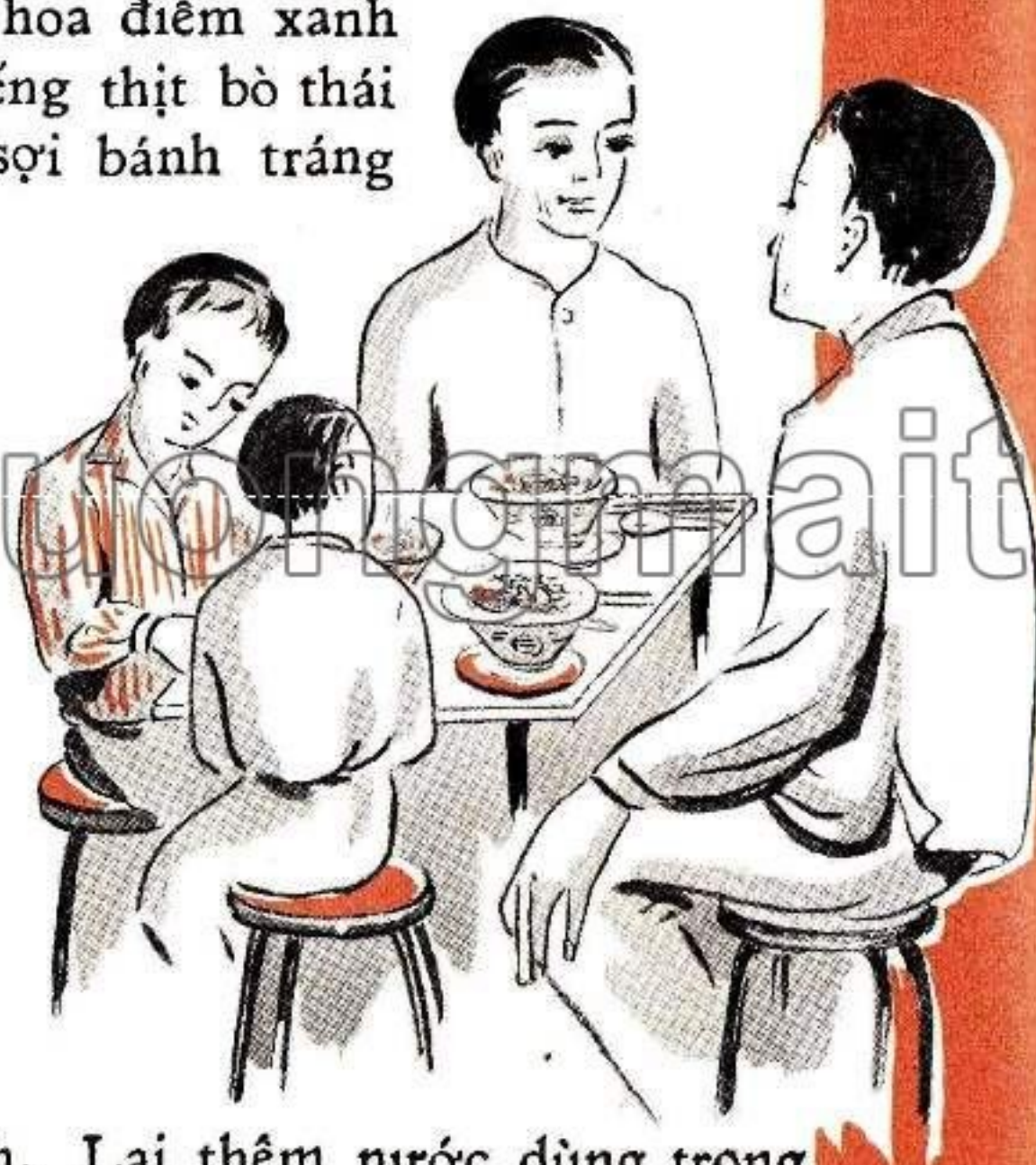
Dạy-ý : Vào chiều chủ-nhật, cả gia-đình sum-họp ăn cơm ngon lành.



22. Ăn phở

Sáng nay, ba mời chú Mười đi ăn phở. Hải và Sơn cũng được theo đi. Tiệm phở này có tiếng là ngon, khách ăn đông nghịt...

Nhà hàng đặt bốn tô phở trước mặt mọi người. Phở nóng hổi, bốc hơi thơm phưng-phức. Trong mỗi tô ít màu hành hoa điểm xanh trên những miếng thịt bò thái mỏng, những sợi bánh trắng



màu trắng tinh. Lại thêm nước dùng trong nổi sao mỡ phơn-phớt vàng. Chưa ăn đã thấy ngon.

Hải cầm đũa đảo thịt và bánh cho ngấm nước dùng, rồi gấp vào thìa, ăn thích-thú... Chú Mười cất tiếng khen:



— Ăn phở nóng thật là ngon. Ở quê em thiếu hẳn món quà này.

Ba vui-vẻ nói:

— Vậy anh mời chú ăn thêm tô nữa!

Phát - âm : Mười — được — ngon — đặt trước — thơm — hành — xanh — bánh trắng — trắng tinh — thiếu.

Giải-nghĩa : Đông nghịt : đặc kín những người.

Nóng hổi : nóng lắm.

Phơn-phớt vàng : hơi vàng.

Quà : món ăn thêm, ngoài những bữa chính.

Câu hỏi : Ba mời chú Mười đi ăn ở đâu?

Tại sao tiệm phở này đông khách vậy?

Hải thấy trong mỗi tô phở có gì?

Hải đảo thịt và bánh để làm gì?

Tại sao ba Hải mời chú Mười ăn thêm tô phở nữa?

— Tìm tiếng trái nghĩa với : nóng hổi, trắng tinh.

Dạy - ý : Ăn phở nóng vừa thấy thơm vừa ngon miệng.

23. Bữa cơm ngon

Ngày ngày tôi thích bữa chiều,
Cơm thường xoàng-xĩnh, nhưng nhiều người ăn.
Cả nhà đông-đủ quanh bàn,
Này ba, này má, này đàn em thơ...
Rau dưa với thịt kho nhừ,
Chén cơm trắng dẻo, ngọt lừ tô canh.
Bữa ăn sum-họp gia đình,
Cơm rau thanh-đạm, mặn tình thương nhau.

Văn-Phúc

Phát - âm : Bữa chiều — thường — xoàng-xĩnh — nhiều —
trắng dẻo — thương nhau.

Giải-nghĩa : Cơm xoàng-xĩnh : cơm thường, có những món ăn
hàng ngày.

Em thơ : em còn ít tuổi.

Ngọt lừ : ngọt lắm.

Sum-họp : nhiều người họp lại, đông-đủ, vui-vẻ.

Thanh-đạm : trong và nhạt.

Bữa cơm thanh-đạm : bữa cơm có ít món ăn và
không có những món sang.

Mặn tình thương nhau :
thực lòng thương nhau
đậm-đà.

Câu hỏi : Bữa chiều, những ai cùng
ăn cơm với em ?

Sum-họp gia-đình có nghĩa
là gì ?

Ở nhà em, vào bữa cơm nào
thường có đông-đủ gia-đình ?
Tìm tiếng trái nghĩa với :
ngày, đủ.

Đợi-ý : Em thích bữa cơm chiều,
vì có đông-đủ gia-đình
cùng ăn.



24. Ăn trái cây

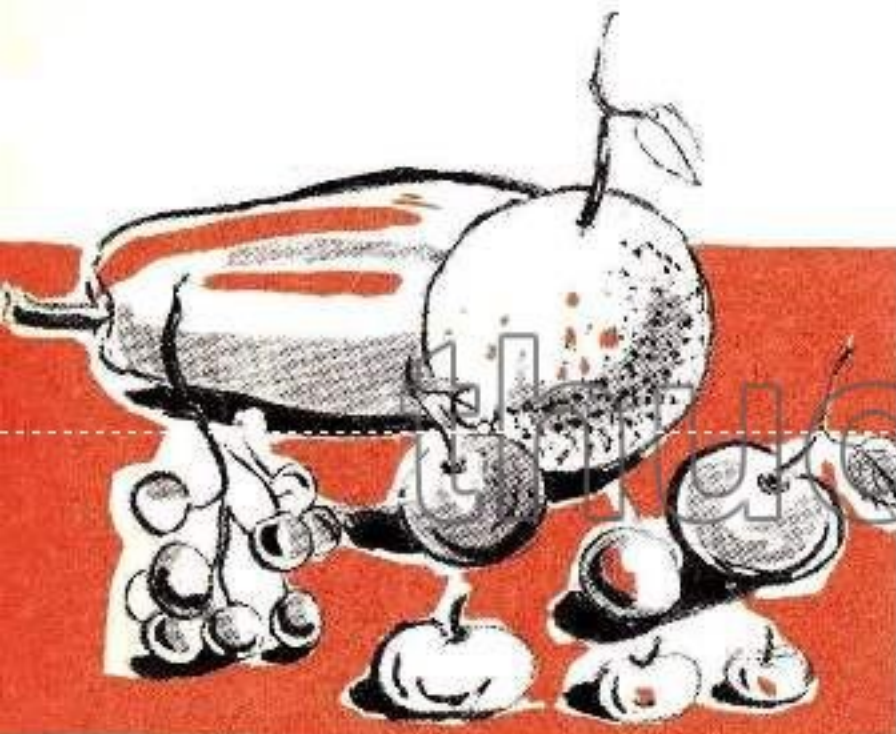
Trong những món ăn tráng miệng, chị Bích và em Vân không ham ăn bánh ngọt, chỉ thích trái cây. Khi phá cỗ Trung-thu, Vân xin mẹ na dai (1) và hồng Xiêm (2). Chị Bích dành phần một chùm nhãn và một trái cam.

Vân lấy dao gọt vỏ trái hồng Xiêm rồi bỏ tư. Miếng hồng chín loáng ướt nước ngọt. Thịt trái đượm màu nâu xạm ở vòng ngoài, vào trong màu nhạt dần, đến ruột thì trắng. Vân ăn từng miếng hồng mềm tan, thơm ngon, chan-chát...

Chị Bích bóc vỏ trái cam, lột hết lần cùi trắng, rồi tẽ ra từng múi. Chị sẽ đưa lưỡi dao, xẻ đôi mỗi múi, tách hạt bỏ đi rồi ăn. Múi cam đầy tép vàng mọng nước ngọt, chua chua và thơm-tho.

Phát - âm : Tráng miệng — Xiêm — miếng — loáng ướt — đưa — lưỡi.

Giải-nghĩa : Cỗ : những món ăn và bánh trái bày ra để thờ cúng, hoặc để đãi.
Phá cỗ : lấy cỗ xuống để ăn.
Bỏ tư : cắt ra làm bốn miếng.
Tẽ : làm cho rời ra, tách ra.



Mọng nước : có nước chứa đầy trong một màng mỏng.
Tép : túi nhỏ có màng mỏng, mọng nước, giống như con tép (tép bưởi, tép cam).

Câu hỏi : Bích và Vân thích ăn món tráng miệng nào ?
Em thích ăn những trái cây nào ?
Em ăn hồng Xiêm thấy có vị gì ?
Những trái nào có tép trong múi ?
— Tìm tiếng trái nghĩa với : ướt, chín (trái chín), chín (thịt chín).

Đại-ý : Bích và Vân thích ăn trái cây để tráng miệng.

1. Mãng cầu dai.
2. Sa-pô-chi-ê.

25. Uống nước dừa

Hải theo mẹ đi phở sấm đồ. Hai mẹ con thấy khát liền rẽ vào quán nước. Bà Tám gọi :

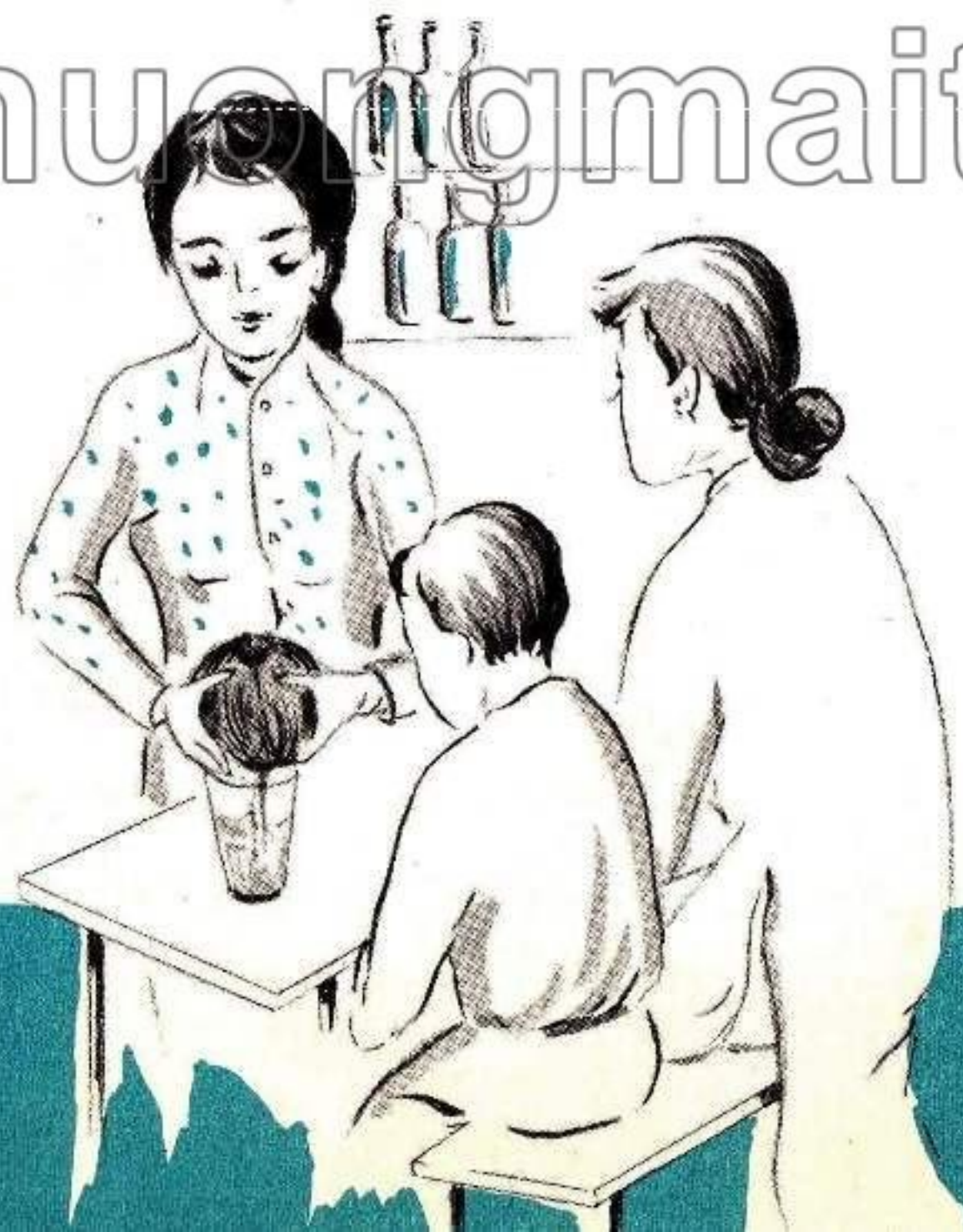
— Cho tôi hai ly nước dừa lạnh.

Cô hàng mở tủ lạnh, lấy ra hai trái dừa. Cô khoét một lỗ nơi đầu mỗi trái, dốc ngược trái xuống; nước chảy ùng-ục vào ly.... Rồi cô đặt trước mặt khách hai ly nước dừa màu trắng lơ lơ.

Bà Tám nhắc một ly trao cho Hải:

— Con uống đi cho mát.

Hải đón ly nước, uống một hơi... Nước lạnh



lạnh, vừa thơm dịu vừa ngọt bùi, hương vị đặc-biệt của dừa non ướp nước đá. Hải thấy ngon miệng, mát ruột, hết nóng-nực và quên cả mỗi chân.

thuvienmaitruongxua.vn

Phát-âm : Uống nước dừa—khoét—dốc ngược—
bùi—hương—ướp—ruột.

Giải-nghĩa : Sấm : mua.

Ùng-ục : tiếng nước chảy ngắt đoạn từ một chai dốc ngược.

Trắng lơ lơ : trắng đục, trắng mờ mờ, không trắng hẳn.

Thơm dịu : thơm vừa dễ chịu, không hắc.

Ngọt bùi : ngọt và ngầy ngầy như có chất béo.

Hương-vị : vị thơm mà ta nếm thấy.

Câu hỏi : Hải và bà mẹ thấy khát lúc nào ?

Nước dừa ở đâu chảy ùng-ục vào ly ?

Em đã uống nước dừa khi nào ?

Nhà hàng làm gì để có nước dừa lạnh ?

— Tìm tiếng đồng-nghĩa với : lạnh, trao.

Dại-ý :

Hải được uống dừa lạnh, thấy mát và quên mỗi chân.

26. Chén nước trà

Đồng trưa nắng chói đỉnh đầu,
Thợ cày giải khát, thả trâu bên đồi...
Khoan khoan thưởng chén trà tươi,
Hương xông trà đậm, nước ngồi ngồi
xanh...

Uống xong mấy chén ngon lành,
Thành-thời chợt nhớ chút tình vợ con.
Vợ lo pha nước vừa ngon,
Con lo xách nước lon-ton ra đồng.

Bảo-Thư



Phát - âm : Trưa — khoan khoan — trà tươi — hương xông — uống — nước.

Giải-nghĩa : Nắng chói : nắng nhiều làm lóa mắt.

Giải khát : uống nước cho hết cơn khát.

Khoan khoan : thông-thả, không vội.

Hương xông . mùi thơm bốc lên.

Trà đậm : trà pha đặc.

Nước ngồi ngồi xanh : nước trong, có màu xanh rõ-ràng.

Câu hỏi : Giữa trưa, ngoài đồng nắng thế nào ?

Thợ cày ngồi giải khát ở đâu ?

Họ uống nước gì ? Uống rồi, họ nhớ đến ai ?

Ai pha nước trà cho họ ?

Ai đem nước cho họ ?

Đại-ý : Giữa trưa, người thợ cày uống nước và nghĩ đến vợ con chăm lo cho mình.

27. Mua đồ nấu cỗ

Hôm nay bà Tám đến chợ sớm hơn mọi ngày. Bích xách giỏ đi theo. Hai mẹ con sắm đồ về nấu cỗ đề cúng giỗ.

Thoạt tiên, họ đi thẳng đến khu cuối chợ, mua được cặp gà vàng da, đỏ mào. Trở về giữa chợ, họ mua chiếc giò heo, một kí-lô thịt vai, và giò chả mỗi thứ nửa kí.

Ghé qua hàng chạp-phô, bà Tám sắm thêm bóng cá, nấm hương, miến và hành tây. Đến dãy hàng rau và trái cây, Bích mua cam, chuối và mấy thứ rau...

Hai mẹ con khệ-nệ mang xách. Họ vội bước ra về để kịp sửa-soạn nấu cỗ.



Phát-âm : Mua — Bích
— thoạt tiên
— cuối — nấm
hương — miến
— bước —
sửa - soạn.

Giải-nghĩa : Cặp : một
đôi.
Ghé : tạt vào,
rẽ vào, tiện
đường nên
vào qua một
chút.



Nấm hương : thứ nấm có mùi thơm.
Khệ-nệ : nặng-nề.
Hàng chạp-phô : hàng bán tạp-hóa.

Câu hỏi : Bích theo mẹ đi chợ làm gì ?
Chợ này bán gà, vịt ở khu nào ?
Bà Tám lựa gà như thế nào để mua ?
Hai mẹ con sắm được những gì ?
— Đặt một câu với mỗi tiếng : Xách, xách.

Đại-ý : Hai mẹ con đi chợ sớm để mua các thứ về nấu cỗ cúng giỗ.

28. Làm cơm

Sáng chủ-nhật, Bích giúp mẹ làm bếp. Bà Tám bảo con :

— Bích nấu cơm và pha trà nhé! Mẹ làm món ăn .

Bích lấy gạo ra vo. Rồi cô nhóm lửa hai bếp để đun nước và đặt nồi nấu cơm. Vừa trông chừng bếp, cô vừa súc ấm để pha trà. Bà Tám thái thịt heo để kho với nước dừa, làm cá nấu với dưa chua. Rồi bà rửa mấy bìa đậu (1), đem cắt miếng để rán .

Bích nấu cơm và pha trà xong thì nhặt rau diếp và rau thơm. Bà Tám dặn con :

— Bích nhớ pha thuốc tím để ngâm rau cho kỹ .

Lát sau mâm cơm đã dọn xong. Những miếng đậu rán phồng vàng, bát canh cá bốc hơi thơm làm cho Hải càng thêm đói bụng.



Phát - âm : Thổi cơm—lửa—dưa chua—rửa—miếng—rau diếp—thuốc—canh.

Giải-nghĩa : Nhóm lửa : bắt đầu gây lửa.

Đậu : (đậu phụ) bột đậu nành nấu chín, ép trong khuôn.

Bìa đậu : thanh đậu dày làm theo khuôn.

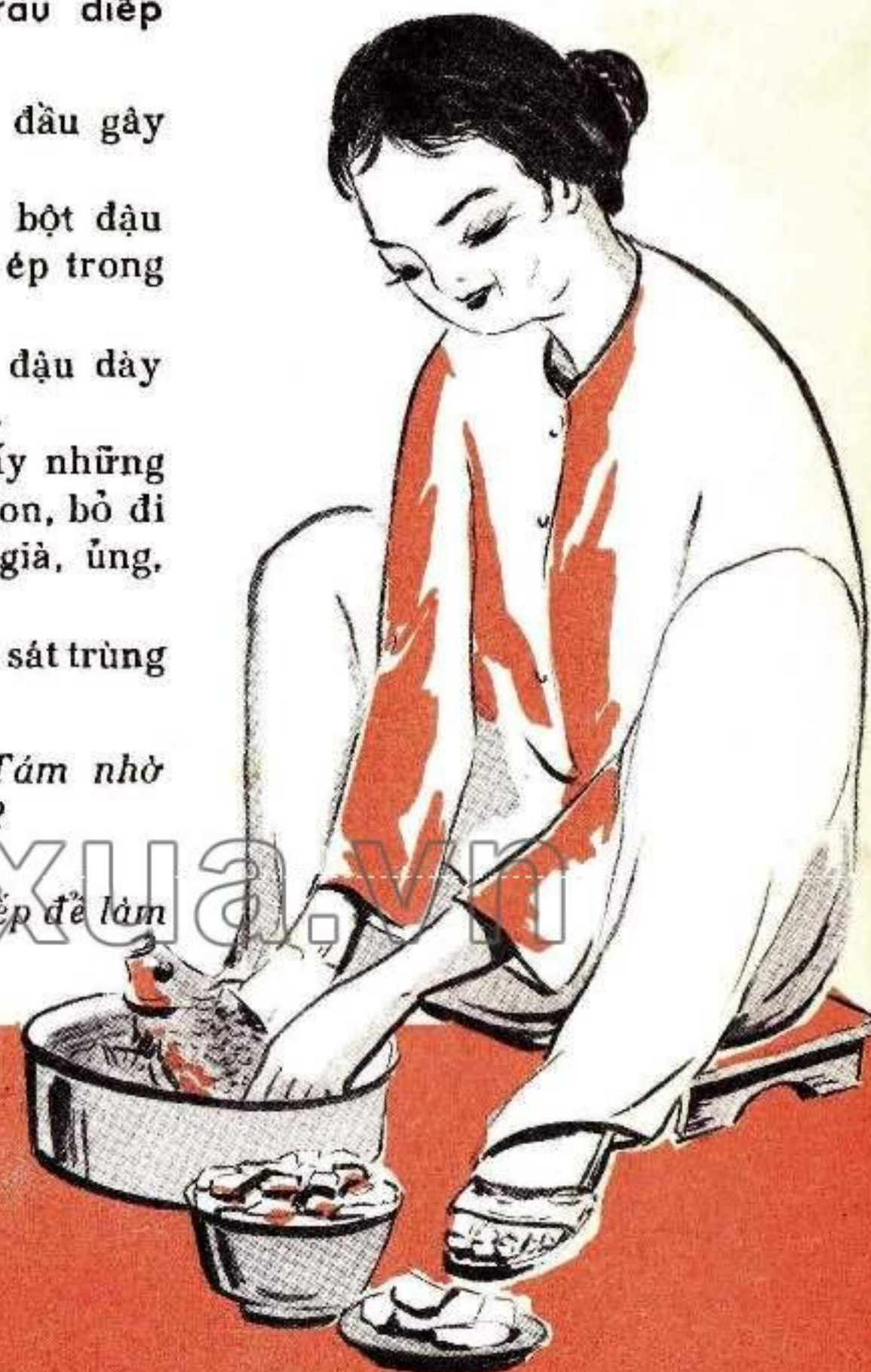
Nhặt rau : lựa lấy những ngọn, lá tươi ngon, bỏ đi những ngọn, lá già, ủng, hư.

Thuốc tím : thuốc sát trùng màu tím.

Câu hỏi : Trong bếp, bà Tám nhờ con làm việc gì?

Bà làm việc gì?

Bích nhóm hai bếp để làm gì?



Bích vừa coi bếp vừa làm gì?

Thấy con nhặt rau, bà dặn phải làm gì?

Ta cần ngâm rau sống vào nước có pha thuốc tím, vì sao?

Cái gì làm cho Hải thêm đói bụng?

Tìm những tiếng đồng-nghĩa với : dặn, xong.

Đáp - ý : Bích giúp mẹ làm cơm trong bếp.



Ngọt xốt : ngọt lắm.
Dầm : ngâm cho thấm.
Tắm-tắc khen : nói lên nhiều lời khen.
Hết trơn : hết không còn gì.

Câu hỏi : Gia-đình này ăn xôi chè vào lúc nào ?
Tại sao gọi là xôi vò ?
Có thêm mùi gì thơm ướp vào xôi chè ?
— Tìm tiếng trái nghĩa với : thích, hết trơn.

Đại-ý : Bà mẹ vui sướng thấy chồng và các con ăn hết mâm xôi chè một cách ngon lành.

HỌC THUỘC LÒNG

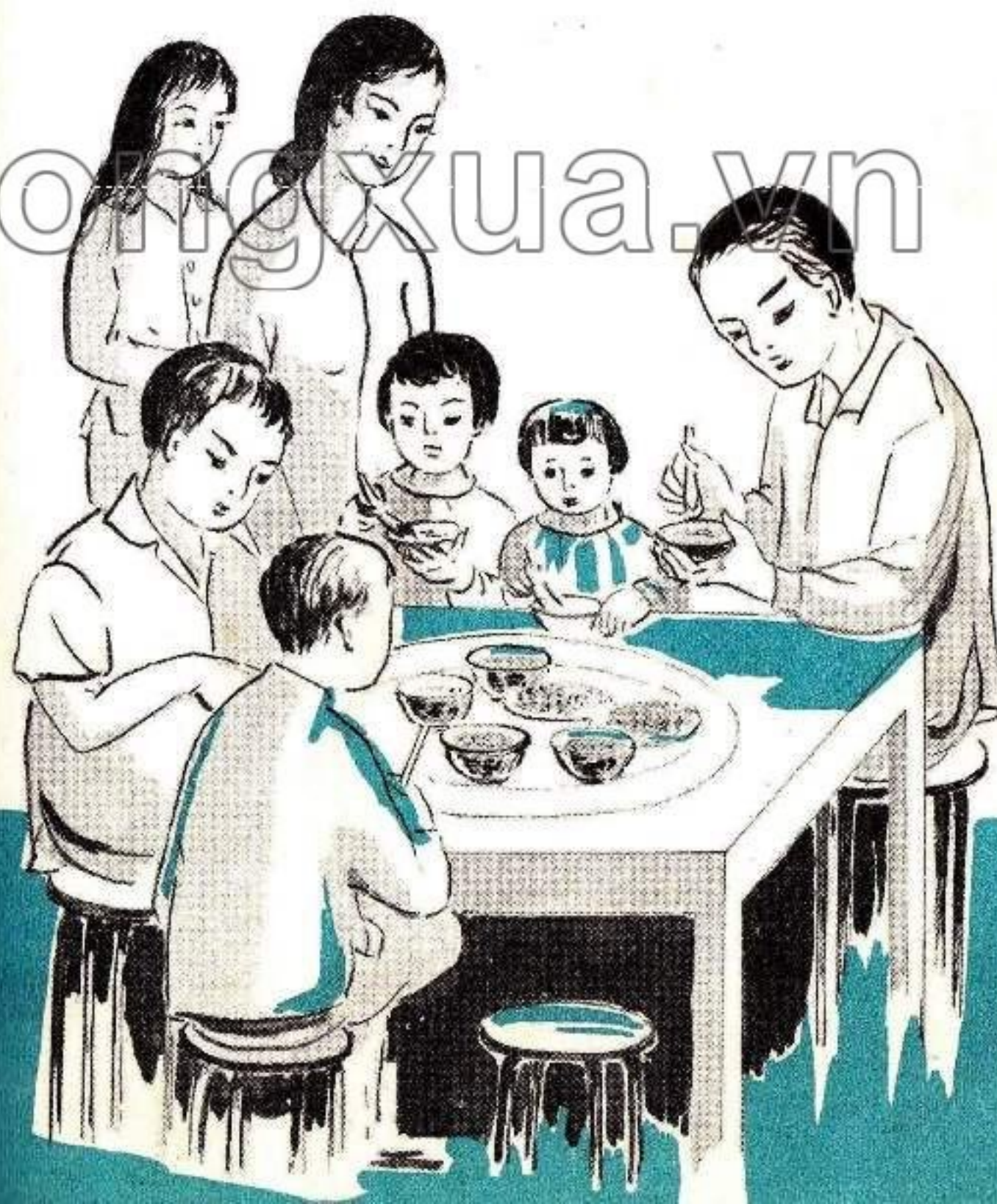
29. Xôi chè

Bữa qua chủ-nhật thích ghê !
Xế chiều, má dọn xôi chè một mâm.
Các con, ba má cùng ăn.
Chè đường ngọt xốt, trộn dầm với xôi.
Xôi vò nếp dẻo, đậu bùi.
Lăn trong vị ngọt có mùi nhài thơm...
Cha con tắm-tắc khen ngon.
Má cười nhìn thấy hết trơn mâm chè.

Bảo-Thư

Phát-âm : Bữa qua — chiều — xôi — đường — trộn dầm —
dẻo — cười.

Giải-nghĩa : Xế chiều : buổi chiều vào lúc mặt trời đã chệch
ngiên về Tây.





CHƯƠNG IV



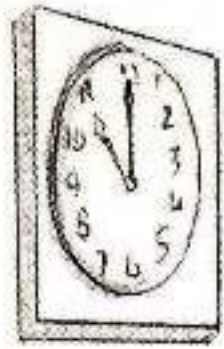
QUẦN ÁO

30. Lòng mẹ

Vân chợt thức giấc. Lúc ấy đêm đã khuya. Đồng hồ trên tường thong-thả buông mười một tiếng.

Bên ngọn đèn dầu, bà Tám hãy còn thức. Chung quanh bà, ngồn-ngang áo quần cùng các mọn vải. Cặp kính trắng đeo trên mặt chế xuống giữa sống mũi. Đôi vai gầy nhô lên, bà cặm cùi ngồi vá áo.

Vân hỏi : — Má còn thức sao má ?



Bà Tám buông kim xuống : — Má còn vá áo đề mai con đi học chứ !

Vân thương mẹ quá. Nó nghĩ thầm : Giá ban sáng ta không giăng co với con Tò thì đâu có rách áo cho má phải cực nhọc ?

Vân còn đang nghĩ vẩn-vơ, bà Tám lại nói : — Mai nhớ nhắc má soạn lại xem các con còn áo mặc Tết không nhé !

Phát - âm : Đêm khuya — trên tường — chung quanh — giăng co — rách áo.

Giải-nghĩa : Ngồn-ngang : lộn-xộn, bừa-bãi.

Chế xuống : tụt xuống.

Mọn vải : mảnh vải nhỏ khi may áo còn thừa, nay dùng để vá.

Cặm-cùi : chăm-chú, không để ý đến việc khác.

Nghĩ vẩn-vơ : nghĩ điều này, điều kia, không ra đầu với đầu.

Câu hỏi : Lúc Vân thức dậy là mấy giờ đêm ?

Ai còn thức ?

Bà Tám đang làm gì ?

Tại sao bà phải thức khuya như vậy ?

Tại sao áo Vân bị rách ?

Thấy mẹ cực nhọc vì mình, Vân nghĩ gì ?

Dại-ý :

Vân thương mẹ phải thức khuya cực-nhọc để vá áo cho mình.

31. Áo Tết

Bà Tám mở rương, lấy ra từng bộ quần áo kiểm lại. Tất cả đều gấp xếp gọn-gàng và còn sắc mùi băng-phien (1). Bà cầm lên tay, ngắm kỹ từng chiếc. Có chiếc, bà giũ tung ra, giơ lên ánh-sáng xem có bị gián hay nhậy cắn thủng không.

Tới chiếc sơ-mi kẻ ô vuông của Sơn. Sơn reo lên một tiếng sung-sướng, bước lại gần cho mẹ ướm thử vào người. Tuy còn khá mới, áo đã ngần gần đến rốn.

Bà Tám khẽ lắc đầu: —Thôi để má may áo mới cho con mặc Tết.

Vân phụng-phịu: —Thế con không có áo mới sao má?

— Có chứ! Rồi má sẽ may cho mỗi đứa một bộ.

Phát - âm : Mở rương — reo lên sung-sướng — ướm thử — phụng-phịu.

Giải-nghĩa : Kiểm lại : soát lại xem có đúng không.
Sắc mùi : mùi nồng, xông mạnh vào mũi.
Ưướm thử : so thử xem có vừa không.
Phụng-phịu : nói về trẻ con làm vẻ mặt nũng-nịu, tỏ ý không bằng lòng.

Câu hỏi : Bà Tám mở rương ra để làm gì?
Quần áo trong rương có mùi gì?
Tại sao có chiếc áo bà Tám phải giũ tung ra?
Áo sơ-mi kẻ ô vuông của ai?
Sơn có còn mặc vừa không?
Bà Tám hứa gì với Sơn và Vân?

Đại-ý : Sơn và Vân được mẹ hứa cho may áo mới để mặc Tết.





32. Cái kim

Em là cây kim bé nhỏ,
Các bà ,các chị trên tay ;
Không quản ngày đêm vất-vả,
Chuyên-cần công việc vá may.

★
Giúp người che thân khỏi lạnh,
Trẻ, già quần áo tốt lành.
Nhờ em, loài người vui mạnh,
Công em không nhớ sao đành ?

Thanh-Đạm

Phát - âm : Vất-vả — chuyên-cần — vá may — giúp người—
lạnh — mạnh.

Giải-nghĩa : Không quản : không ngại.

Vất-vả : khó-nhọc, chiu cực, không lúc nào
rảnh.

Chuyên-cần : chăm-chỉ.

Câu hỏi : Đây là lời nói của ai?
Cây kim lớn hay
nhỏ ?
Cây kim ở trên tay
những ai ?
Ngày đêm kim làm
những công việc gì ?
Kim giúp loài người
những gì ?
Ý kim muốn người
đối với nó thế nào ?

Đáp - ý : Kim kể công của nó
đối với loài người
và mong đừng ai
quên công nó.





33. May áo mới

Sơn và Vân tìm mãi nhà bác thợ may vì trong hẻm này số nhà rất lộn-xộn. Nhưng may, trên một bức tường nhô ra, chúng thấy mấy hàng chữ kẻ tay lệch-lạc "Tiệm may đức-long", dưới có mũi tên chỉ.

Tay cầm gói vải, hai anh em sung-sướng dắt nhau theo hướng mũi tên đi thẳng tới. Quả nhiên, mới vài bước, đã nghe thấy tiếng «xạch-xạch» đều đều của chiếc máy may. Chúng mừng-rỡ bước vào. Qua cánh cửa nhỏ, ánh nắng chiếu lên những tấm hàng màu sặc-sỡ, treo, vắt ngồn-ngang trên dây kẽm.

Vân nói khẽ với anh:—Bữa bọn quá nhi? Chẳng ngăn-nấp chút nào!

Sơn gật đầu:—Ừ, ở nhà chúng ta treo quần áo thế kia thì má mắng chết.

Phát-âm: Lộn-xộn — lệch-lạc — mừng-rỡ — dây kẽm — ngồn-ngang.

Giải-nghĩa: Lộn-xộn: không theo thứ-tự.

Nhô ra: ló ra.

Lệch-lạc: không thẳng hàng.

Ngồn-ngang: lẫn-lộn, bừa-bãi, không ra hàng lối.

Ngăn-nấp: xếp-đặt có thứ-tự, đâu ra đấy.

Câu hỏi: Tại sao Sơn và Vân tìm mãi mới thấy nhà bác thợ may?

Nhờ đâu chúng tìm thấy nhà?

Gần tới nhà bác thợ may chúng nghe thấy tiếng gì?

Trên dây kẽm treo gì?

Treo thế nào?

Ở nhà Sơn, Vân treo quần áo như vậy thì sao?

Dạy-ý: Sơn và Vân tìm đến nhà bác thợ may để may quần áo.



34. Cửa bền tại người

Bác Long vừa là chủ, vừa là thợ độc-nhất của tiệm đang gò lưng đập máy, chợt ngừng đầu lên. Thấy có khách, mặt bác tươi hẳn lên, bác vui-vẻ mời:—Ngồi chơi, hai em! Xong rồi đây!

Rồi bác đứng lên, gài bút chì lên mang tai, quàng thước dây vào cổ. Bác mở gói, cầm mấy thước lụa lên tay ngắm-nghía:

—Chà! Đẹp quá! Màu này coi thiệt nhã! ... Nhưng hàng này hơi mỏng, mặc phải khéo giữ mới được.



Sơn hỏi:—Hàng này không bền sao ông?

Bác nói:—Cửa bền tại người chứ! Các cô, các cậu mà đùa nghịch, giằng-co, thì hàng nào cũng phải rách...

Sơn bảo em:—Đó, nghe chưa em? Giữ cho khéo nhé kẻo rách áo má buồn...

Phát-âm : Có khách — mặt — xong rồi — của — giằng-co.

Giải-nghĩa : Độc-nhất : chỉ có một, không có hai.

Quàng : đeo.

Gò lưng : cúi lưng.

Ngắm : xem kỹ.

Màu nhã : màu dễ coi, không lòe-loẹt, sắc-sỡ.

Câu hỏi : *Bác Long đang làm gì?*

Tại sao mặt bác tươi hẳn lên?

Bác có đồ dùng gì để đo áo cho khách?

Bác khen màu lụa thế nào?

Tại sao hàng đó phải khéo giữ?

Sơn khuyên em thế nào?

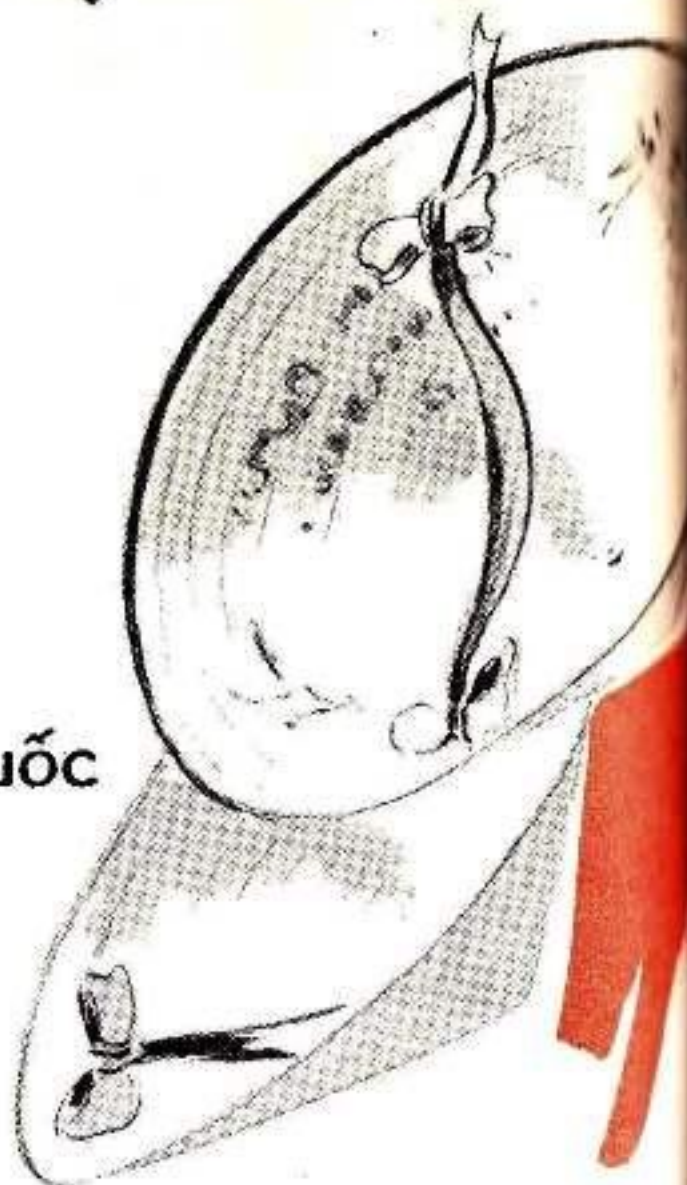
Đại-ý : Quần áo có giữ cẩn-thận thì mới bền.

35. Nón và guốc

Quê tôi ở xứ Huế,
Tên gọi nón bài thơ ;
Xinh tươi các thiếu-nữ,
Nhờ tôi đẹp như mơ.

Còn tôi, đôi guốc gỗ,
Hình-thù thật thô-lỗ ;
Nhờ tôi mà chân người,
Gặp bùn đi đỡ khổ.

Thanh-Phương



Phát-âm : Xứ Huế — xinh tươi.

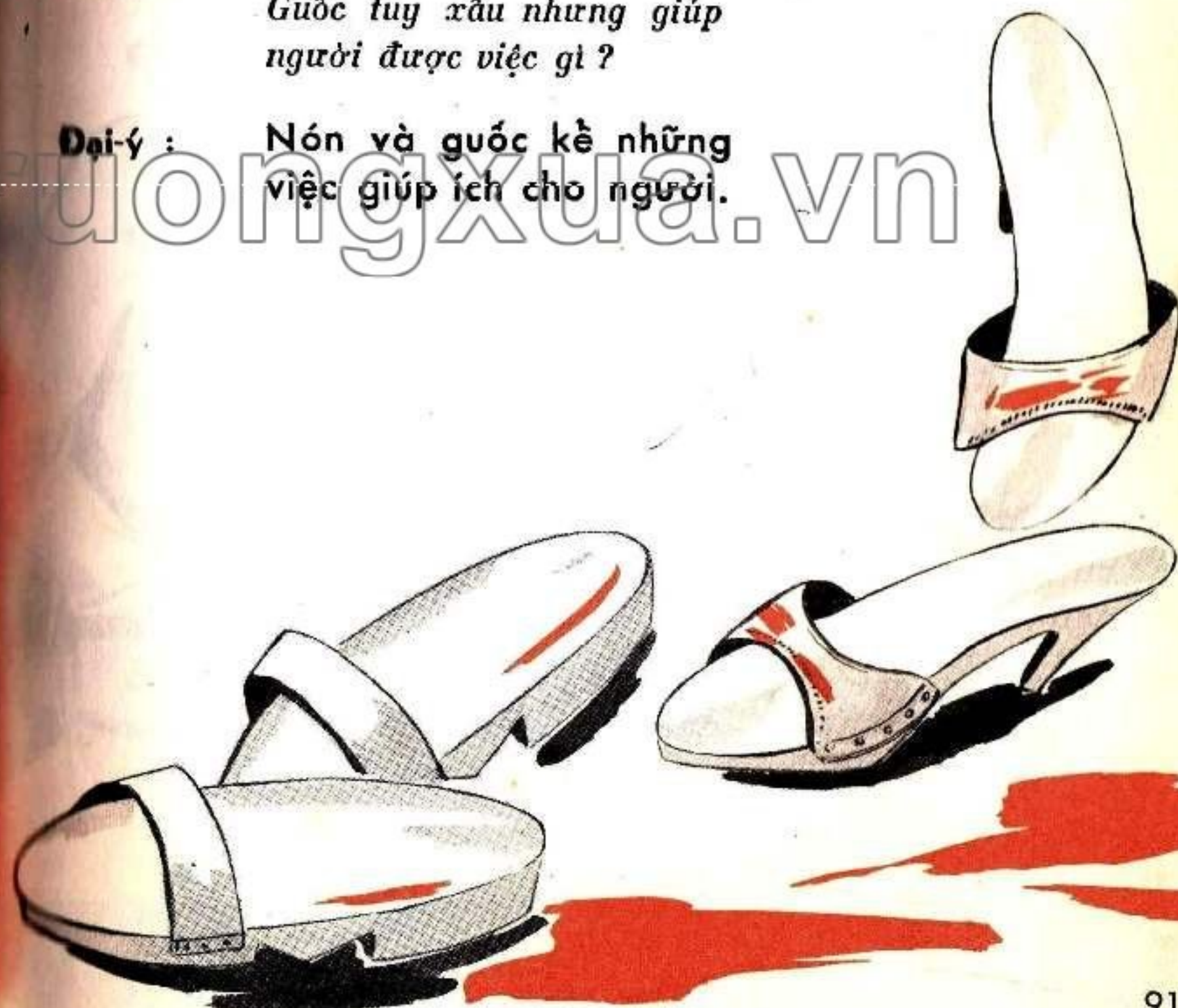
Giải-nghĩa : Nón bài thơ : thứ nón lá làm ở xứ Huế, soi lên ánh-sáng thấy có bài thơ và hình danh-lam thẳng-cảnh ở miền Huế.

Đẹp như mơ : ý nói đẹp lắm.

Thô-lỗ : cục-mịch, xấu-xí.

Câu hỏi : Đoạn đầu là lời nói của ai ?
Nón bài thơ làm ở đâu ? Tại sao đặt tên như vậy ?
Nhờ có nón, các thiếu-nữ trở nên thế nào ?
Đoạn sau là lời của ai nói ?
Guốc gỗ hình-thù thế nào ?
Guốc tuy xấu nhưng giúp người được việc gì ?

Dạy-ý : Nón và guốc kể những việc giúp ích cho người.



36. Áo sạch thì đẹp

Cắm thước dây trên tay, bác thợ may hỏi :

—Aí đo trước nào ? Vân nhanh-nhau đứng ra :

—Ông may cho tôi một bộ bà-ba, cỡ lá sen.

May thật khéo, ông nhé ! Áo Tết của tôi đấy !

Bác cười hề hề :

—Cô khỏi phải dận.

Tôi may bao giờ cũng đúng áo, vừa đẹp, vừa kỹ. Mặc cho đến rách cũng không bao giờ đứt cái khuy hay tuột sợi chỉ...

Sơn nói :—Hàng này có dễ giặt không ông ?

—Các cô chỉ thích đẹp, thích sang. Quần áo đẹp mà khó giặt, cô cứ mặc hoài, hời như cú, ai dám đèn gần ?

Vân bĩu dài môi :

—Phải, chỉ mình anh là sạch, còn ai cũng dơ hết...



Bác thợ may nói thêm :—Cậu anh nói vậy mà phải. Áo muốn đẹp thì phải sạch.

Phát - âm : Rách — dễ giặt — thích sang—mặc hoài—sạch.

Giải-nghĩa : Đứng áo : áo may sát, không có nếp nhăn, không bị dùm.

Cỡ lá sen : cỡ tròn như hình lá sen.

Câu hỏi : Bác thợ may cầm gì trên tay ?

Bác dùng thước để làm gì ?

Vân may áo gì ? Vân muốn may thế nào ?

Bác thợ may khoe thế nào ?

Sơn nói sao ? Áo muốn đẹp phải giữ thế nào ?

Đại - ý : Quần áo muốn đẹp phải thay giặt luôn cho sạch-sẽ.

37. Đo áo

Bác Long, tay đo, miệng nhảm như người khàn.
—Cổ 28, tay 34, eo 45, dài 48... Dài đến đây, cô nhé!

Vân giãy nảy.

—Không! lưng thụng như áo tều, tôi không chịu đâu.

—Cô còn lớn lên thì vừa chứ!

Vân phụng phịu: —Nhưng mà dài vừa thôi. Dài quá đến trường tụi nó chế...

Bác thợ may chiều ý, đo ngắn lên chừng hai phân. Vân vừa lòng, tùm - tùm cười, đứng sang một bên.

Đền lượt Sơn: —Đo cho tôi một đôi sơ-mi ngắn tay. Má tôi dặn may dài, rộng một chút để sang năm

còn mặc vừa. Nếu chật, ông phải may đến tôi đây nhé!

—Được, cậu yên trí, tôi may rộng. Biết nghe lời cha mẹ như cậu thế mới phải...

Phát-âm: Giãy nảy — phụng-phịu — chiều ý — yên trí.

Giải-nghĩa: Nhảm: nói khể trong miệng.

Eo: chỗ ngang thắt lưng.

Lưng-thụng: dài và rộng quá.

Tùm-tùm: cười không ra tiếng.

Câu hỏi: Trong khi đo, miệng bác Long làm gì?

Tại sao bác muốn may dài cho Vân?

Tại sao Vân không muốn may dài?

Sơn may áo gì? Sơn muốn may như thế nào?

Bác thợ may khen Sơn thế nào?

Dại-ý: Sơn biết nghe lời mẹ, dặn may áo dài, rộng để sang năm mặc còn vừa.

38. Cách ăn mặc

Quần áo cốt gọn-gàng,
Cần chi phải gấm vóc!
Mặc ngay-ngắn, dài-hoàng,
Đừng ống cao, ống thấp.

★

Mặc luôn thắm mờ-hôi,
Chống bẩn, dễ nhàu nát;
Năng thay giặt cho rồi,
Áo sạch mặc mới mát.

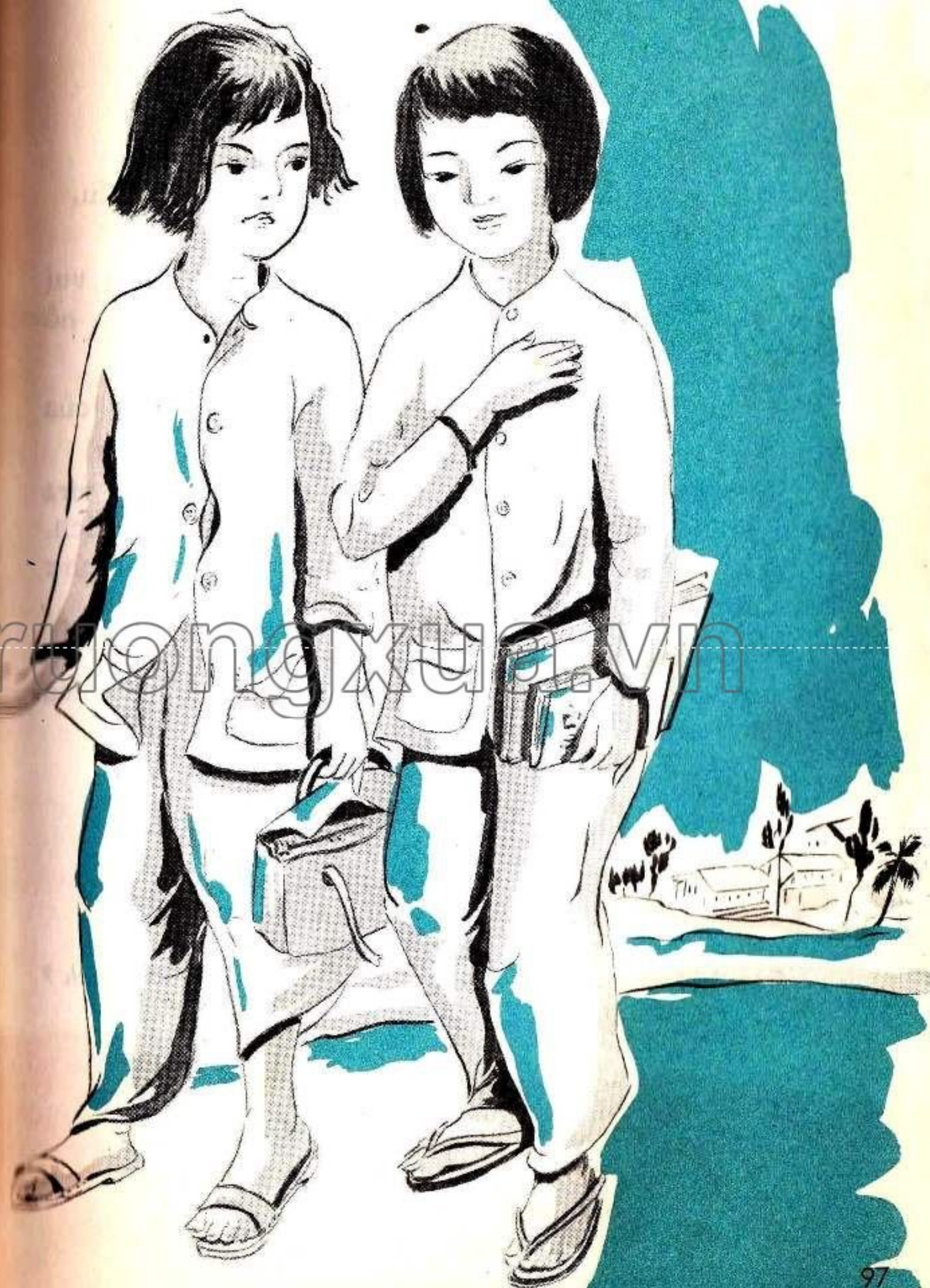
Thanh-Huyền

Phát - âm: Gọn-gàng — gấm vóc — dài-hoàng.

Giải-nghĩa: Gọn-gàng: không lồi-thôì, xốc-xếch.
Gấm: thứ hàng dệt bằng tơ, quý, dày, nhiều
bông, nhiều sắc.
Vóc: thứ hàng tơ, mỏng, nền bóng, rất đẹp.

Câu hỏi: Ăn mặc như thế nào là dài-hoàng?
Quần áo mặc luôn thì thế nào?
Quần áo muốn sạch phải thế nào?
Mặc áo sạch thấy thế nào?

Đại-ý: Muốn lịch-sự, quần áo cần gọn-gàng,
sạch-sẽ.



39. Trọng nghề

Bác Long đo vừa xong thì lại có mấy bà đến, người may quần, người may áo dài.

Sơn và Vân chào bác thợ may ra về. Vân vui lắm vì sẽ có một bộ bà-ba như của con Tồ mà nó thường mơ ước. Nó nói với anh :

— Em chỉ sợ bác ấy may xấu, không bằng của con Tồ.

Sơn trả lời :— Chớ lo ! Má bảo bác Long may vừa khéo lại vừa rẻ. Chả thế mà lúc nào cũng đông khách. Rồi bác ấy sẽ có tiệm lớn cho mà coi ! Giỏi nghề như bác thế mà sướng !

— Vậy mà từ trước em vẫn coi thường. Lớn lên em nói với má cho đi học nghề may. Đã kiếm nhiều tiền lại may được cho cả nhà, anh nhỉ !

Phát - âm : Quần — vừa — khách.

Giải-nghĩa : Mơ ước : mong được như thế.
Coi thường : không thèm để ý đến.

Câu hỏi : Câu nào trong bài tỏ ra bác Long đông khách ?
Mấy bà khách đến may gì ?

Tại sao Vân vui ?
Vân lo-ngại thế nào ?
Vì sao bác Long có nhiều khách ?

Giỏi nghề như bác sẽ được thế nào ?

Vân muốn ngày sau làm nghề gì ? Tại sao ?

Hai - ý : Vân thấy bác Long may khéo, đông khách nên ưa thích nghề may.



40. Mua giày

Trước tủ kính của tiệm giày, Sơn và Vân đứng nhìn không chán mắt. Giày đủ thứ, đủ kiểu, đủ màu da, từ đôi nhỏ xíu của em bé mới đẻ đến đôi giày khổng lồ, giá xỏ cả hai chân vào cũng vừa.

Vân kéo áo mẹ, chỉ đôi giày trắng bé tí-hon:

—Trời! xinh quá má! Má mua đôi kia cho bé Thúy đi!

Mẹ gật đầu, bước vào tiệm. Mẹ mua giày cho bé Thúy xong lại chọn cho Sơn, Vân mỗi đứa một đôi săng-đan màu nâu.

Vân sung-sướng reo lên: —Thế là Tết này chúng con có cả áo mới, giày mới!

Sơn nói với mẹ: —Má thương chúng con quá! Chúng con sẽ chăm học cho má vui lòng.

Má cảm-động, mắt chớp liên liên như muốn ngăn hạt lệ sắp-sửa trào ra.

Phát-âm: Nhỏ xíu — giày trắng — sung-sướng — liên liên — sắp-sửa trào ra.

Giải-nghĩa: Khổng-lồ: thật lớn. Tí-hon: thật nhỏ.
Săng-đan: thứ giày buộc bằng quai da để đi cho mát.
Hạt lệ: hạt nước mắt.
Trào ra: tràn ra ngoài vì quá đầy.

Câu hỏi Sơn và Vân đứng ở đâu?
Đứng xem gì?
Vân muốn xin mẹ mua gì cho em bé?
Mẹ còn mua gì cho Sơn và Vân nữa?
Sơn có ý-định gì để tỏ lòng biết ơn cha mẹ?

Đáp-ý: Sơn và Vân được mẹ mua giày mới, hứa sẽ chăm học cho mẹ được vui.





HỌC THUỘC LÒNG

41. Nhện và Tằm

Nhện thấy Tằm nhả tơ,
Vỗ tay cười chế-nhạo :
— Coi nè ! Nhanh như ta,
Còn mi, ôi chậm-chạp !

★

Tằm thủng-thẳng trả lời :
— Phải, tôi đây vốn chậm,
Nhưng làm lợi cho đời,
Còn anh vô-ích thậm.

Thanh-Tú

Phát - âm : Chế-nhạo — chậm-chạp — thủng-thẳng.

Giải-nghĩa : Tằm : loài sâu ăn lá dâu nhả tơ cho ta dệt lụa.
Thủng-thẳng : thông-thả, không vội-vàng.
Vô-ích thậm : vô-ích lắm lắm.

Câu hỏi : Nhện thấy Tằm đang làm gì ?

Tại sao Nhện chế Tằm ?

Tằm trả lời thế nào ?

Tằm với Nhện, con nào nhả tơ nhanh ?

Con nào giúp ích cho người ?

Đại-ý : Nhện chê Tằm
chậm-chạp, nhưng Tằm
có ích, còn Nhện
chẳng được việc gì.



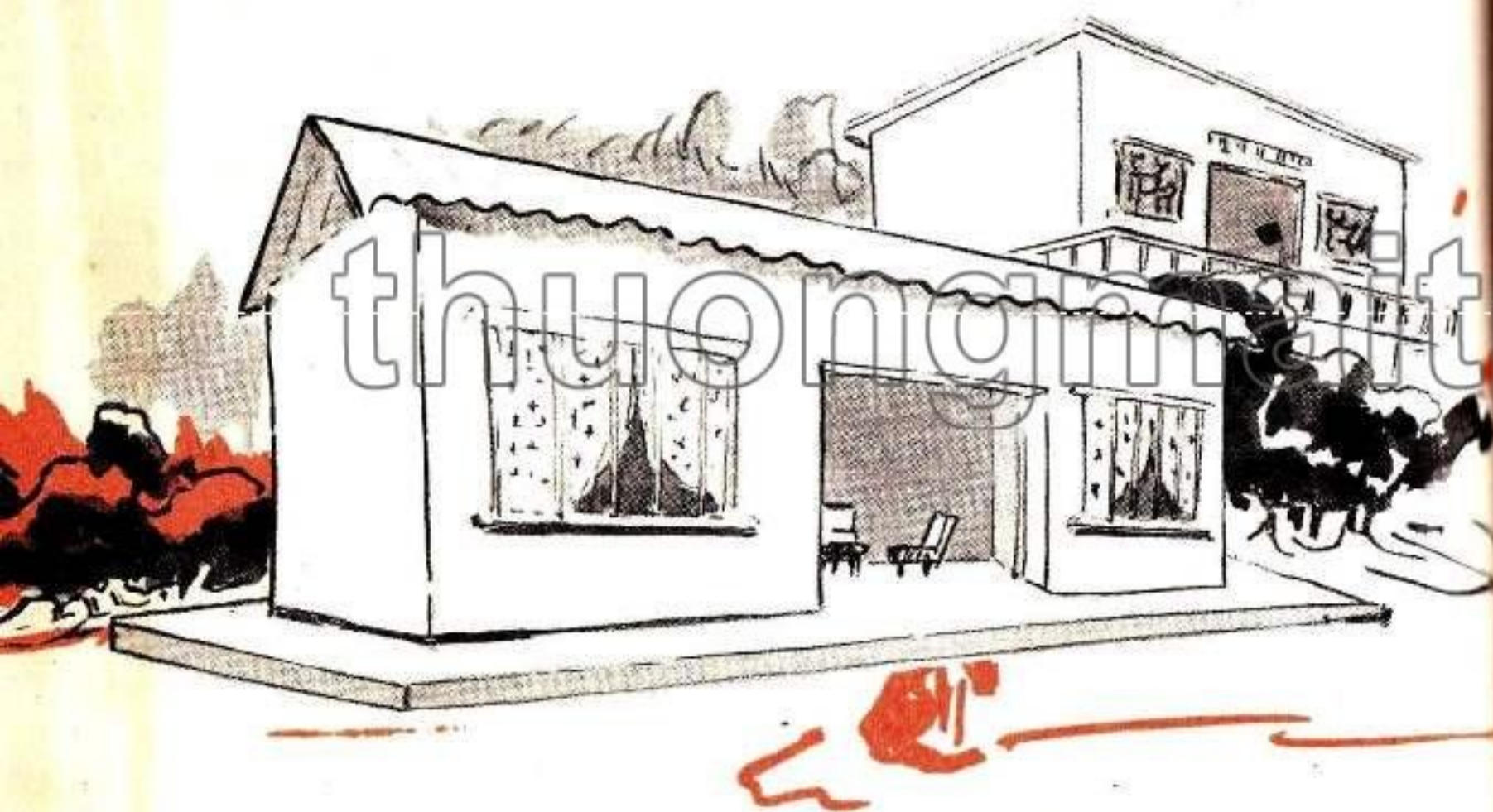


CHƯƠNG V NHÀ CỬA VN



42. Căn nhà nhỏ bé

Gia-đình Hải ở vùng này đã từ lâu. Chính ông nội Hải tự tay xây móng, đắp nền cho căn nhà nhỏ bé này. Tường gạch, mái ngói lâu ngày đã đầy rêu xanh. Phía trong nhà vừa tối vừa thấp! Vì thế năm ngoái ba Hải đã phải sửa lại. Mái được nâng cao và lợp



tôn thay cho ngói đã quá cũ. Để cho đỡ nóng, ba Hải đục thêm hai cửa sổ và đóng thêm một lớp trần bằng các-tông dày...

Nhờ thế cho nên tuy nhà trệt mà cũng mát-mẻ. Ban ngày mọi người đi học, đi làm. Tối đến, ai nấy vui-vẻ trở về sum-họp dưới mái nhà.

Phát-âm : Gia-đình — rêu xanh — vui-vẻ — sum-họp.

Giải-nghĩa : Gia-đình : nói chung mọi người ở trong nhà.

Nhà trệt : nhà một tầng, không có lầu.

Sum-họp : nhiều người họp lại đông-đúc, vui-vẻ.

Câu - hỏi : Căn nhà của Hải do ai xây-cất ?
Tường và mái lâu ngày nên đã thế nào ?
Vì sao ba Hải phải sửa lại ?

Bây giờ căn nhà này thế nào ?

Tối đến mọi người sum-họp ở đâu ?

Đại-ý : Căn nhà của Hải tuy nhỏ bé nhưng mát-mẻ.

43. Bên nhà Đồng

Sát vách nhà Hải là nhà Đồng. Đồng là bạn cùng lớp với Hải. Cha mẹ Đồng có tiệm buôn lớn ở trên phố. Căn nhà lầu này chỉ dùng để ở.

Ngày nghỉ, Đồng rủ Hải sang chơi. Đồng và Hải leo cầu thang để lên lầu. Sàn lầu đúc bằng xi-măng cốt sắt nên rất chắc. Hải và Đồng tha-hồ chạy, nhảy, nô-đùa...

Đứng ở bao-lan nhìn ra xa, Đồng và Hải thấy nhiều dãy nhà lầu rất cao. Đó là những "buyn-đinh" mới được xây cất, Đồng bảo Hải :— Ba Đồng nói ở Mỹ có những "buyn-đinh" cao trên một trăm tầng lầu cơ !

Phát-âm : Sát vách — xây-cát — xi-măng cốt sắt — huyn-đinh.

Giải-nghĩa : Sát vách : liền, khít bên vách.

Cốt sắt : có sắt ở trong cho vững-chắc.

Tha-hồ : muốn làm gì tùy ý, không ai ngăn-cản.

Buyn-đinh : tòa nhà cao nhiều tầng, có nhiều gia-đình ở, mỗi gia-đình một phòng riêng.

Câu hỏi : Sát vách nhà Hải là nhà ai ?

Đồng và Hải thường lên đâu chơi ?

Sàn lầu đúc bằng gì ?

Đồng và Hải nhìn thấy gì ở ngoài xa ?

Ở Mỹ có huyn-đinh cao mấy tầng ?

Đại-ý : Nhà của Đồng là nhà lầu đúc bằng xi-măng, cốt sắt.





HỌC THUỘC LÒNG

44. Đêm ấm

Đêm về dưới mái nhà tranh
Em cùng các chị, các anh
học bài

Bà ru bé ở võng ngoài,
Ơi à... hát khế mấy bài
ca-dao

Ông ngồi trên bộ ván cao
Ngâm thơ, giọng rất ngọt
ngào, du-dương

Mẹ em may áo bên giường
Cha ngồi nhàn đọc má
trương nhật-trình

Trần Huyền-A



Phát - âm : Nhà tranh — ca-dao — mấy trương nhật-trình.

Giải nghĩa : Nhà tranh : nhà có mái lợp bằng cỏ tranh.

Ca-dao : bài hát ngắn của người bình-dân.

Du-dương : nhẹ-nhàng, êm-ái, nghe rất hay.

Nhật-trình : hay nhật-báo, báo trình-bày tin-tức hàng ngày.

Câu hỏi : Buổi tối, em cùng anh chị làm gì ?

Bà ru bé ở đâu ?

Ai ngồi ngâm thơ trên bộ ván cao ?

Mẹ em ngồi may-vá ở đâu ?

Cha ngồi đọc gì ?

Dại - ý : Cảnh gia-đình nhà em sum-họp về buổi tối thật là đầm-ấm.

45. Về miền quê

Chiều hôm nay mát trời. Thầy cho cả lớp về miền quê du-ngoạn. Ra khỏi thành-phố đã thấy từng luồng gió mát ở cánh đồng rộng đưa lên. Nhà-cửa thưa dần... Tới ven sông thấy bảo:

— Các con có thấy những nhà sàn ở đằng kia không?

Mọi người cùng dạ và nhìn theo. Hải nói với các bạn: Nhà sàn nhiều cột nhỉ!

Đồng tiếp:—Đồng bào Thượng cũng thích ở nhà sàn, Hải ạ!

— Nhưng nhà của họ ở trên mặt đất nên ở dưới họ nuôi heo, nuôi trâu được.

Thầy mỉm cười xoa đầu Hải khen:—Chà! Hải giỏi lắm! Hải đã lên Cao-nguyên rồi ư?



— Thưa thầy chưa! Con chỉ xem ở trong sách thôi ạ!

Phát-âm: Du-ngoạn — ven sông — nhà sàn — cao-nguyên.

Giải-nghĩa: Du-ngoạn: đi chơi xem phong-cảnh.

Ven sông: bên bờ sông.

Đồng-bào Thượng: đồng-bào sinh-sống ở miền rừng núi.

Cao-nguyên: vùng đất cao, có nhiều đồi, núi.

Câu hỏi: Thầy cho cả lớp đi đâu?

Nhà sàn thường làm ở đâu?

Ở miền nào có nhiều đồng-bào Thượng?

Dưới nhà sàn, đồng-bào Thượng nuôi gì?

Kể tên vài tỉnh ở miền Cao-nguyên.

Đại-ý: Nhà sàn thường làm trên cột cao, ở ven sông hay ở miền Cao-nguyên.



46. Những túp lều

Gần dãy nhà sàn là một khoảnh đất rộng. Trên đó, người ta đã dựng lên nhiều túp lều. Cột làm bằng thân cây hoặc cành cây còn nguyên lớp vỏ. Mái lợp lá mía khô. Bốn chung-quanh lều bỏ trống, không có tường vách. Phía đầu dãy có một chòi canh khá cao.

Thầy giáo nói:—Đồng-bào họp chợ, mua bán ở đây. Hôm nay không nhằm ngày phiên chợ nên những túp lều này đều vắng tanh!

Đồng khế lay cây cột lều rồi nói:—Cột lều chôn không chặt, dễ đổ lắm Hải ạ!

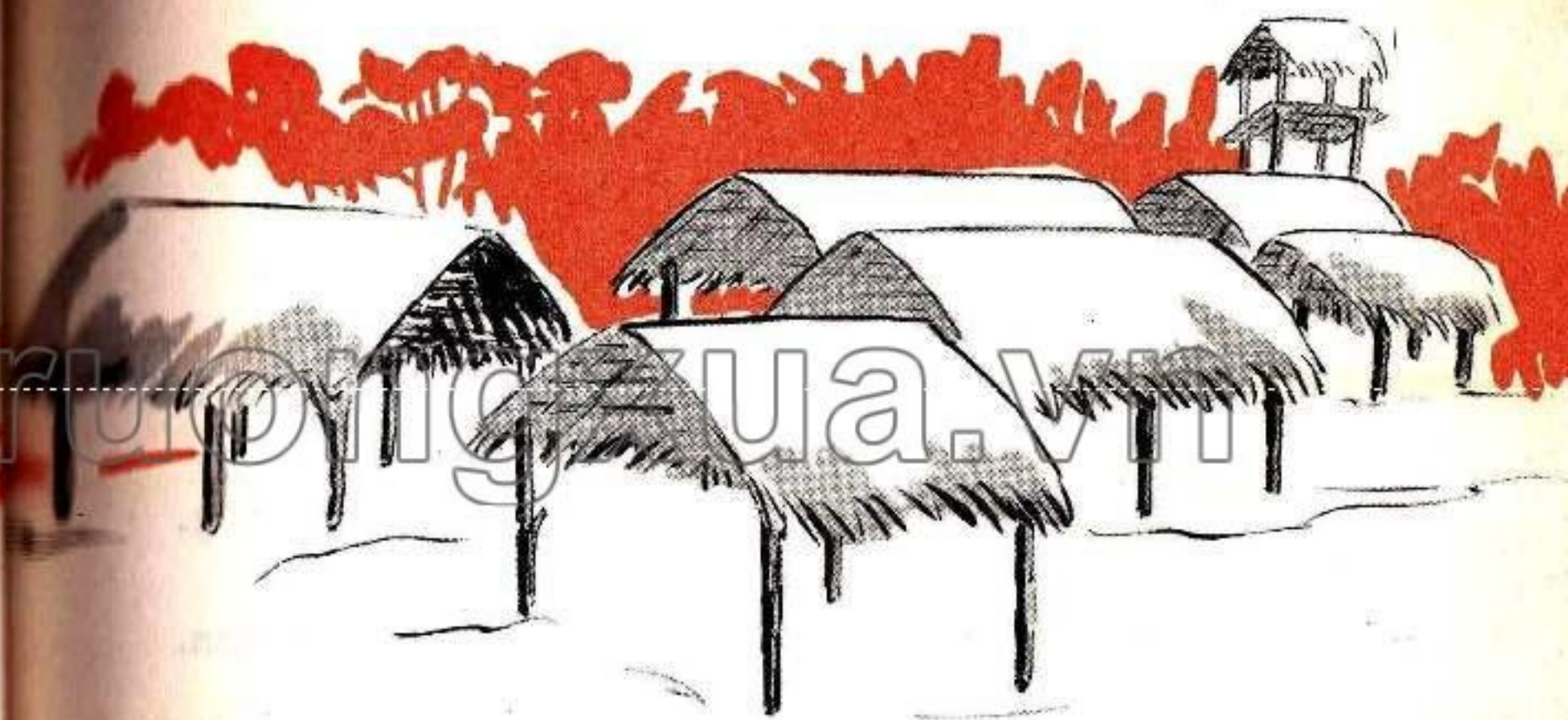
Thầy vậy thấy cười bảo:—Cũng may là ở miền Nam ít khi có bão như ở miền Trung. Nếu không những túp lều này đã đổ sập từ lâu rồi.

Phát - âm : Khoảnh đất — tường vách — vắng tanh—không chặt.

Giải-nghĩa : Khoảnh đất : mảnh đất rộng.
Chòi : túp lều dựng trên những cột cao để có thể nhìn ra xa.

Ngày phiên chợ : ngày nhất-định trong tháng có họp chợ.

Bão : mưa to, gió lớn làm đổ nhà cửa.



Câu hỏi : Người ta dựng những túp lều ở đâu ?
Cột lều, mái lều làm bằng gì ?
Những túp lều này được dùng làm gì ?
Vì sao những túp lều này không chắc ?

Đại-ý : Trên khoảnh đất trống có nhiều túp lều dựng sơ-sài để họp chợ.

47. Lòng thương

Các em nhờ mẹ, nhờ cha,
Có quần áo mặc, có nhà tránh mưa,
Cơm ngày hai bữa, sớm, trưa,
Ra trường vừa học, lại vừa vui chơi.
Ngoài kia, có biết bao người,
Mù, què, đói, rét, nằm phơi lè đường.
Giúp ai, tỏ chút lòng thương,
Như lời cha mẹ vẫn thường khuyên-răn.

Bảo-Vân

Phát âm : Sớm trưa — đói rét — giúp — khuyên-răn.

Giải-nghĩa : Lè đường : hè đường.
Khuyên-răn : dạy bảo,
nhắc-nhở ta làm điều
lành, tránh điều dở.

Câu hỏi : Nhờ ai mà ta có cơm
ăn, áo mặc ?

Ngoài đường còn
những người nào bị
khổ sở ?

Những người đó thiếu
những thứ gì ?

Ta phải làm gì để giúp
đỡ họ ?

Ai thường khuyên ta
nên có lòng thương ?

Đáp-ý : Nhờ cha mẹ được
no - ấm, ta nên
thương-mến, giúp-
đỡ những người
nghèo-khổ.



48. Trong phòng khách

Cuối tuần trước, ông nội cho Hải và Thúy tới chơi nhà bác Năm. Bác Năm làm ăn khá nhất trong họ. Căn nhà của bác mới xây, thật là rộng-rãi, sáng-sủa. Ở cổng vào là phòng khách.

Căn phòng này không rộng lắm nhưng trang-trí khá đẹp. Trên tường, treo rải-rác mấy bức tranh màu, lồng trong khung kính. Sát tường là chiếc tủ đựng đầy cốc, chén. Giữa phòng đặt chiếc bàn thấp hình bầu dục. Trên bàn có bình cắm hoa tươi. Chung-quanh bàn có mấy chiếc ghế bành rộng. Bác Năm thường tiếp khách ở đây. Vừa thấy ông cháu Hải tới, bác Năm đã chạy ra, mời ngay vào phòng khách.

Phát - âm : Rộng-rãi — sáng-sủa — trang-trí — khung kính.

Giải-nghĩa : Sáng-sủa : có nhiều ánh-sáng chiếu vào.

Rải-rác : mỗi nơi một chiếc.

Lồng : đặt vào trong.

Ghế bành : ghế rộng, có chỗ tựa và chỗ để hai tay.

Câu hỏi : Ông nội cho Hải và Thúy đi đâu ?

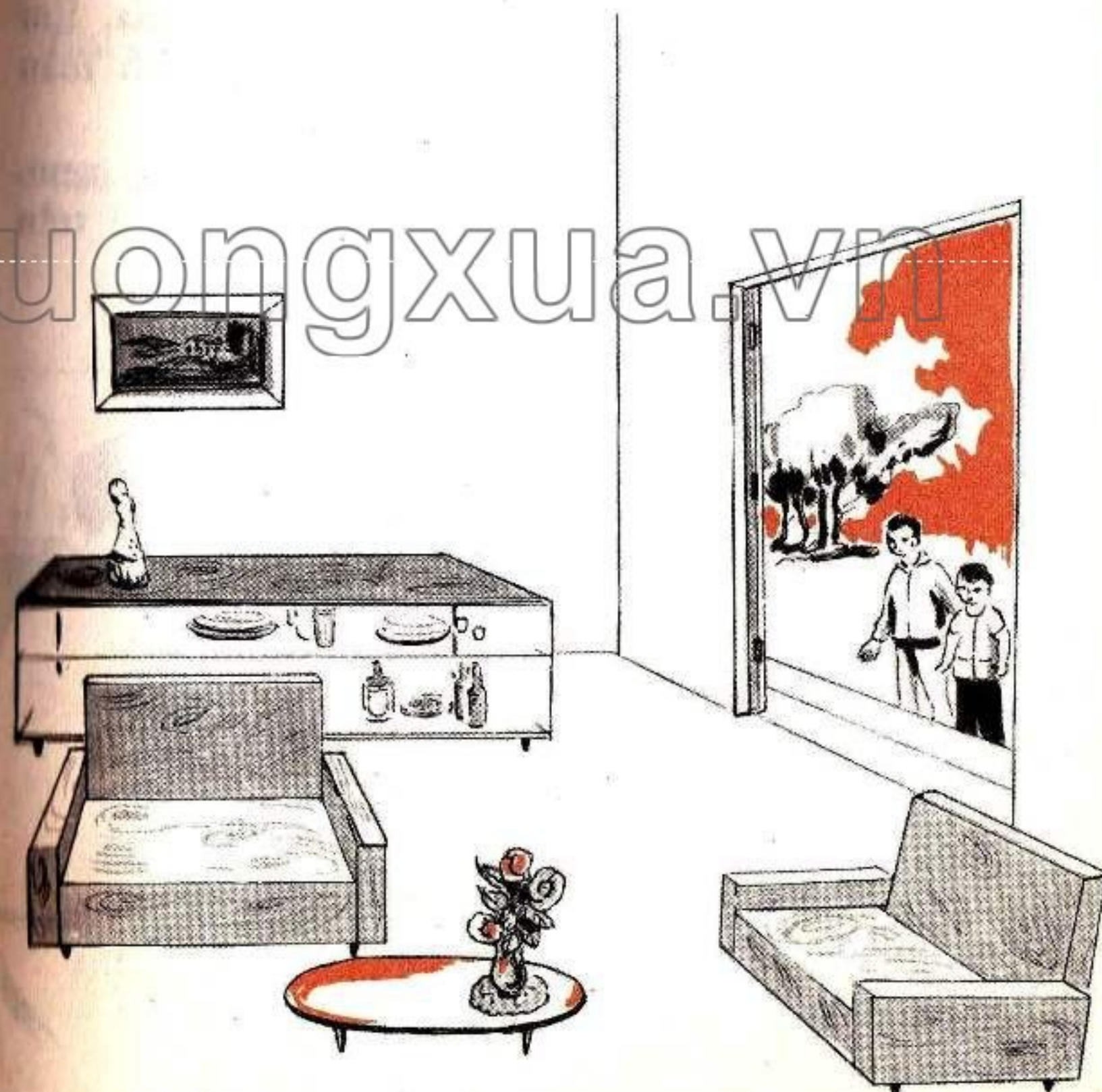
Căn nhà của bác Năm thế nào ?

Ở cổng vào là phòng gì ?

Đồ-đạc trong phòng khách gồm có những gì ?

Vừa thấy ông cháu Hải tới, bác Năm chạy ra làm gì ?

Đại - ý : Căn phòng khách nhà bác Năm thật là gọn-gàng, xinh-đẹp.



49. Phòng học

Ông nội ngồi nói chuyện với bác Năm ở phòng khách. Hải và Thúy theo Hùng và Cường — con bác Năm — sang phòng học ở kề bên.

Đây là nơi Hùng, Cường cùng các anh, các chị chăm-lo học-tập. Hai bên tường có hai chiếc tủ đựng đầy sách in. Cuốn nào cũng xếp thẳng đứng, phô gáy ra ngoài. Ở giữa phòng là chiếc bàn dài. Trên bàn, bút, mực, sách, vở xếp rất có thứ-tự. Hùng chỉ vào phía đầu bàn bảo Hải:

— Đi học về là Hùng lại xếp cặp vào chỗ kia. Em Cường ngồi bên này. Hải có muốn xem tranh màu không ?

Thế rồi Hùng mở tủ, lấy sách ra cho Hải xem. Còn Thúy nhặt được viên phấn, liền đem ra vẽ trên bảng lớn...



Phát-âm : Nói chuyện — gáy — xếp-cặp — vẽ.

Giải-nghĩa : Kế bên : liền bên, sát bên cạnh,
Phô : bày ra cho mọi người trông thấy.

Câu-hỏi : Hải theo Hùng và Cường đi đâu ?
Phòng học là nơi mọi người làm gì ?
Những cuốn sách được xếp như thế nào ?
Trên bàn có những gì ?
Hùng lấy gì cho Hải xem ?
Trong khi ấy, Thúy làm gì ?

Đại-ý : Trong phòng học, sách vở, bút, mực được xếp rất có thứ-tự.

50. Nhà em

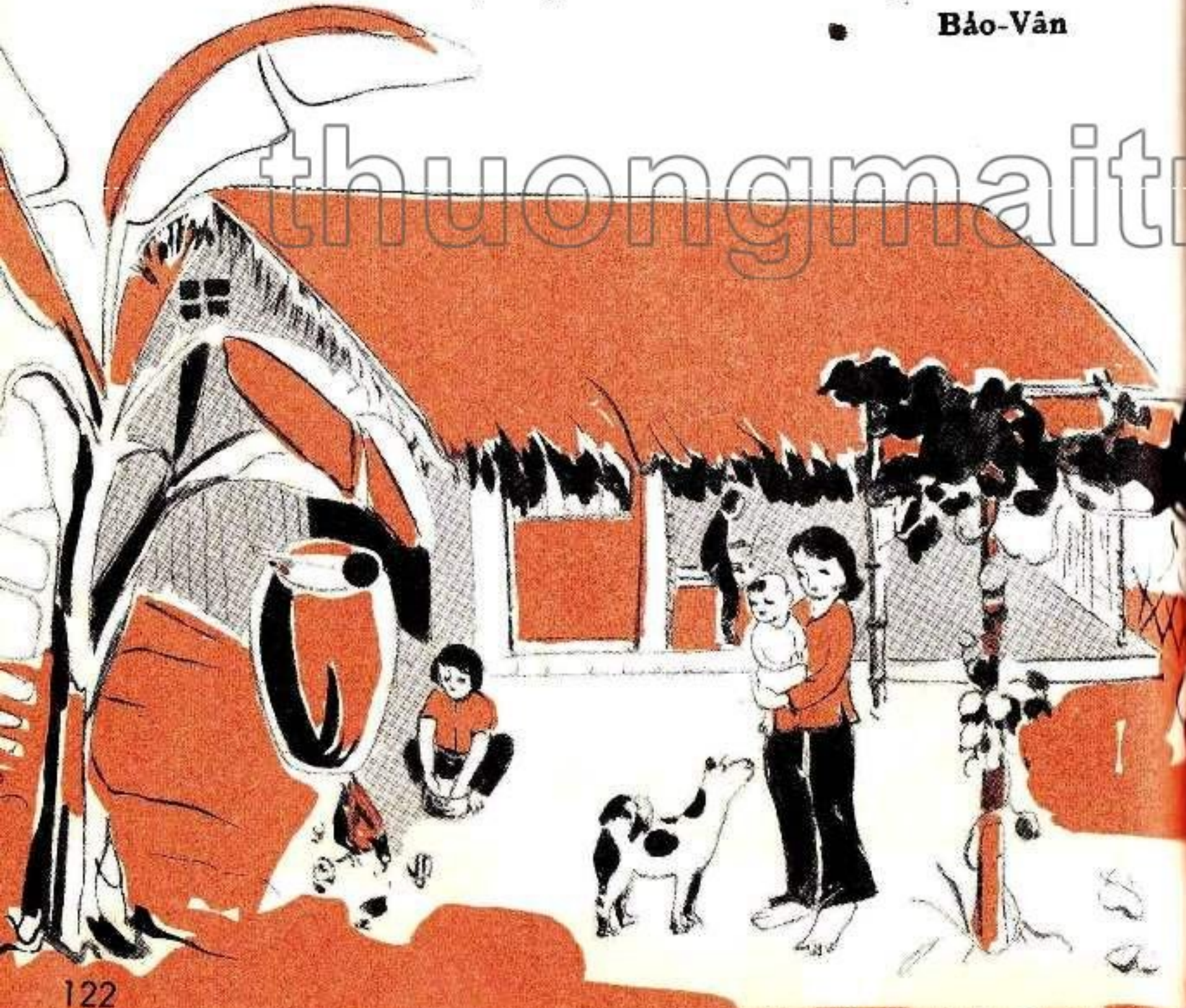
Nhà em, tường đất, mái tranh,
Trước sân có giậu, chung-quanh là vườn...

Giàn hoa thiên-lý đưa hương,
Hàng cau trước ngõ vẫn thường trổ hoa.

Trải bao tháng lại, ngày qua,
Chúng em sống dưới mái nhà thân-yêu...

Nơi đây, em mến thương nhiều,
Mẹ, cha, anh, chị, bao nhiêu là người.

■ Bảo-Vân



Phát - âm : Mái tranh — giậu — giàn — trổ hoa — sống dưới mái nhà.

Giải-nghĩa : Giậu : hàng rào nhỏ để ngăn cách vườn hay sân.

Giàn hoa : phen thưa, bắc lên cao để các loại dây leo có hoa leo lên trên.

Ngõ : cổng hoặc lối đi, từ ngoài đường vào trong nhà.

Trổ hoa : có hoa mọc ra, đâm ra.

Câu - hỏi : Nhà em làm bằng gì ?

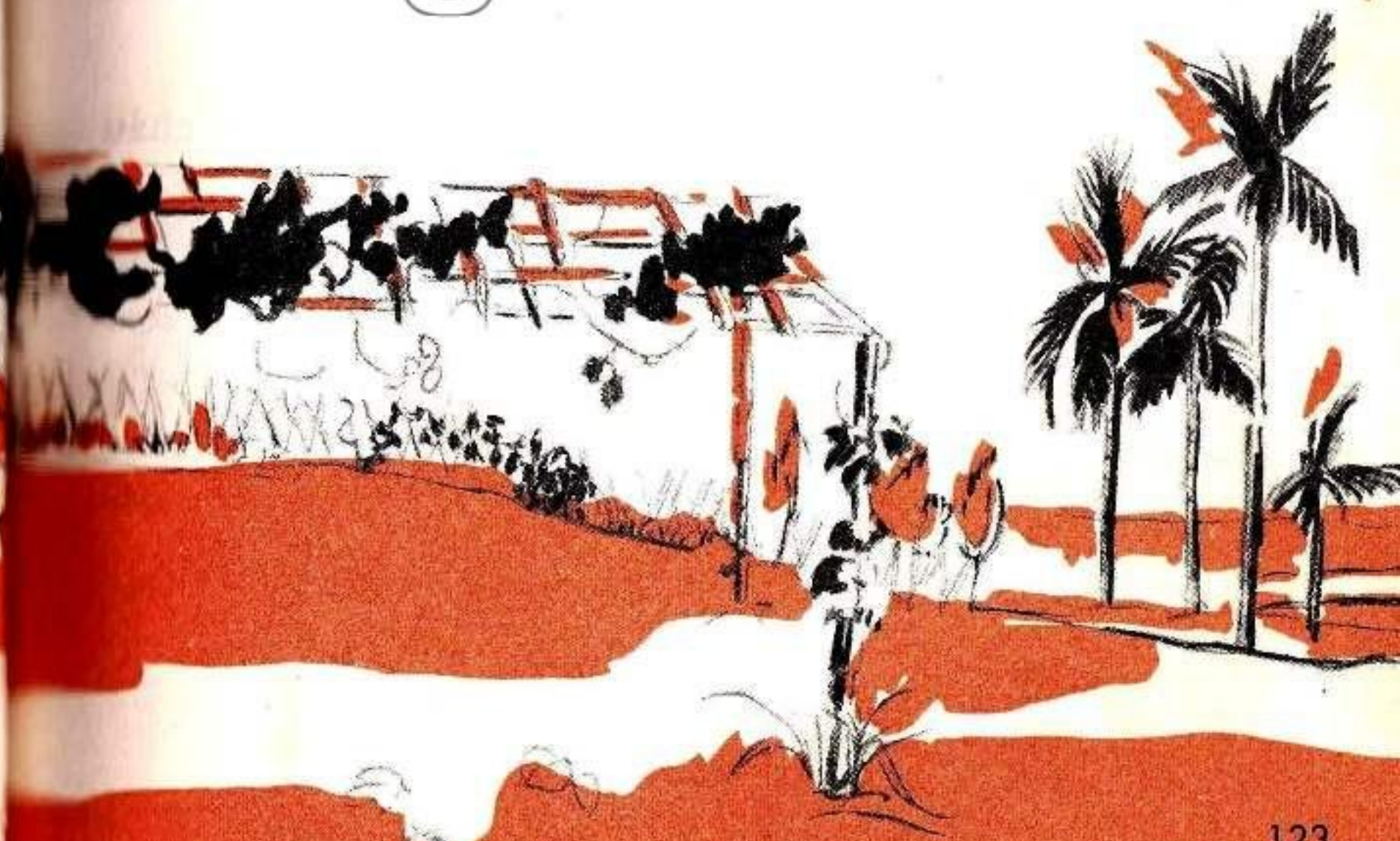
Chung quanh nhà em là gì ?

Trước ngõ có cây gì trổ hoa ?

Em sống trong nhà này với ai ?

Vì sao em mến-thương căn nhà này ?

Đại - ý : Nhà em nghèo tường đất, mái tranh, nhưng em mến-thương nhà em rất nhiều.



51. Trong phòng ăn

Trời đã xế chiều. Bác Năm giữ ông nội Hải ở lại chơi đến ngày hôm sau. Rồi bác Năm mời ông nội sang phòng ăn dùng cơm.

Căn phòng này rộng hơn phòng khách. Trên tường có treo mấy bức tranh sơn vẽ nhiều loại trái cây chín mọng. Chiếc bàn tròn phủ khăn vải trắng đặt ở giữa phòng. Chung quanh là mười chiếc ghế tựa. Trên bàn đã bày sẵn đĩa, bát và các đĩa đựng đầy thức ăn ngon-lành.

Ông nội ngồi vào bàn. Bên cạnh là vợ chồng bác Năm.

Ông cười bảo: — Các cháu đâu? Ra cả đây ăn cơm cho vui!

Bác Năm đỡ lời:

—Thưa, mời ông cứ soi cơm trước. Các cháu còn đang rửa tay rồi xin ra ngồi sau ạ!

Phát - âm : Xế chiều — dùng cơm — khăn vải — tranh sơn.

Giải-nghĩa : Xế chiều : buổi chiều vào lúc mặt trời đã chệch nghiêng về tây.

Chín mọng : rất chín, như chứa đầy nước mật ở trong lớp vỏ.

Phủ : trải lên trên.

Soi cơm : dùng cơm, ăn cơm.

Bày sẵn : bày ra từ trước.

Câu - hỏi : Bác Năm mời ông nội Hải sang đâu ?
So với phòng khách thì phòng ăn thế nào ?
Trên tường có treo tranh vẽ gì ?
Chung quanh chiếc bàn tròn là gì ?
Đĩa bát bày thế nào ?

Đợi - ý : Bác Năm mời ông nội Hải ngồi vào bàn ở phòng ăn để dùng cơm.



52. Ở phòng tắm

Trước khi ăn cơm, Cường rủ Hải đi rửa tay ở phòng tắm. Phòng này ở phía đầu nhà, tuy nhỏ nhưng rất xinh. Nền lát gạch đỏ cho dễ thấm nước. Sát tường là chiếc lu lớn dùng để chứa nước rửa. Trên nắp lu có một chiếc gáo dài cán bằng vỏ dừa. Kế đó là chiếc chậu sắt tráng men xanh, đặt trên giá gỗ.

Cường nhìn vào gương treo trên tường để chải lại tóc, Hùng múc nước ra chậu rồi bảo Hải: — Hải rửa tay đi. Lúc nào muốn tắm thì múc nước trong lu này nhé !

Hải cười đáp: — Hải ưa tắm ao vì được bơi lội thích hơn nhiều.

Phát - âm : Rất xinh — chậu sắt — gương treo — rửa tay — giá gỗ.

Giải-nghĩa : Rủ : bảo người khác cùng làm theo mình.
Xinh : nhỏ, đẹp, trông rất đáng yêu.
Gáo : đồ dùng để múc nước.

Câu - hỏi : Trước khi ăn cơm, Cường rủ Hải đi đâu ?
Phòng tắm này thế nào ?
Trong phòng tắm có những gì ?
Hùng bảo Hải thế nào ?
Theo Hải thì tắm ở đâu thích hơn ?

Đại - ý : Phòng tắm ở phía đầu nhà, tuy nhỏ nhưng rất sạch.



53. Ở giữa đồng quê

Nhà em ở giữa đồng quê,
Hai bên là ruộng, một bề giáp ao.
Trước sân có lối ra vào,
Một con đường nhỏ đắp cao bằng thềm.
Mái tranh, tường đất, cửa phen,
Ba gian nhỏ hẹp càng thêm gọn gàng.
Mỗi khi tới độ mùa sang,
Nhà em lại có lúa vàng đầy sân.

Dương-Nguyên

Phát - âm : Giáp ao — cửa phen — gọn-gàng — lúa vàng.

Giải-nghĩa : Giáp : sát gần, bên cạnh.

Cửa phen : cửa làm bằng tre hay nứa, đan lại với nhau.

Gọn-gàng : không lồi-thôì bừa-bãi.

Câu - hỏi : Nhà em ở đâu ?

Trước sân là gì ?

Ao và ruộng ở về phía nào ?



*Tường, mái và cửa nhà em làm bằng gì ?
Nhà em có lúa vàng đầy sân vào dịp nào ?*

Đại-ý : Nhà em chuyên nghề làm ruộng ở giữa đồng quê.

54. Trong phòng ngủ

Đồng-hồ thông-thả buông mười một tiếng.
Càng về khuya, cảnh-vật càng thêm yên-lặng.

Đêm nay, ông nội của Hải ngủ lại ở nhà bác Năm. Bác Năm gái đã sửa-soạn xong giường nệm để mời ông đi nghỉ. Hải cũng theo Hùng và Cường vào phòng ngủ. Mỗi em có một chiếc giường riêng đã buông mùng sẵn-sàng. Cuối phòng là chiếc tủ áo lớn. Cạnh đó kê một chiếc bàn con. Trên bàn đặt sẵn một cây đèn nhỏ. Bóng đèn màu xanh, tỏa ánh-sáng dịu-dịu ra khắp phòng...

Hùng ra mở cửa sổ rồi báo Hải:—Ba Hùng vẫn dặn là ban đêm, phải mở cửa sổ ở phòng ngủ cho thoáng-khí.

— Thế Hùng không sợ trộm ư? Hải hỏi.

— Lo gì — Hùng đáp — đã có chèn song sắt, chắc lắm!

Phát - âm: Khuya — sửa-soạn — sẵn-sàng — chèn song sắt.

Giải - nghĩa Khuya : tối đã lâu.

Đi nghỉ : đi nằm ngủ.

Tỏa : chiếu ra khắp nơi.

Dịu-dịu : nhẹ nhẹ, không chói mắt,

Câu - hỏi : Về khuya, cảnh-vật thế nào?

Ông nội nằm ngủ ở đâu?

Đồ-đạc trong phòng ngủ gồm có những gì?

Tại sao ban đêm nên mở cửa sổ ở phòng ngủ?

Cửa sổ cần có chèn song sắt để làm gì?

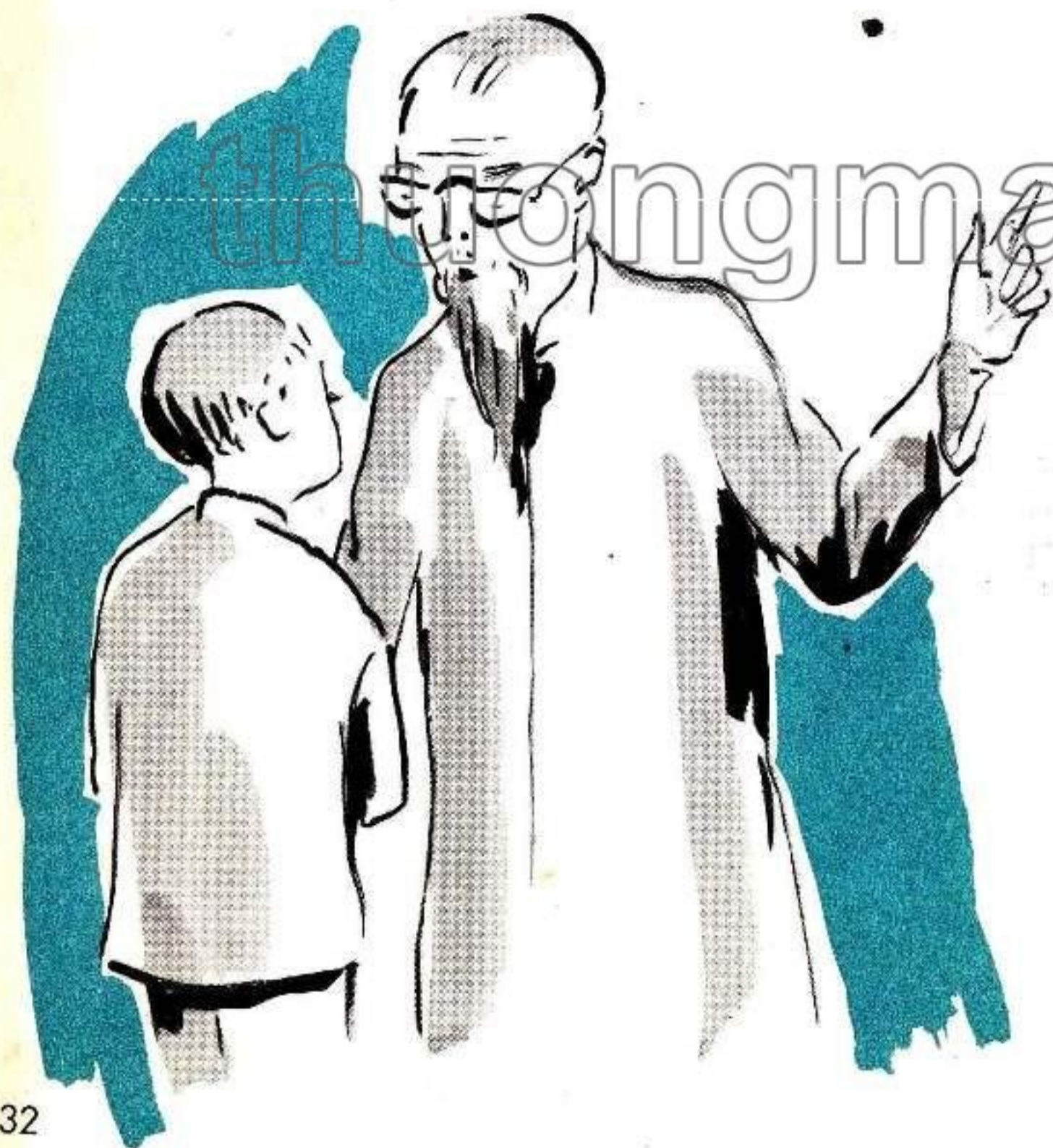
Đáp - ự : Ban đêm, nên mở cửa sổ phòng ngủ cho thoáng-khí.



55. Đồ-đạc trong nhà

Sáng nay, ở nhà bác Năm trở về, ông nội bảo Hải:—Cháu có thấy không?Nhà bác Năm thật là gọn-gàng, ngăn-nấp. Phòng nào, phòng ấy sạch-sẽ và xinh-xắn. Đồ-đạc ở mỗi phòng đều được xếp-đặt rất có thứ-tự. Giường, tủ, bàn, ghế năng lau-chùi nên sáng bóng và không có một vết bụi

Hải nói:—Thưa ông, tuy vậy mà ở nhà bác Năm vẫn ít đồ-đạc hơn ở nhà anh Đồng, bạn cháu!



Ông cười trả lời:—Ừ!
Đồ-đạc tuy ít thật đấy nhưng vẫn đủ dùng. Nhờ thế mà các phòng đều rộng-rãi, sáng-sủa, dễ quét dọn. Ông thấy nhiều nhà đã chật lại trưng-bày đủ thứ đồ-đạc nên không còn lối đi. Như vậy phòng có ít lợi gì ???

Phát - âm: Gọn-gàng — xinh-xắn — rộng - rãi — sáng-sủa — quét dọn.

Giải-nghĩa: Ngăn-nấp: xếp đặt có thứ-tự đâu ra đấy.

Năng: thường, luôn.

Phòng có ích-lợi gì: Liệu xem có ích-lợi gì?

Câu - hỏi: Theo ông nội thì nhà bác Năm thế nào?

Vì sao đồ-đạc sáng bóng?

Nhà ai có nhiều đồ-đạc?

Phòng bày ít đồ-đạc có lợi thế nào?

Bày nhiều đồ-đạc có gì bất-tiện?

Đợi-ý: Nhà bày ít đồ-đạc thì rộng-rãi, sạch-sẽ dễ quét-dọn.



56. Yêu

Tôi yêu tổ-quốc của tôi,
 Nói chẳng hết lời, yêu vẫn còn yêu.
 Yêu đồng quê lúa phì-nhiều,
 Con sông uốn khúc, bóng chiều thướt-tha.
 Yêu miền thành-thị xa-xa,
 Yêu thôn-xóm nhỏ, vườn cà, nương khoai,
 Núi cao, biển rộng, sông dài.
 Dầu đã yêu hoài, tôi vẫn còn yêu...

Quốc-Mỹ và Bảo-Vân

Phát - âm : Uốn khúc — phì-nhiều — thướt-tha — biển rộng
 — sông dài.

Giải-nghĩa : Tổ-quốc : đất nước nhà mình.
 Phì-nhiều : nói về ruộng đất tốt màu.

Thướt-tha : chạy dài ra một cách nhẹ-nhàng.
Nương : ruộng đất cao ở miền núi.

Câu - hỏi : Em yêu gì nhất ?
 Trên đồng quê có gì uốn khúc ?
 Cảnh thôn-xóm nhỏ là những gì ?
 Yêu Tổ-quốc thì bây giờ còn bé, em phải làm gì ?

Đáp - ý : Tôi yêu Tổ-quốc, đất-nước của tôi vô cùng.





thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG VI

GIA-ĐÌNH



57. Gia-đình sum-họp

Một buổi tối trời lạnh, cơm nước xong, tất cả gia đình Hải sum-họp trong phòng khách. Các cửa đều đóng kín. Giữa nhà, ngọn đèn ba dây treo cao tỏa ánh sáng êm-dịu khắp gian phòng.

Bà nội Hải ngồi trên sập, thông-thả kể truyện cổ tích cho các em Hải nghe. Ông Tám ngả mình trên chiếc ghế



Xích-đu chăm-chú xem báo. Bà Tám lặng-lẽ ngồi khâu ở góc phòng. Ngồi cạnh đây, Bích thoăn-thoắt đưa mũi kim trên chiếc khăn tay thêu dở. Nằm thu hình bên cạnh Bích, con miu say-sưa đánh một giấc ngủ ngon lành.

Phát-âm : Sum-họp — treo — ánh-sáng—truyện —say-sưa.

Giải-nghĩa : Đèn ba dây : đèn dầu to, có chóa, có ba dây treo lên trần nhà.

Sập : thứ giường bằng gỗ, mặt liền với chân, chung quanh có diềm.

Truyện cổ-tích : truyện từ ngày xưa truyền lại.

Xích-đu : thứ ghế làm bằng mây, nằm ngồi có thể đu cho lắc-lư được.

Thoăn-thoắt : nhanh lắm.

Câu hỏi : Gia-đình Hải sum-họp ở đâu ?

Có những ai trong phòng khách ?

Giữa nhà treo cái gì ?

Những ai nghe bà nội kể truyện cổ-tích ?

Ông Tám làm gì ?

Bà Tám ngồi ở góc phòng làm gì ?

Bích ngồi thêu ở cạnh ai ?

Miu nằm ngủ ở đâu ?

Kể tiếng phản-nghĩa với:chăm-chú, thoăn-thoắt.

Đại-ý : Buổi tối, gia-đình Hải sum-họp vui-vẻ trong gian phòng ấm-cúng.

58. Lòng mẹ thương con

Đã chín giờ tối. Ngoài đường mưa phùn, gió lạnh. Thái vẫn chưa thấy mẹ về. Anh lẩm-bẩm:

—Sao độ này má bán hàng về muộn thế!

Thái vừa nói xong, thì mẹ anh đẩy cửa bước vào, quần áo đầm nước mưa, mặt xám ngắt.

Mẹ anh xếp quang gánh vào xó nhà rồi rút trong bọc ra một gói nhỏ đưa cho anh và nói:

—Má mới mua cho con chiếc áo len. Con mặc thử xem.

Thì ra mẹ anh đã chịu rét-mướt để cho anh được ấm-áp.

Phát - âm: Lẩm-bẩm — xám ngắt — rút — rét mướt.

Giải-nghĩa: Lẩm-bẩm: nói nhỏ trong miệng.

Xám ngắt: ý nói mặt tái nhợt vì mưa rét.

Xó nhà: góc nhỏ hẹp và tối-lắm trong nhà.

Câu hỏi: Đã mấy giờ tối rồi?

Bên ngoài, mưa gió thế nào?

Mẹ Thái đi bán hàng về, quần áo, mặt mày thế nào?

Mẹ anh đưa cho anh gói gì?

Mẹ anh đã làm gì để cho anh được ấm-áp?

Những tiếng phản-ngiã với muộn, ấm-áp là gì?

Dạy - ý: Mẹ Thái chịu dầm mưa dãi gió, buôn bán cực-khổ, để có tiền mua áo ấm cho con.



59. Lòng mẹ

Những khi trái nắng, trở trời,
Em đau, là mẹ đứng ngồi không yên.
Tìm thầy, lo chạy thuốc men,
Vì em, săn-sóc ngày đêm nhọc-nhàn :

Hết bóp trán lại xoa chân,
Lúc ly sữa ngọt, khi cân cam sành.
Em ho, ngực mẹ tan-tành.
Em sốt, lòng mẹ như bình nước sôi.
Em nằm khấn Phật, cầu Trời,
Sao cho chóng khỏi, mẹ cười, em vui.

Chiêu-Đăng

Phát - âm : Trái nắng trở trời — săn-sóc—trán—sữa—cam
sành — sốt — sôi — trời.

Giải-nghĩa : Trái nắng trở trời : ý nói thay đổi thời-tiết
khác thường dễ sinh ra ốm đau.

Em ho, ngực mẹ tan-tành : ý nói khi con ho,
mẹ cũng cảm thấy đau ngực như con.
Lòng mẹ như bình nước sôi : ý nói người mẹ
nóng lòng sốt ruột, mong cho con chóng
khỏi và chính mẹ cũng cảm thấy sốt như con.

Câu hỏi : Khi em đau mẹ em thế nào ?
Mẹ em săn-sóc em cách nào ?
Khi em ho, tại sao ngực mẹ như tan vỡ ?
Khi em sốt, tại sao lòng mẹ như bình nước
sôi ?
Tình mẹ đối với con thế nào ?
Tiếng đồng-nghĩa với nhọc-nhàn là gì ?
Kể những tiếng đồng-âm với men và cho thí-
dụ.

Đại-ý : Khi em ốm đau, mẹ em hết lòng săn-sóc
và thương em đến nỗi cũng thấy đau
như em.



60 Lòng con thương cha

Từ hôm cha Thái ốm nặng, anh xin phép nghỉ học, ở nhà trông nom cha. Lần nào đến thăm, Hải cũng thấy bạn vừa bẻ em, vừa sắc thuốc. Nhưng lần này lại thấy anh đứng tựa cửa, có vẻ ngóng đợi ai. Hải hỏi:—Sao hôm nay anh không sắc thuốc? Bác khỏi rồi à?

Thái buồn-rầu đáp:—Hết thuốc rồi! má tôi còn đi vay tiền.

Có tiếng rên trong nhà. Thái vội chạy vào. Hải



đứng theo sau. Thái ngồi xuống cạnh giường nắm chặt tay cha, giọng nói nghẹn-ngào:

—Thưa ba, ba đau lắm sao?

Giữa lúc ấy mẹ anh về. Anh vội hỏi:—Thuốc đâu má? Để con đem sắc.

Mẹ anh thở dài, không nói gì. Anh hiểu là không vay được đồng nào. Anh bỗng nghĩ đến số tiền đã để dành được từ Tết đến nay. Anh bèn đi lấy con heo đất đem đưa cho mẹ.

Phát - âm: Trông - nom — sắc thuốc — buồn - rầu — vay — rên — vội.

Giải-nghĩa: Sắc thuốc: nấu thuốc thật kỹ trong cái siêu đất để lấy nước cốt đặc.
Ngóng: nhìn lâu về một phía tỏ vẻ mong đợi.
Nghẹn-ngào: cảm-dộng quá nói không được.
Con heo đất: đồ làm bằng đất nung hình con heo, để trẻ con bỏ tiền để dành.

Câu hỏi: Tại sao Thái xin phép nghỉ học?
Mỗi lần đến chơi, Hải thấy bạn làm gì?
Nhưng lần này thì sao? Vì lẽ gì?
Thấy cha rên, Thái chạy vào hỏi cha thế nào?
Mẹ anh không vay được tiền mua thuốc, anh làm gì để tỏ lòng hiếu-thảo?
Kể những liếng đồng-âm với sắc và cho thí-dụ.

Đại-ý: Thái là người con hiếu-thảo, hết lòng thương cha lúc cha đau ốm.

61. Hải biết vâng lời

Cha mẹ Hải đi vắng, đã dặn Hải ở nhà không được đi chơi. Hải vâng lời không dám bước chân ra khỏi cửa.

Hải đang ngồi xem sách thì Hùng đến rủ:—Hải ơi! Ra sông tắm đi. Hải nói:—Ba má tôi cấm không cho tắm ngoài sông, sợ chết đuối; tôi không dám đi.

Không rủ được Hải, Hùng đi một mình. Đến nơi anh cởi quần áo để trên bờ, nhảy xuống bơi. Không ngờ ra xa gặp chỗ sâu, anh chìm lặn. May lúc ấy bác Đông đi qua, thấy thế, vội nhảy xuống vớt lên. Hùng thoát chết nhưng bị uống đầy một bụng nước, mặt cắt không còn giọt máu.



Phát - âm: Vâng lời — rủ — sông — sâu — giọt máu.

Giải-nghĩa: Chết đuối: chết chìm dưới nước.

Chìm lặn: chìm dưới sâu, không ngoi lên được.

Mặt cắt không còn giọt máu: ý nói mặt tái mét vì sợ-hãi.

Câu hỏi: Cha mẹ Hải đi vắng đã dặn Hải thế nào?
Hùng đến rủ Hải đi đâu?
Hải trả lời sao?

Hùng ra sông tắm suýt bị thế nào?

Bài này khuyên ta gì?



Đại-ý: Hải biết vâng lời cha mẹ, không đi tắm sông với Hùng.

Mẹ xót thương tôi lúc trở trời
Tôi yêu quý mẹ nhất trên đời
Chỉ muốn quanh năm sống
cạnh người
Rớt nước, bưng cơm hầu-hạ
mẹ

Đáp đền lòng mẹ mến thương

Mẹ tôi vui
Mẹ tôi s

Mẹ xót th
Tôi yêu qu
Chỉ muốn
Rớt nước,

Đáp đền l

Giải-nghĩa : Trở trời : thay đổi thời-tiết khác thường dễ sinh đau ốm.

Quanh năm : đầu năm chí cuối.

Sống cạnh người : sống cạnh mẹ.

Câu hỏi: Khi em vui, mẹ em thế nào ?

Khi em khỏe-mạnh ? Khi em ốm / đau ?

Em yêu qui mẹ thế nào?

Đề đáp lại tình yêu của mẹ, em thường làm gì ?

Tiếng phản-nghĩa với sung-sướng là gì ?

Những tiếng đồng-âm với sống là gì?

Đại-ý :

Tình mẹ thương-yêu con thật là tha-thiết.

63. Người con ngoan

Nhà Việt nghèo. Đi học về, anh chăm-chỉ làm việc đỡ-dần cha mẹ. Một hôm Hải đến chơi thấy Việt vừa coi em, vừa học bài. Đang học thì em bé anh khóc. Anh gấp vở lại, lấy cơm nguội cho nó ăn.

Rồi Việt khuôn cúi phoir ngoài sân vào. Hải ra giúp một tay và nói:—Việt bận thế mà vẫn học giỏi, Hải phục đấy.

Việt cười:—Tôi làm việc thế này đã thắm vào đầu. Cha mẹ tôi kiếm tiền nuôi chúng tôi còn vất-vả hơn nhiều. Ở nhà Việt ra về, Hải nghĩ thầm: Thề mới biết mình còn sung-sướng hơn Việt nhiều.



Phát - âm: Chăm-chỉ—đỡ-dần — khuôn— vất-vả — sung-sướng.

Giải-nghĩa: Đỡ-dần: giúp-đỡ.

Khuôn: mang dẫn đi chỗ khác.

Bận: phải làm nhiều việc, hết việc nọ đến việc kia,

Vất-vả: khó-nhọc.

Câu hỏi: Nhà Việt thế nào?

Một hôm Hải đến chơi

thấy Việt làm gì?

Đang học thì em anh

khóc, anh lấy gì cho em

ăn?

Hải giúp Việt làm gì?

Hải khen Việt, Việt trả

lời sao?

Kể tiếng đồng-âm với kiếm

nó cho thí-du.

Đại-ý: Việt là người con ngoan:

ngoài giờ học, anh chăm-

chỉ đỡ-dần cha mẹ.



64. Đứa trẻ mồ-côi

Buổi tối mùa đông, gia-đình Hải sum-họp trong nhà. Bỗng ngoài đường có tiếng rao đậu phụng. Bà Tám bảo gọi vào mua.

Một đứa bé độ chín tuổi, vai đeo thùng đậu phụng, bước vào trong nhà. Trời lạnh mà nó chỉ mặc một cái quần cụt và một manh áo cánh. Thấy nó rét, bà Tám kéo nó ngồi xuống bên cạnh rồi hỏi:—Ba má



đâu mà trời lạnh như thế này em phải đi bán đậu phụng?

Nét mặt buồn-rầu, nó đáp:—Ba má cháu chết đã lâu rồi. Cháu ở với dì. Nhà nghèo nên cháu phải kiếm thêm tiền.

Bà Tám mở thùng lấy cả chỗ đậu phụng còn lại và đưa cho thằng bé tờ giấy bạc một trăm đồng. Nó cảm-động đi ra. Hải nhìn theo cho đến khi bóng nó mờ dần trong đêm tối.

Phát - âm : Trẻ—sum-họp—rao—trời rét—buồn-rầu—trăm.

Giải-nghĩa : Đậu phụng : thứ đậu hạt lớn có nhiều chất béo.
Cảm-động : cảm thấy lòng mình nao nao.

Câu hỏi : Gia-đình Hải sum-họp ở đâu ?
Bỗng ngoài đường có tiếng rao gì ?
Đứa bé bán đậu phụng ăn mặc thế nào ?
Bà Tám hỏi nó gì ? Nó trả lời sao ?
Tại sao bà Tám mua hết chỗ đậu phụng còn lại ?
Kể mấy tiếng đồng-âm với rao và cho thí-dụ.
Tìm những tiếng phản-nghĩa với rét, buồn-rầu, nghèo.

Đại - ý : Thương tình một đứa trẻ mồ-côi phải đi bán đậu phụng, bà Tám mua hết chỗ đậu phụng còn lại cho nó.

65. Nhường cơm, sẻ áo

Em nhờ công mẹ, ơn cha,
Cơm no, áo ấm, cửa nhà yên vui
Em thương chẳng trẻ mồ-côi,
Không cha, không mẹ, không người thân yêu ?
Tấm thân cực-khổ đủ điều,
Rét không áo mặc, sớm chiều thiếu ăn.
Thương người như thể thương thân,
Nhường cơm, sẻ áo, lòng nhân mới là.

Chiêu-Đặng
(Quốc-Văn Toàn-thư)

Phát - âm : Nhường — sẻ — trẻ — rét — chiều.

Giải-nghĩa : Mồ-côi : chỉ trẻ có cha mẹ chết.
Thương thân : thương mình.
Lòng nhân : lòng thương người.
Cực-khổ : vất-vả khổ-sở.

Câu hỏi : Nhờ ai, em được cơm no, áo ấm ?
Em nên thương những trẻ nào ?
Những trẻ ấy khổ-sở thế nào ?
Em phải làm gì để cứu-giúp chúng ?
Kể những tiếng đồng-âm với
sẻ áo cho trẻ đói.

Đáp-ý : Các em nhờ cha mẹ được
sung - sướng, nên cứu-giúp
những trẻ mồ-côi khổ-sở.



66. Giúp-đỡ họ-hàng

Vừa về đến nhà, ông Tám ngồi phịch ngay xuống ghế, nét mặt rầu-rầu. Bà Tám ngạc-nhiên hỏi: — Cậu làm sao thế?

Ông Tám thở dài nói:

—Tôi vừa được tin bác Hai ở Mỹ-tho bị cháy hết nhà cửa rồi. Bà Tám hoảng-hốt: — Chết chưa! Thế thì biết làm thế nào bây giờ?

—Minh phải giúp-đỡ chứ còn gì nữa.

—Nhưng làm sao có tiền giúp?

Ông Tám đứng dậy đi đi lại lại, suy-nghĩ. Rồi bỗng dừng lại nói với bà Tám: —Thôi thì chỉ còn cách này! Mợ bán đôi xuyên đi vậy. Nhặt-nhạnh thêm tiền ở nhà nữa, sao cho đủ năm nghìn đồng mới được.

—Ừ, cậu nghĩ phải đấy. Chiều nay tôi đi Mỹ-tho ngay nhé?

Nói rồi bà Tám mở tủ lấy đôi vòng tay đem bán.

Phát-âm: Rầu-rầu — hoảng-hốt — suy-nghĩ — vòng tay.

Giải-nghĩa: Ngạc-nhiên: lấy làm lạ.

Hoảng-hốt: chột thấy sợ-hãi.

Xuyên: vòng đeo tay.

Câu hỏi: Hôm nay đi làm về, ông Tám có vẻ mặt thế nào?

Bà Tám hỏi, ông nói sao?

Ông Tám bàn giúp bác Hai cách nào?

Buổi chiều bà Tám đi Mỹ-Tho làm gì?

Tiếng phản-nghĩa với bán là gì?

Kể mấy tiếng đồng-âm với đồng và cho thí-dụ.



Đại-ý: Nghe lời ông Tám, bà Tám vui lòng bán đôi xuyên để lấy tiền giúp bác Hai bị cháy nhà.

67. Thăm họ hàng

Nhân ngày nghỉ, ông bà Tám dẫn Hải về quê thăm họ-hàng. Trước hết, anh được dẫn đến chào bà con họ nội; rồi đến thăm bên ngoại. Gặp ai Hải cũng cúi đầu chào kính-cần. Thấy Hải ngoan-ngoãn ai cũng mến yêu.

Chú Mười cho Hải một con sáo biết nói nhót trong cái lồng rất đẹp. Cậu Khánh cho Hải một cái cần câu bằng trúc thật thẳng. Anh em họ gặp Hải tay bắt mặt mừng. Mấy anh em dắt nhau đi câu hoặc ra đồng thả diều.



Chơi ở quê hai ngày, Hải về tỉnh. Anh quyến-luyến họ-hàng, mong lại có dịp về quê chơi.

Phát-âm : Kính-cần — con sáo — trúc — quyến-luyến.

Giải-nghĩa : Kính-cần : rất lễ-phép,

Trúc : thứ cây thuộc về loại tre, nhỏ, thân ít cành, mà không có gai.

Tay bắt mặt mừng : chào hỏi ân-cần, vui-vẻ.

Quyến-luyến : quyến-quit vì thân yêu.

Câu hỏi : Ông bà Tám dẫn Hải về quê làm gì ?

Gặp ai Hải cũng chào hỏi thế nào ?

Chú Mười cho Hải gì ?

Cậu Khánh cho Hải cái cần câu thế nào ?

Các anh em họ gặp Hải tỏ vẻ gì ?

Tại sao Hải mong có dịp về quê chơi ?

Tim liếng phản-nghĩa với yêu và đẹp.

Đại-ý : Hải rất thương-yêu, quyến-luyến họ-hàng.

69. Ngày giỗ

Hôm nay nhà ông Tám có giỗ. Trên bàn thờ, đồ đồng bóng lộn, đèn nến sáng trưng, khói trầm nghi-ngút. Hoành-phi, câu đối vàng son lấp-lánh.

Họ-hàng đèn chật nhà. Cổ bàn làm xong đặt trên bàn thờ. Ông Tám đội khăn, mặc áo chỉnh-tề, quì trước bàn thờ khăn vái. Sau đó mọi người lần-lượt lễ.

Cúng xong, ông Tám hạ cổ xuống. Họ-hàng quây-quần ăn uống, chuyện-trò rất thân-mật. Ông Tám thuật lại những công ơn của bà cô mà ông cúng giỗ hôm nay. Ai nấy đều bùi-ngùi nhớ đến người đã khuất.

Ngày giỗ, không-khí gia-đình thật là đầm-âm.

Phát - âm: Sáng trưng — trầm — khăn vái — chuyện-trò.

Giải-nghĩa: Trầm : thứ cây gỗ thơm thường dùng để đốt lấy thơm, đôi khi dùng làm hương.

Hoành-phi : biển gỗ sơn đen hoặc sơn đỏ, khắc chữ nho lớn thiếp vàng, treo ngang trên bàn thờ.

Chỉnh-tề : gọn-gàng, đứng-dẫn.

Khuất : chết, qua đời.

Bùi-ngùi : đây là tỏ vẻ thương nhớ.

Câu hỏi: Nhà ông Tám có giỗ ai?
Trên bàn thờ, ta thấy những gì?

Ông Tám ăn mặc chỉnh-tề rồi làm gì?

Cúng lễ xong, họ-hàng quây-quần làm gì?

Mọi người đều tỏ vẻ thế nào?

Kể những tiếng đồng-âm với trầm và cho thí-dụ.

Tìm những tiếng phản-nghĩa với nhớ, sáng trưng.

Đại - ý: Nhà ông Tám có giỗ, họ-hàng họp mặt đông vui.





thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG VII

THÔN-QUÊ



70. Hải về quê

Hải cùng chị Bích, anh Sơn được cha mẹ cho về quê thăm gia-đình chú Mười. Hải chợt gọi :

— Chị Bích ơi, gió mát làm em chóng đói quá !

— Vậy thì chắc Hải nghĩ đến đàn gà, ao cá của chú Mười.

Sơn tiếp : — Và những chén chè khoai ngọt lịm...

Cả ba cười giòn tan, vang hòa cùng tiếng xe bon bon giữa cánh đồng bát-ngát. Gió đồng tạt lại mùi hương thôn-dã thơm mát. Hải mê-mải nhìn những ruộng lúa xa thăm, những làng mạc ẩn hiện sau lũy tre xanh.

Phát - âm : Được — gia - đình — cười giòn — cánh — hương — ruộng — sau lũy tre xanh.

Giải - nghĩa Ngọt lịm : ngọt lắm. Mít, đu-đu ngọt lịm. Bon bon : chạy nhanh. Xe hơi bon bon trên đường.

Bát-ngát : rộng lắm, không biết đâu là cùng. Thôn-dã : nói chung vùng quê có đồng ruộng.

Lũy tre : những cây tre mọc liền nhau thành hàng rào.

Câu hỏi : Hải cùng Bích và Sơn về quê có việc gì ?
Trên đường về, Hải thấy chóng đói, tại sao ?
Sơn nhắc đến món gì ?
Có gì che khuất xóm làng ?
Tìm tiếng đồng-nghĩa với : gọi, mãi, nhìn.

Đại - ý : Ba chị em Hải về quê thấy đồng ruộng và xóm làng.



71. Đường vào làng

Ba chị em đi vào làng. Đường đất khúc-khủy, qua nhiều đám ruộng lúa xanh rờn... Từ cổng làng, đường xây bằng gạch, vườn trại san-sát. Hai bên đường, cành lá vươn lên và giao nhau thành một vòm xanh rung-động.

Gió vờn ngọn cây, nhẹ rung những tia nắng sớm. Đi vào bóng râm của một giàn bí lộp mái ngang đường, Hải ngược mắt nhìn. Những quả bí lòng-thòng, chiu xuống gần đụng đầu. Hải tưởng mình qua vườn nhà ai.

Sau những hàng cây trái sum-sê, nhà chú Mười dần dần hiện ra với mái ngói đỏ, tường vôi trắng...

— Kia anh Sơn! anh Hải!

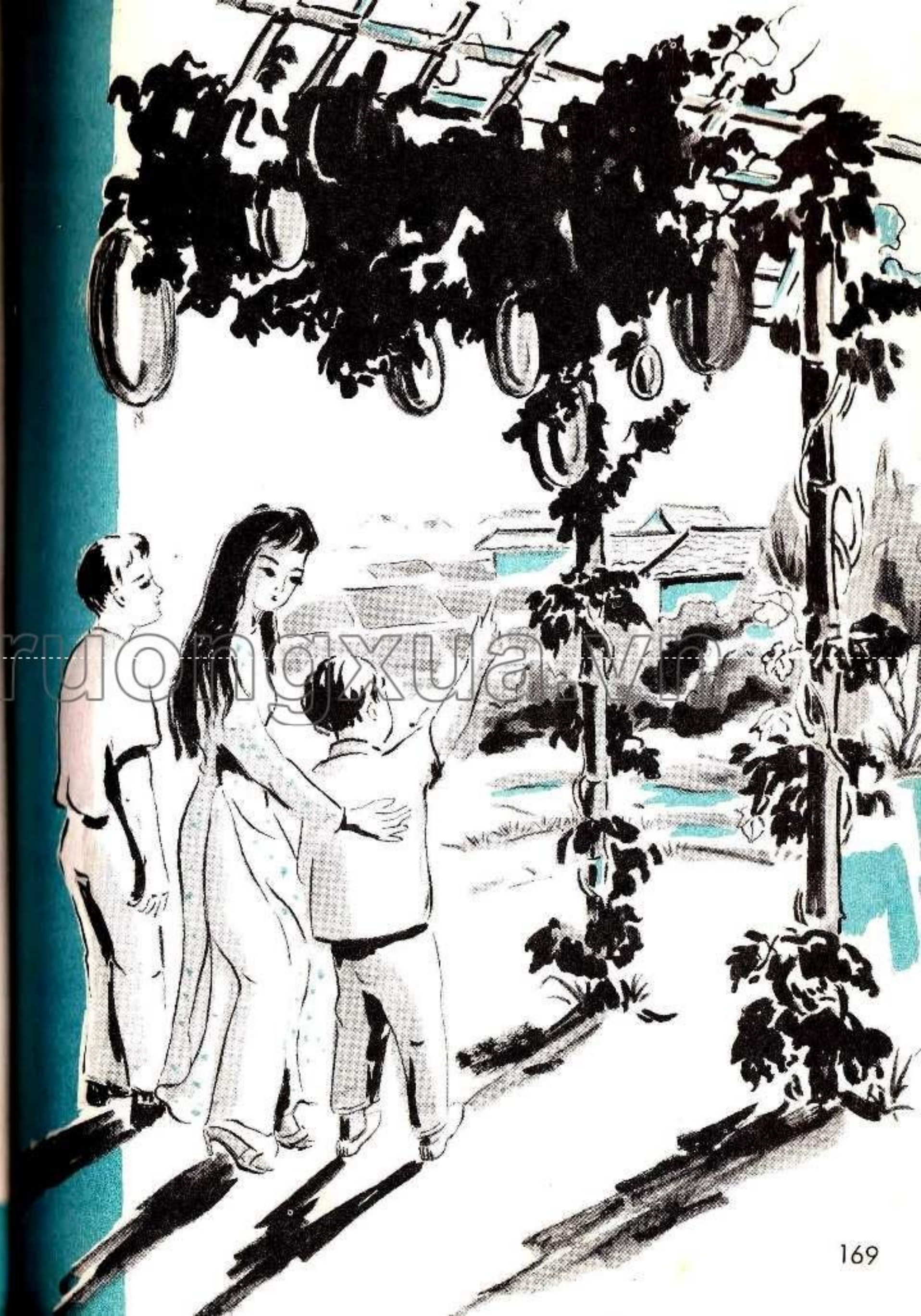
— A chị Bích!. Từ trong cổng nhà, Phúc và Ngọc chạy ủa ra, quần-quít lấy các anh chị từ tỉnh về.

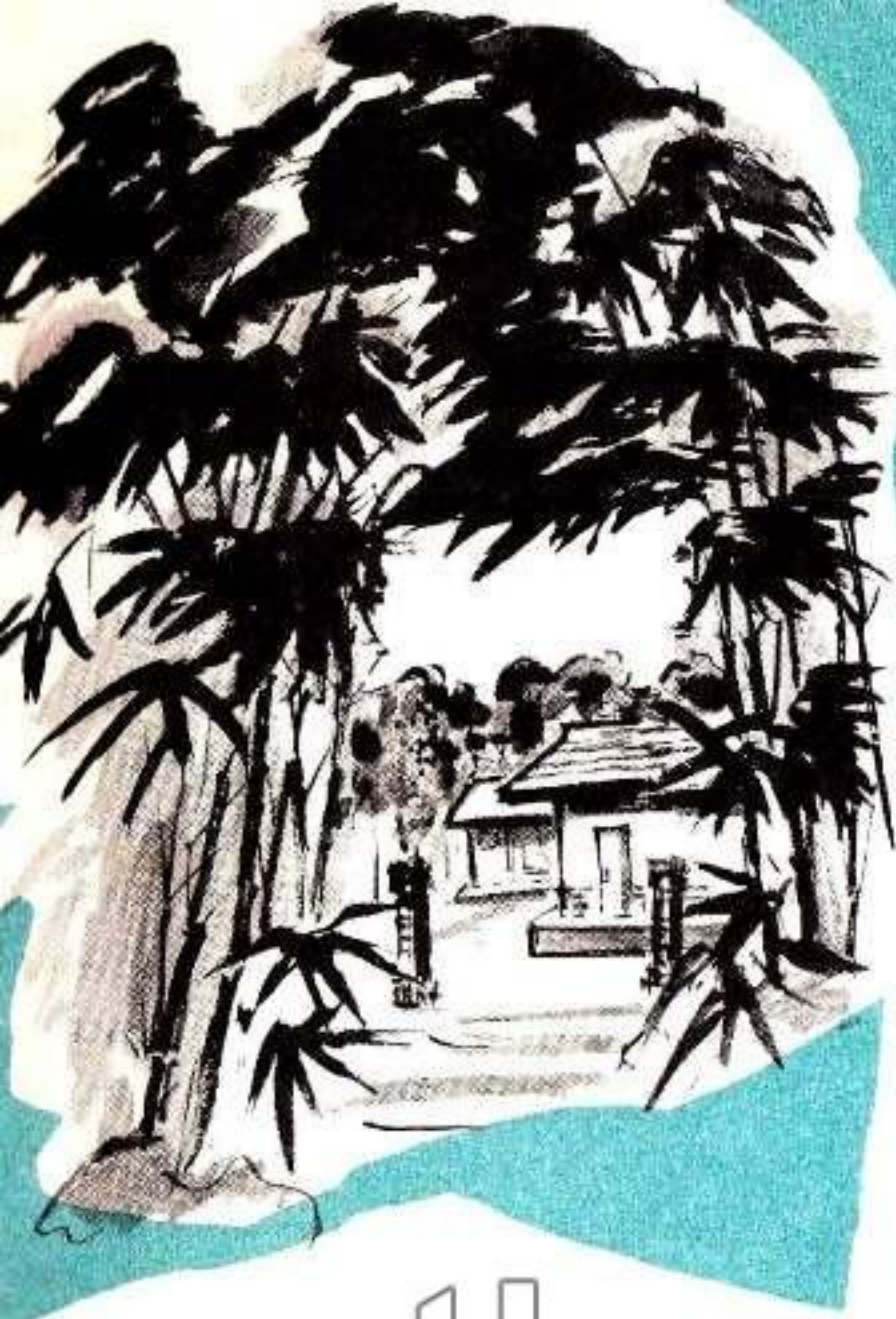
Phát - âm : Đường khúc-khủy — lúa xanh rờn — vườn trại san-sát — giao nhau—ngược—tường vôi trắng.

Giải-nghĩa : Khúc-khủy : cong-queo. Xanh rờn : xanh non.
Gió vờn ngọn cây, nhẹ rung những tia nắng sớm : gió rung động ngọn cây nhẹ nhẹ, làm cho những tia nắng sớm chiếu qua cành lá cũng phải lay động. Người ta tưởng chừng gió rờn đùa trên ngọn cây. Lòng-thòng : dài, rủ xuống.
Sum-sê : nói về cây rậm-rạp nhiều cành lá.

Câu hỏi : Từ cổng làng đi vào, Hải thấy gì ?
Vòm xanh này chỉ cái gì ?
Tại sao vòm xanh ấy rung-động ? Giàn bí ở đâu ?
Tìm mấy nghĩa khác nhau của tiếng « đường ».

Đại - ý : Ba chị em đi vào làng, qua nhiều vườn trại rồi đến nhà chú Mười.





73. Trang-trại

Nhà chú Mười là một trang-trại lớn ở sát bên đường làng, có lũy tre bao bọc. Vườn rau, vườn cây trái và ao cá vây quanh khuôn nhà ở chính giữa trại.

Từ cổng vào, qua một ngõ xây, đến sân gạch. Phía trước sân có vườn cảnh, ao cá. Phía sau là nếp nhà chính, tường gạch, mái ngói. Ba gian nhà khách ở mé bên

phải sân. Về mé bên trái sân có dãy nhà chứa thóc và dụng-cụ; nhà ấy còn là nơi làm-lụng, nghỉ-ngơi của công-nhân.

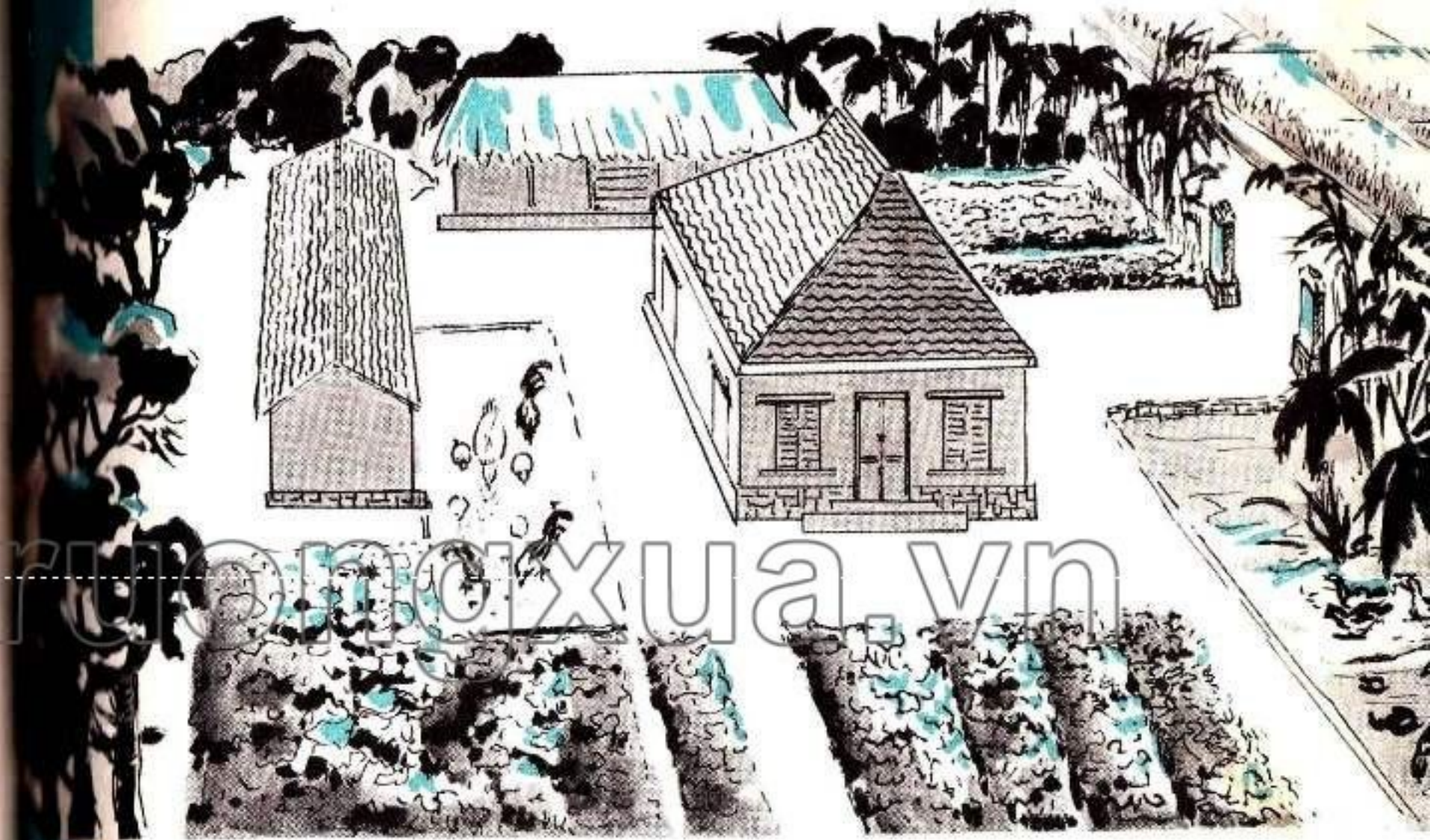
Đằng sau nếp nhà chính đến nhà bếp, sân nuôi gà vịt, chuồng nuôi heo, thỏ, chim bồ-câu... Bích đất Ngọc xuống nhà bếp. Hải và Sơn theo Phúc chạy ra thăm vườn.

Vườn rộng thênh-thang, cây-cối um-tùm. Ngay gần ao cá có vườn rau, hàng dứa, hàng cau... Trên những mảnh vườn khác có nhiều thứ cây ăn quả.

Phát - âm : Trang-trại — lũy tre — vây quanh — vườn cảnh — chính — khách — Bích — đất.

Giải-nghĩa : Trang-trại : khu nhà ở có vườn cây, ở nơi đồng ruộng.

Vườn cảnh : vườn có giồng cây và hoa cốt cho đẹp mắt.



Công-nhân : người làm công.

Um-tùm : rậm-rạp.

Câu hỏi : Những gì vây quanh khuôn nhà ở ?
 Những gì vầy bốn mặt sân ?
 Sau nếp nhà chính còn có những nhà nào ?
 Ở trại của chú Mười có nuôi những con vật nào ?
 Lúc ra thăm vườn, Hải thấy những gì ?
 Đặt câu với mỗi tiếng sau đây : chú (chú Mười) trú (trú mưa).

Đại-ý : Nhà chú Mười là một trang-trại lớn ở thôn-quê.

74. Ra đồng

Cơm nước xong ai nấy kéo nhau ra đồng. Hải và chị Bích theo chân chú Mười. Bích xách ấm nước, Hải rong trâu. Ông Mười đi trước, vai vác cày.

Mặt trời còn khuất sau những lùm cây mờ mờ đen nơi chân trời. Ánh hồng rạng-đông loe sáng một góc trên nền trời xanh xanh lơ. Hải gặp nhiều người làng. Họ lũ-lượt kéo nhau đi, mang theo cày, bừa, cuốc, hoặc gánh mạ, dắt trâu bò. Nhiều người miệng còn ngâm tằm, vừa đi vừa xia răng.

Xôn-xao tiếng cười đùa, tiếng nói chuyện hồn-nhiên. Hải cũng vui lây, và cất tiếng hát hai câu đã thuộc lòng:

«Mai đây lúa tốt đầy đồng,

Gặt về đập xay bồ công cây cày...»

Phát - âm : Xách — rong trâu — ánh hồng — lũ-lượt — cười — thuộc — lúa.

Giải-nghĩa : Kéo nhau đi: cùng nhau đi thành một đoàn người dài.

Khuất : gặp cái gì che lấp, làm cho mắt không trông thấy.

Lùm cây : nhiều cây mọc chen vào một chỗ, chòm cây, bụi cây.

Loe sáng : ánh-sáng chiếu tỏa ra một vùng rộng.

Xôn-xao : có nhiều tiếng ồn-ào, rộn-riپ.

Hồn-nhiên : hoàn-toàn tự-nhiên.

Câu hỏi : Mọi người kéo nhau ra đồng vào lúc nào?

Hải, Bích mỗi người giúp chú Mười làm việc gì?

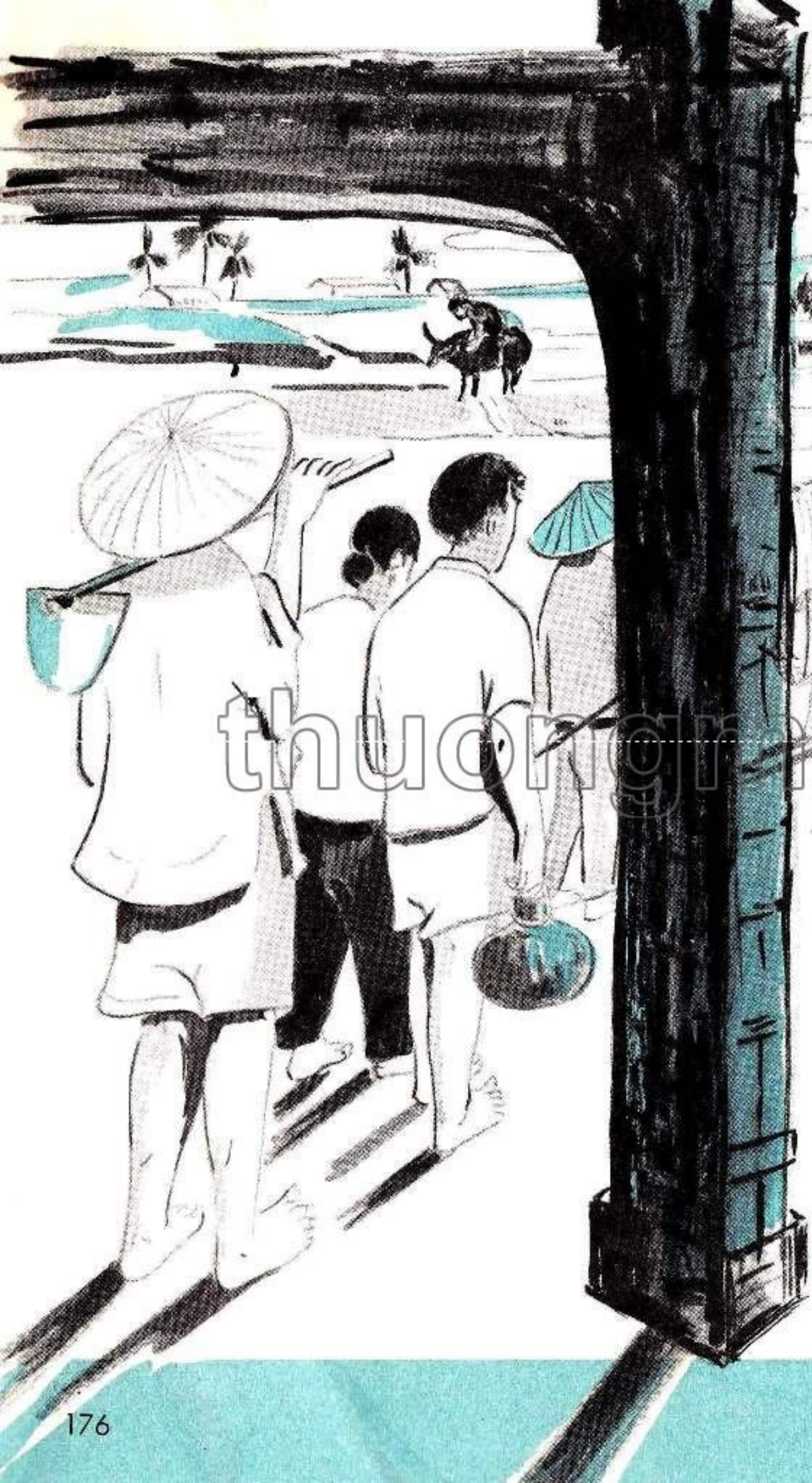
Người ta mang theo những gì ra đồng?

Tại sao Hải thấy vui lây?

Tìm tiếng phản - nghĩa với : đen, sáng, trên

Dại - ý : Lúc rạng-đông, mọi người tấp-nập vui-vẻ kéo nhau ra đồng làm việc.





75. Cổng làng

Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu-hiu đẩy mây vàng êm trời.
Đồng quê vòn lượn chân trời,
Đường quê quanh-quất bao người về thôn.
Sáng hồng lơ-lửng mây son,
Mặt trời thức giấc, véo-von chim chào.
Cổng làng rộng mở ồn-ào,
Nông-phu lững-thững đi vào nắng mai.

Bàng-Bá-Lân

Phát-âm : Chiều — vàng — vòn lượn — về thôn — véo-von
— mở — lững-thững.

Giải-nghĩa : Vòn lượn : nhấp-nhò giải-rà theo đường vòng.
Quanh-quất : trong vòng gần bên.
Lơ-lửng : chơi-vơi giữa chừng.
Véo-von : nói về giọng, tiếng cao mà thanh.
Lững-thững đi : đi chậm-chạp không vội-vàng.

Câu hỏi : Buổi chiều, người nông-phu đứng hứng mát ở đâu ?

Thế nào là mặt trời thức giấc ? Khi mặt trời mới mọc, ở thôn-quê ta nghe thấy gì ?

Cổng làng mở, có những nông-phu đi đâu ?
Kể tiếng đồng-nghĩa với « son ».

Dại-ý : Người nông-phu đi vào cổng làng mỗi buổi chiều, và ở cổng làng đi ra đồng mỗi buổi sáng.

76. Việc cày cấy

Hải mắc ách lên vai trâu, chú Mười lấp cày. Tay nắm cán cày, tay cầm rợ trâu, chú cày trở mảnh ruộng đã vỡ từ lâu. Lưỡi cày lem lém đảo lên những mảng đất loáng ướt, đổ thành luống đều-đặn.

Chú cất tiếng hỏi sang ruộng bên :
— Anh Bảy, chừng nào cày ?



— Dạ, cháu bừa lại ba lượt cho ngấu, một cấy. Bảy và con bò mộng đang bừa mảnh ruộng kế bên... Một nông-phu lực-lưỡng bồ cước vạc bờ. Hai cô gái quê thì-thòm tát nước. Chiếc gàu dai vục xuống, tung lên đồ tõe nước vào ruộng.

Từ xa đưa lại giọng hát trong trong :

« Quăn chi chân lấm tay bùn,
Miễn sao lúa cày trở bông cho nhiều... »

Bích lần theo tiếng hát, đến gần bọn thợ cày đang lom-khom dưới ruộng.

Phát - âm : Mảnh ruộng — vỡ — loáng ướt — lượt — vạc — chân lấm — dưới.

Giải-nghĩa : Ách : gỗ cồng mắc trên vai trâu hoặc bò, để kéo cày, kéo xe.

Cày trở : cày đảo lại mảnh ruộng đã cày một lần. Vỡ : mở ra, khai phá.

Cày vỡ : cày lần đầu. Lem lém : nhanh, mau.

Bò mộng : bò đực đã thiến.

Lom-khom : nói lưng cong xuống.

Câu - hỏi : Lúc cày ruộng, hai tay chú Mười cầm những gì ?
Thế nào là ruộng ngấu ? Vạc bờ là làm gì ?
Khi tát nước, tự đầu có tiếng thì-thòm ?
Ở đây, ai hát với giọng trong trong ?

Đại - ý : Trong cánh đồng, người cày cấy, kẻ tát nước, vạc bờ thật là vui-vẻ, tấp-nập.



77. Chiều quê

Mặt trời vừa lặn sau những làng-mạc xa xă. Trời chưa tối. Những áng mây cao còn vương lại ráng hồng tươi, phẳng-phất trên cánh đồng quê...

Bọn người làm đã nghỉ tay. Trên đường về, mọi người đi thông-thả, thắm mệt. Bên vệ đường, trâu bò vừa tắm rửa xong, còn ham ăn, gặm thêm dăm miếng cỏ non.

Sơn và Hải đón chú Mười, cùng nhau về gần tới nhà. Hải cất tiếng hỏi:

— Chú mệt không?

— Chú làm ruộng vất-vả quen rồi, cũng không thấy mệt lắm.

Sơn vui-vẻ nói:

— Thầy chú khỏe-mạnh, lực-lưỡng, cháu cũng muốn về quê ở!

Bên góc trời tây, ánh hồng đôi dần sang màu tím nhạt. Chuông chùa buông rơi lặn lặn trong khoảng yên-lặng nơi thôn-dã.



Phát - âm: Chiều quê — vừa lặn — ráng hồng tươi — rửa xong — vất-vả quen — ánh — khoảng yên-lặng.

Giải-nghĩa: Làng mạc: nói chung về làng xã.

Áng mây: đám mây.

Ráng hồng: đám mây màu hồng vì phản chiếu ánh mặt trời về buổi sáng hay buổi chiều.

Thấm mệt: mệt nhiều.

Thôn-dã: nói chung về làng xóm, đồng ruộng.

Câu hỏi: Khi mặt trời vừa lặn, có gì vương lại trên những áng mây cao?

Những ai đi về làng?

Trâu bò còn làm

gì bên vệ đường?

Tại sao chú Mười

không thấy mệt

lắm?

Cái gì khiến cho

Sơn muốn về quê?

Kể tiếng đồng-

nghĩa vời: thông-

thả, mệt, vất-vả.

Đại-ý: Khi mặt trời vừa lặn, những người đi làm đồng về gần tới làng.





HỌC THUỘC LÒNG

78. Tình quê

Dân quê chung sống hiền-hòa,
Tự-tin, tự-lập, phiên-hà chi ai?
Làm ăn cần-mẫn hôm mai,
Vui chơi lành-mạnh, miệt-mải gắng công.

★

Dân quê chất-phác tâm-hồn,
Không ham giả-trá, không bòn lợi-danh.
Thương nhau thăm-viếng thân-tình,
Đời quê giản-dị, cạnh-tranh không màng.
Miễn sao đoàn-kết xóm làng,
Lo ăn lo mặc, lo an phận thường.

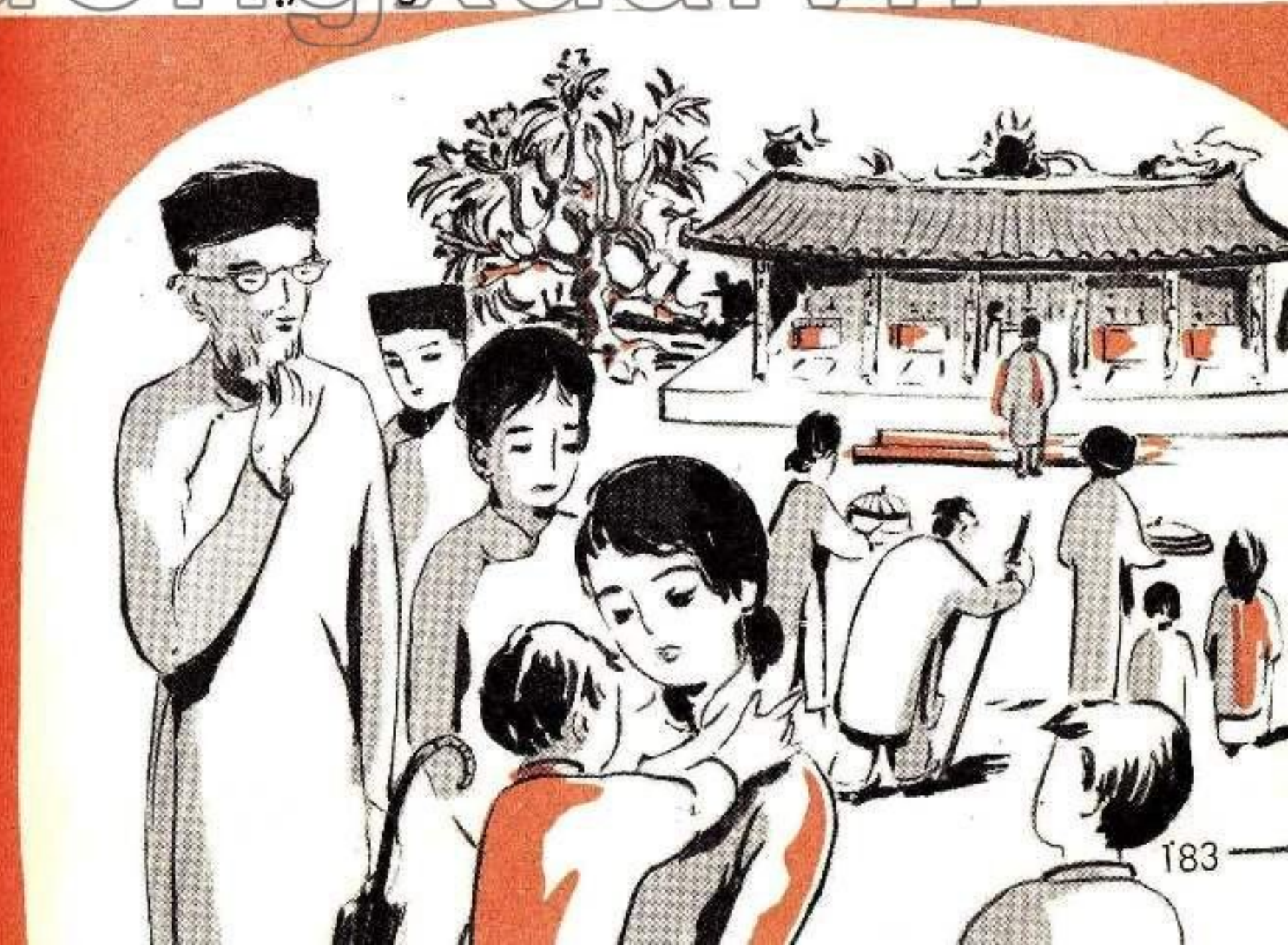
Văn-Phúc

Phát - âm : Dân quê — vui — lành mạnh — thăm-viếng — cạnh-tranh.

Giải-nghĩa : Tự-tin : chắc ở tài sức của mình.
Tự-lập : kiếm ăn lấy và làm lấy cuộc đời mình.
Phiên hà : làm bận và phạm đến quyền-lợi của người khác.
Cần-mẫn : chăm-chỉ, nhanh-nhẹn.
Chất-phác : thật-thà.
Đoàn-kết : ý nói mọi người chung lưng góp sức trong một công-cuộc nào.

Câu hỏi : Người dân quê nhờ có tình gì nên sống hòa-hợp với nhau được?
Họ làm việc thế nào ? vui chơi thế nào ?
Họ thật-thà và không ham gì ?
Họ làm gì để tỏ ra thân-thiết với nhau ?
Dân làng đoàn-kết để làm gì ?
Đặt câu với mỗi tiếng : ngày mai, hoa mai.

Dạy-ý : Người dân quê chăm-chỉ, thật-thà, giản-dị, cùng nhau vui-vẻ đoàn-kết để làm ăn.



79. Cho gà vịt ăn

Tờ mờ sáng, nhà chú Mười đã ồn lên tiếng gà gáy, chim gù, vịt kêu, chó sủa, lợn ừn-ừn. Bích thức dậy, gọi em:

— Sơn ơi! Hải ơi!

— Dậy chi sớm vậy chị?

— Em quên sao, tối qua đã dặn chị gọi dậy coi gà vịt ăn mà!



Ba chị em ra sân sau. Phúc đang vãi thóc: gà, vịt, bồ-câu xô nhau tranh mỗi. Hải chạy đến:

— Phúc ơi! đưa anh đỡ.

— Vâng, bị thóc đây. Để em đi cho heo ăn.

Bích và Sơn theo Phúc... Bên nồi cám nấu, thím Mười đang thái bèo và dây muồng. Ba chị em Bích trộn bèo, rau lẫn với cám rồi đổ vào

chậu sành cho heo ăn. Ba con heo mập, khá to, chen chúc ăn, hồng-hộc, vội-vàng nuốt, không kịp nhai.

Phát - âm: Vịt ăn — sớm vậy — vãi — vào chậu — vội-vàng nuốt.

Giải-nghĩa: Gù: tiếng chim bồ-câu đực kêu lúc tiến gần con mái.

Ừn-ừn: tiếng heo kêu.

Vãi: ném vung ra.

Hồng-hộc: thở rất mạnh.

Câu hỏi: Khi tờ mờ sáng, nhà chú Mười vang lên những tiếng gì?

Bích gọi em dậy sớm để làm gì?

Hải làm gì giúp Phúc?

Người ta cho heo ăn gì?

Lúc ăn, heo làm gì?

Kể những tiếng đồng-âm với tranh.

Dạy-ý: Nhà ông Mười cho gia-súc ăn lúc sáng sớm, vừa thức dậy.



80. Làm vườn

Hồi này, lúa cấy xong, chú Mười không còn theo trâu ngoài ruộng. Hôm nay chú cày khở thửa vườn sau nhà, để sửa-soạn trồng rau. Vườn phơi đất ải. Riêng góc vườn gần ao, có mấy luống ương hạt rau đã mọc.



Hải và Sơn, mỗi anh một bình tưới, đang phun nước nhỏ-nhẹ xuống đám cây rau mọc lún-phún. Thân cây mới nhú lên, rung-rinh mấy đềm lá mong-manh nhỏ xiu...

— Nhẹ tay thôi các con! Sẽ tí đầu lẹm vào bên gốc cỏ, rồi nhón ngọn mà nhỏ lên.

— Má ơi, chị Bích khéo tay hơn con, chị nhỏ cỏ mà không bật đất lên.

Thím Mười nhìn Phúc và Bích, mỉm cười bằng lòng. Bích ngoảnh sang em cười nói:

— Nhưng chị nhỏ chậm thôi, không được nhiều cỏ như em. Trăm hay không bằng tay quen.

Phát - âm: Thửa vườn — sửa-soạn — bình tưới — mỏng-mạnh — ngoảnh — quen.

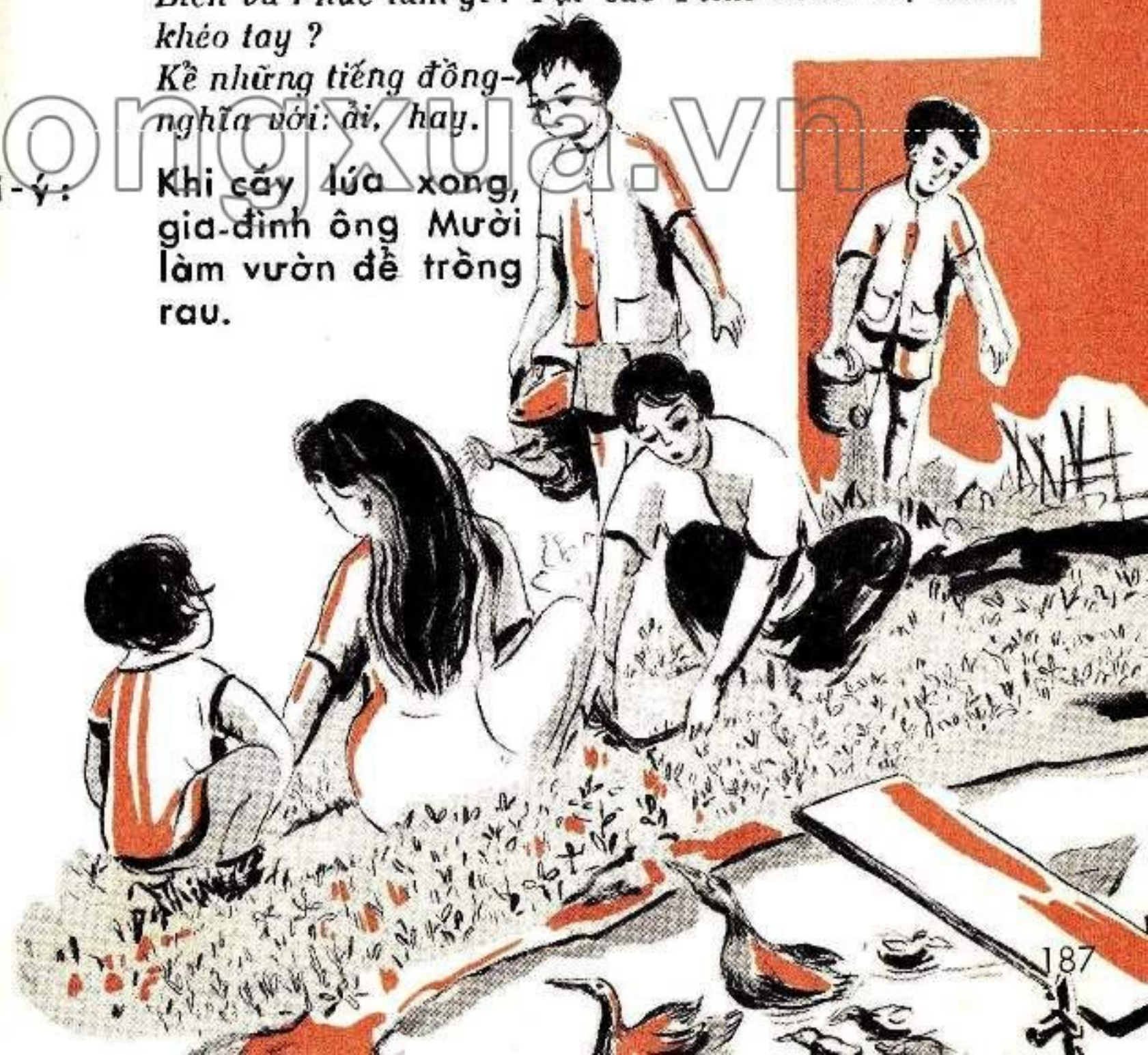
Giải-nghĩa: Theo trâu: cày hoặc bừa, có trâu đi trước, người theo sau. Đốt ải: đất để lâu ngày đã mất chất dinh và tính-chất dẻo. Ương: gieo hạt hay hạt, hoặc giâm hay chiết cành, cho mọc cây con để đem trồng.

Lún-phún: thưa và nhỏ. Nhú lên: mới thò lên. Lẹm: thanh nhỏ vừa tay cầm, bằng tre hoặc sắt, dùng để đào cỏ, bắt cua.

Câu hỏi: Khi cấy lúa xong, chú Mười cày đất nào? Trong vườn có những luống ương hạt rau ở khoảng nào? Hải và Sơn tưới nhỏ-nhẹ cho những cây nào? Bích và Phúc làm gì? Tại sao Phúc khen chị Bích khéo tay?

Kể những tiếng đồng-nghĩa với: ải, hay.

Đại - ý: Khi cấy lúa xong, gia đình ông Mười làm vườn để trồng rau.





HỌC THUỘC LÒNG

81. Công-việc nhà nông

Dân quê chuyên việc nhà nông,
 Quanh năm vất-vả, sớm hôm dốc lòng.
 Ngay khi gặt hái vừa xong,
 Vội lo cày cấy, trông chừng mùa sau.
 Muốn cho ruộng lúa tốt mau,
 Bón phân giữ nước biết bao công-trình.



Rủi khi bão lụt thành-linh,
 Công-lao khó-nhọc, tan tành phút giây. ...
 Rồi ra liệu gió xem mây,
 Lại cày, lại cấy, chờ ngày thành-công.

Phúc-Thành

Phát - âm : Quê — chuyên việc — quanh — vất-vả — trình —
 thành-linh — tan-tành.

Giải-nghĩa : Chuyên việc : làm riêng về một việc.
 Dốc lòng : hết lòng chăm-lo,
 Công-lao : sự khó-nhọc khi làm một việc lớn.
 Rồi ra : sau này. Liệu gió xem mây : xem gió, mây
 để biết thời-tiết thuận-lợi.

Câu hỏi : Ở nhà quê, mọi người chuyên về việc gì ?
 Khi họ gặt hái xong thì lo làm gì ?
 Họ làm gì để cho lúa mau tốt ?
 Khi nào công-lao của nhà nông phải tan-tành ?
 Thất-bại rồi, nhà nông có chán-nản không ?
 Họ lại làm gì ?

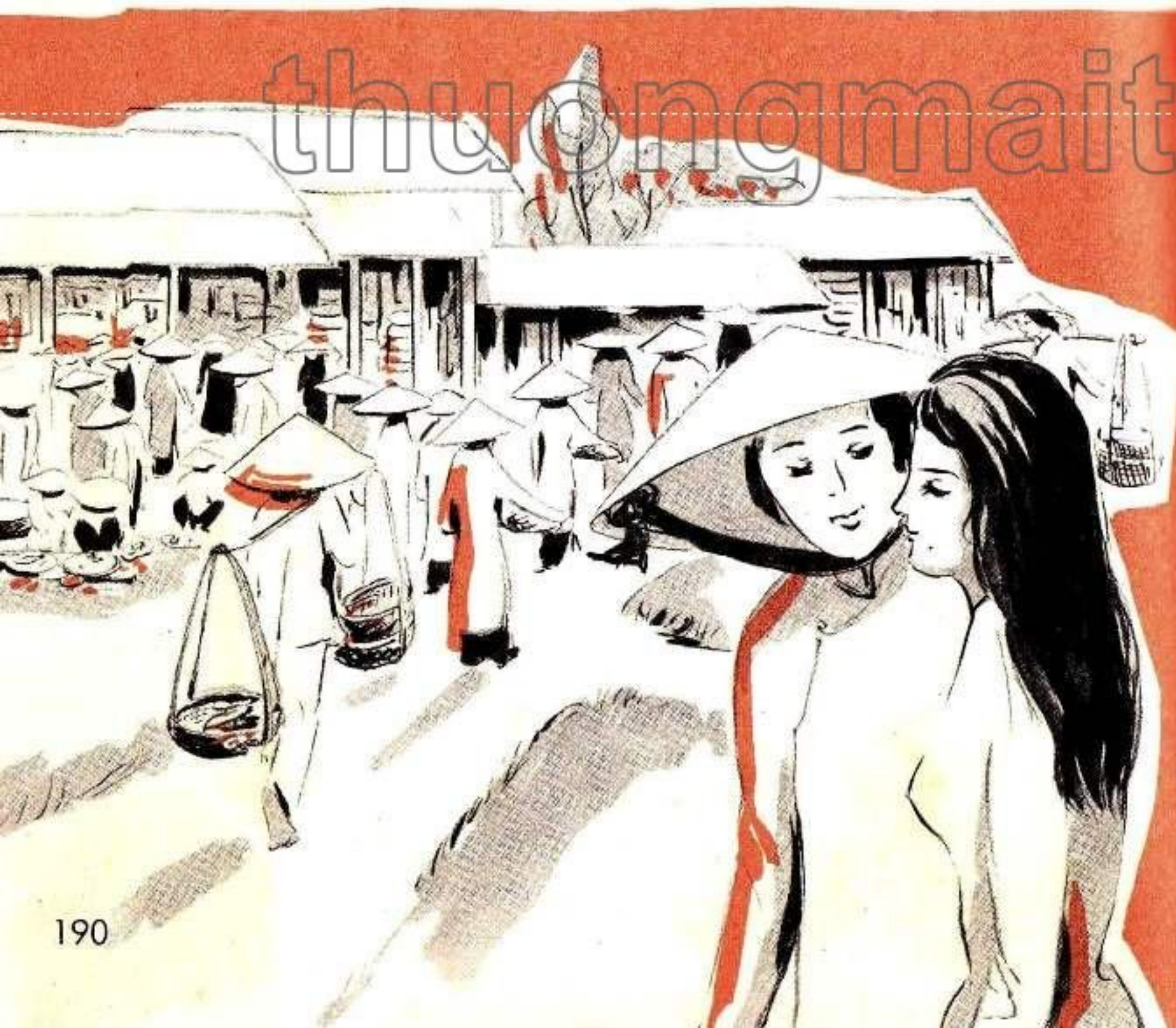
Đại - ý : Nhà nông làm ăn vất-vả ; nếu gặp bão lụt,
 phải mất mùa, họ vẫn kiên-nhẫn cày cấy.

82. Chợ quê

Từ các ngõ xóm, người gánh và đội nhện-nhịp tuôn vào con đường làng. Bà Mười và Bích cũng theo đoàn người đồ dờn về chợ.

Người mua, kẻ bán chen nhau. Thím dặt cháu len-lỏi khắp chợ. Tiếng chào gọi, mà-cả, cười đùa, cãi lộn... ồn-ào làm cho Bích ù cả tai.

Chợ này có một quán xây rộng chừng mười hai gian. Trong quán san-sát những hàng bán: vải, quần áo, tạp-hóa, gạo thóc, ngô khoai, bánh kẹo. Đông khách nhất là mấy hàng ăn, hàng thịt.



Ngoài quán xây, từng dãy lều nhỏ bằng gỗ, tre lợp lá hoặc che vải bố. Có nơi bán rau, hoa quả... Có nơi bán gà, vịt, trứng, tôm cá.

Trên đường về, Bích nói:—Thím ơi, cháu thấy ở chợ này các thứ rau, thịt, tôm cá, gà vịt, trái cây, gạo thóc đều rẻ hơn ở thành-phố.

— Đúng thế! Nhưng cũng có thứ như vải lụa, quần áo, tạp-hóa, lại đắt hơn.

Phát - âm: Ngõ—đội—nhện—nhịp — về chợ — cãi lộn — gạo — kẹo—ăn thịt—vải

Giải-nghĩa: Ngõ xóm: lối nhỏ đi vào những khu nhà ở.

Đồ dờn về chợ: mọi người cùng nhau đi về phía chợ.

Mà-cả: thêm hoặc bớt để định giá mua bán.

Quán: một nhà rộng để hội-hợp. San-sát: liền nhau.

Câu hỏi: Mọi người tuôn vào con đường làng để đi đâu?

Trong chợ ồn-ào có những tiếng gì?

Trong quán xây có những hàng gì?

Ở các lều nhỏ có những hàng nào bày ra?

Bích thấy ở chợ quê có những hàng nào bán rẻ hơn ở thành-phố?

Dại ý: Bích theo thím đi chợ quê và thấy có nhiều thực-phẩm bán rẻ hơn ở thành-thị.



83. Một làng mới

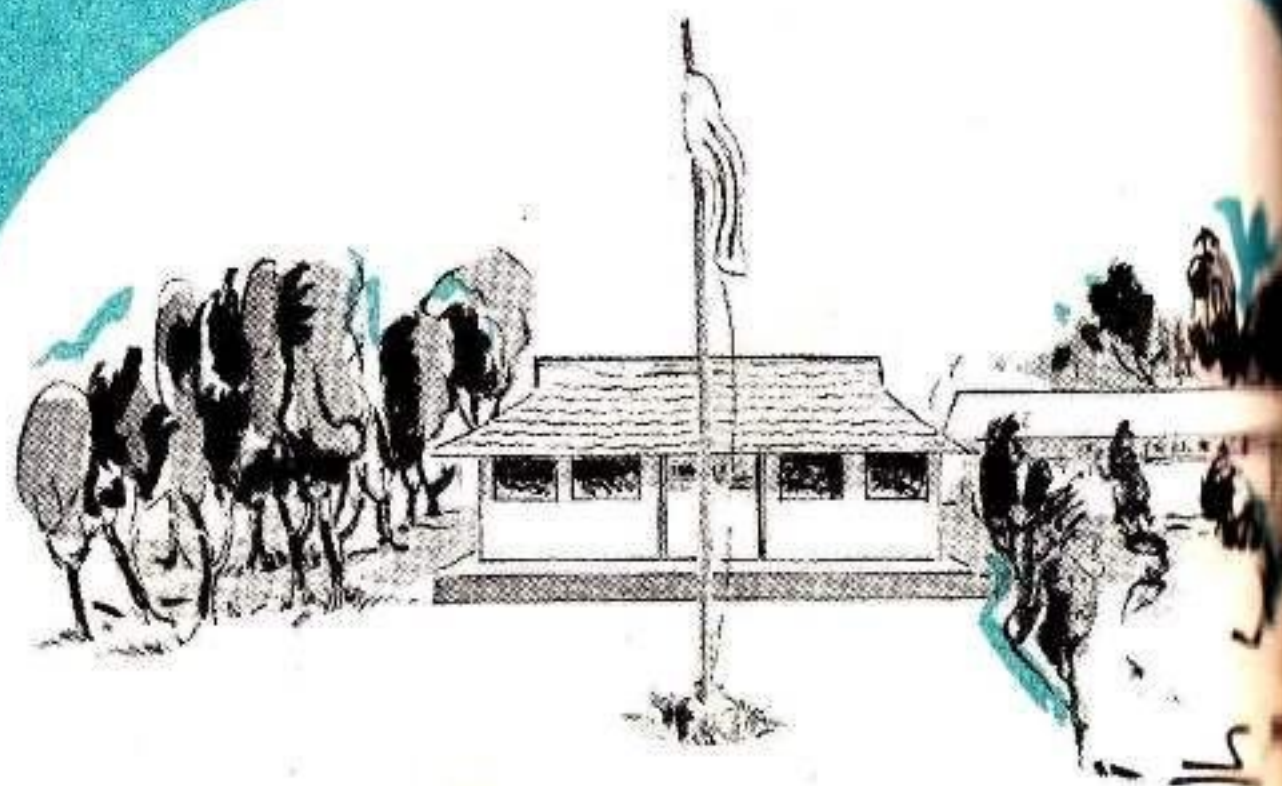
Ba chị em Hải theo Phúc đi suốt con đường dọc làng. Qua điểm canh ngay đầu làng, đến khu trường học có sân vận-động, giếng nước xây với máy bơm nước. Gần đó là phòng phát thuốc, phòng hộ-sinh.



Khu công-sở ở chính giữa làng. Lá quốc-kỳ phát-phới trước cửa trụ-sở hành-chánh

xã. Hai bên trụ-sở là phòng thông-tin và nhà hợp-tác-xã nông-nghiệp. Xa một chút đến khu chợ ồn-ào, với mấy tiệm buôn tập-nập người ra, kẻ vào.

Dọc hai bên đường làng có nhiều lối đi nhỏ dẫn vào những xóm nhà ở. Giữa những vườn cây xanh-um hiện ra nhiều nếp nhà cao ráo, sáng sủa...



Trên đường về Hải khen: «Làng của Phúc đẹp quá! Đường làng thật là sạch-sẽ!»

Phúc nói:—Đường này mới xây và làng em đẹp thêm vì đã đổi mới.

Phát-âm: Suốt dọc đường — vận-động — tiệm buôn — vườn — xanh - um — với — vào — về — và — trong vòng — nay.

Giải-nghĩa: Sân vận-động: sân để tập thể-dục, thể-thao.

Phòng hộ-sinh: phòng đỡ đỡ và săn-sóc cho đàn - bà đẻ cùng trẻ nơ-sinh.

Công-sở: nơi làm việc chính-phủ.

Hợp tác-xã nông-nghiệp: hội của những nhà-nông, để lo tính việc nâng cao đời sống của hội-viên.

Câu hỏi: Trong làng có điểm canh ở quãng nào?

Gần trường học có những phòng nào?

Khu công-sở ở quãng nào?

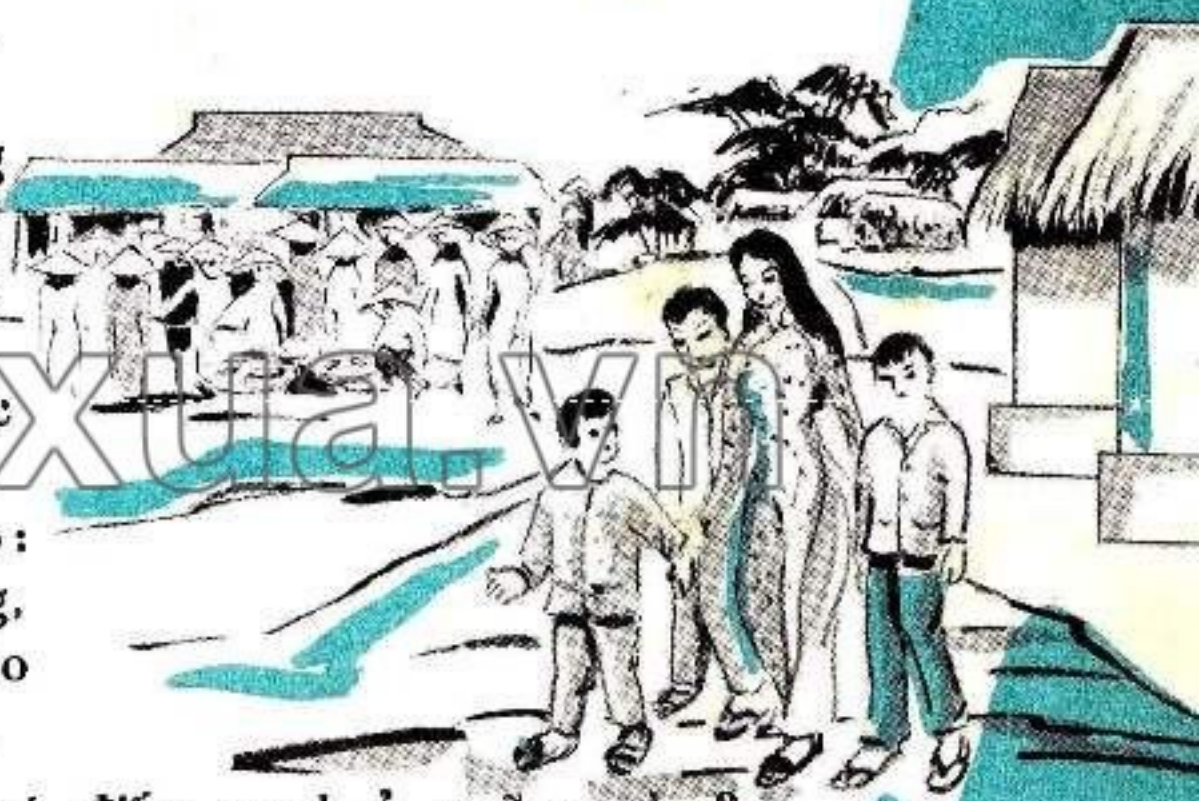
Hải thấy nhà gì ở hai bên trụ sở hành chánh?

Những tiệm buôn ở nơi nào?

Những lối đi nhỏ dẫn ta vào đâu?

Đặt câu với mỗi tiếng: và (và cơm), và (phòng thông-tin và nhà hợp-tác-xã).

Dạy-ý: Làng mới này có khu trường học, khu công-sở, các xóm nhà ở cao-rao và sạch-sẽ.





84. Thú điền-viên

Chú tôi ham thú điền-viên,
 Chăn nuôi cày cấy, sống
 quen xóm làng.
 Quanh nhà đồng trại thênh-
 thang,
 Ruộng sâu, lúa chín bông
 vàng vàng hoe...
 Vườn trồng rau trái sum-sê,
 Sân nuôi gà vịt, te te từng
 đàn.
 Chuồng heo, ao cá sẵn-sàng.
 Thức ăn vật-dụng quanh năm
 có thừa.
 Chú tôi vui-vẻ sớm trưa,
 Không lo thiếu hụt, không
 mơ sang giàu.

Bảo-Thư.



Phát - âm : Điền-viên —quen — quanh — vườn — vui-
 vẻ.

Giải-nghĩa : Ham thú điền-viên : (điền - viên : ruộng,
 vườn) thích việc cày cấy, trồng-trọt.

Thênh-thang : rộng-rãi.

Vàng hoe : màu vàng thẫm.

Sum-sê : nói về cây cối rậm-rạp, có
 nhiều cành lá.

Te te : đi mau, chạy.

Mơ : phảng-phất thấy trong giấc ngủ.
 Trong bài, mơ có nghĩa là tưởng nghĩ
 đến.

Câu hỏi : Người chủ này thích sống ở đâu ?

Có gì bao quanh nhà chủ ?

Có trồng gì trong vườn ?

Trong nhà chủ nuôi những loài vật nào ?

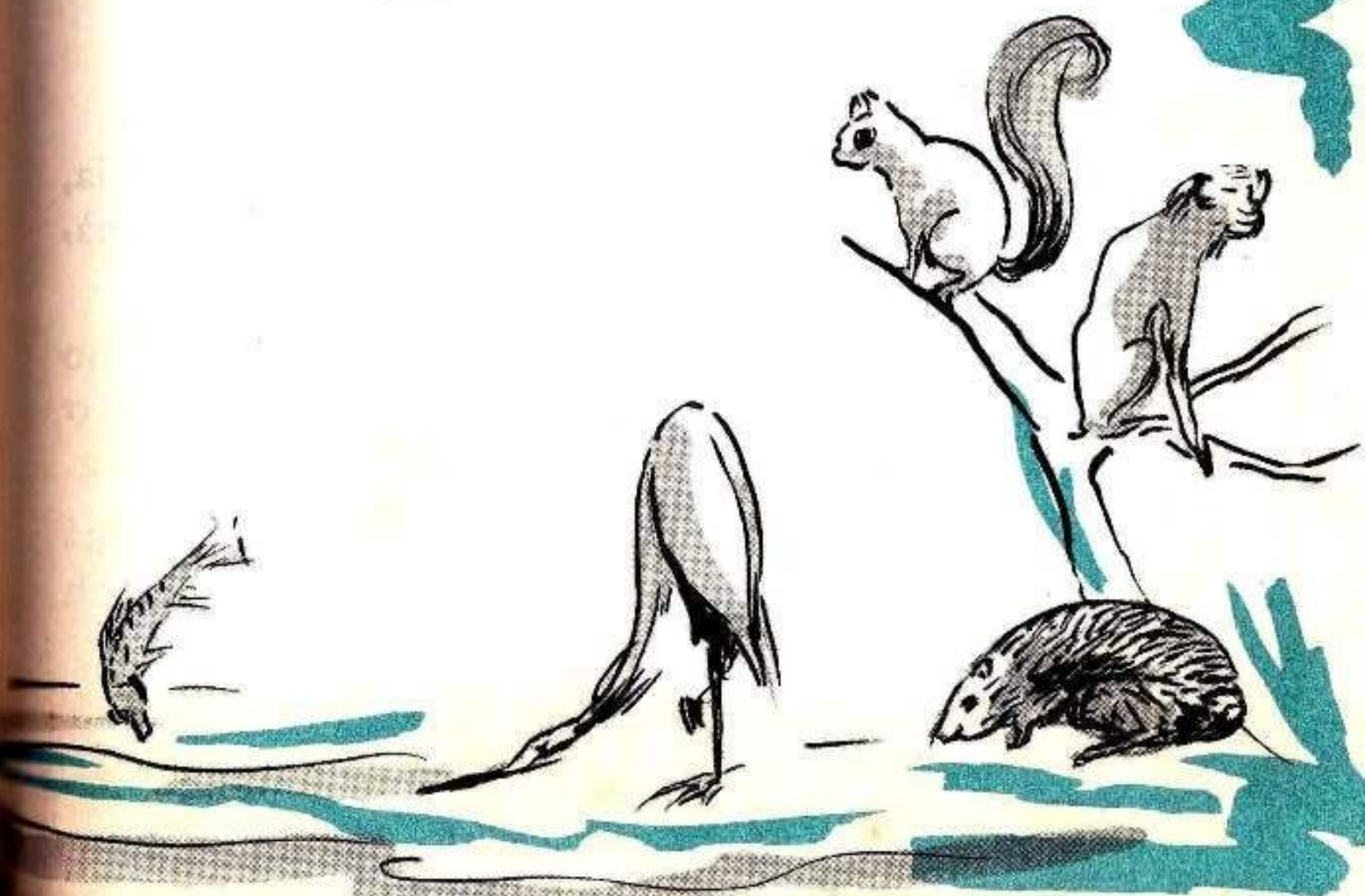
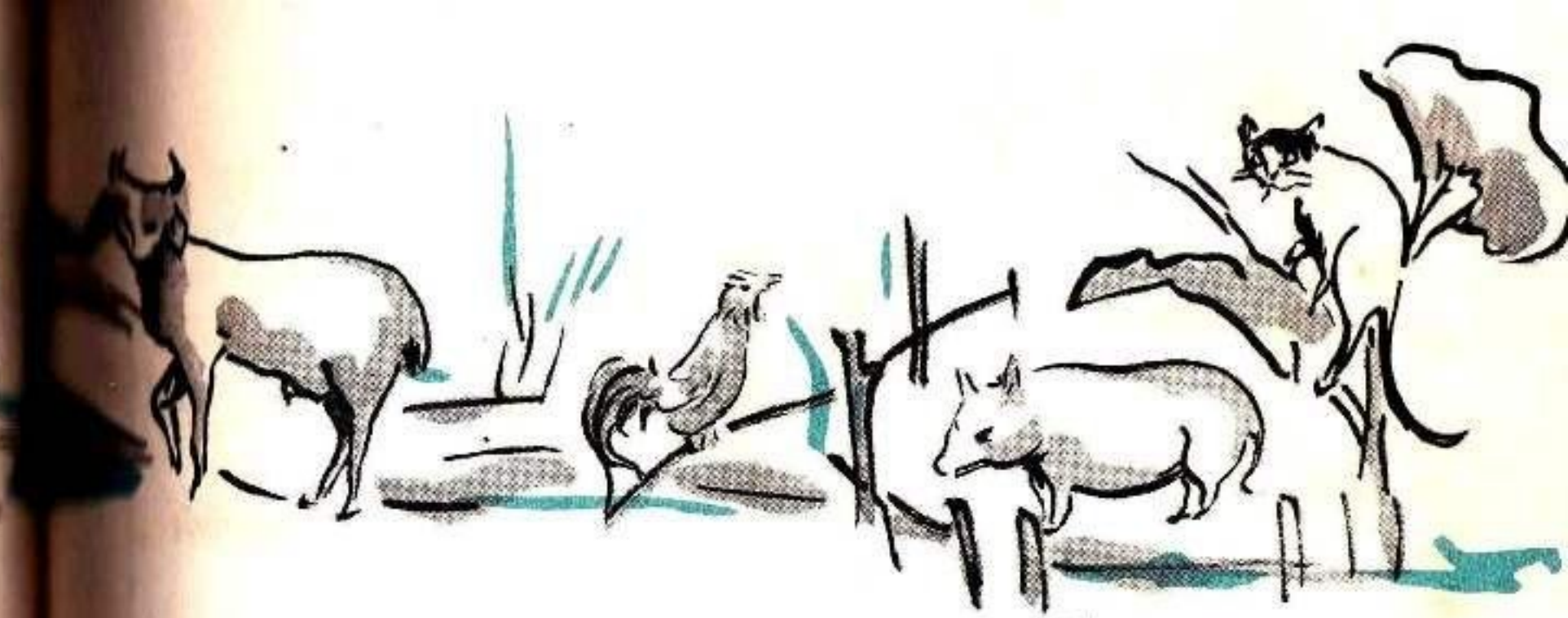
Ông được vui-vẻ, tại sao ?

Tìm tiếng phản-nghĩa với : thiếu, giàu.

Đại-ý : Ông chủ này thích ở đồng ruộng vì
 được ở rộng-rãi, và có sẵn đủ thứ.



CHƯƠNG VIII



THÚ - VẬT

Trong thời gian ở quê chơi, tối nào Sơn và Vân cũng cùng mấy bạn cũ trong làng họp mặt, chuyện trò,

Một tối sáng trăng, Sơn đề-nghị với các bạn lần lượt mỗi người kể một chuyện vui về thú-vật.

Hải bắt đầu kể :

85. Phượng-hoàng và cây khế

Ngày xưa có hai anh em, khi cha chết người anh tham-lam, chiếm hết ruộng vườn, nhà cửa. Người em, chỉ được cây khế với một túp lều.

Đến mùa trái chín, ngày nào cũng có một con Phượng-hoàng bay đến ăn. Người em ngồi khóc-lóc, thì Phượng-hoàng bảo rằng :

*Ăn trái khế, trả ngàn vàng,
May túi ba gang mang đi mà đựng.*

Rồi chim công chàng đem đến một hòn núi kia, có đầy vàng bạc. Em nhặt đầy túi mang về xây nhà, tậu ruộng.

Người anh thấy vậy đòi tất cả sản-nghiệp cho em để lấy cây khế. Nhưng vốn tính tham-lam, vợ chồng bàn nhau may chiếc túi dài, rộng mười gang.

Ai ngờ lúc về, bay ngang biển, vàng nặng quá khiến Phượng-hoàng chao cánh một bên. Người anh ngã lăn xuống biển.

Phát-âm : Chiếm ruộng vườn — trái chín — sản-nghiệp.

Giải-nghĩa : Lều : nhà nhỏ làm bằng tre và lợp lá.

Phượng-hoàng : giống chim rất lớn.

Sản-nghiệp : nói chung nhà cửa, tiền bạc, ruộng vườn.

Chao cánh : nghiêng cánh về một bên.

Câu hỏi : Khi cha chết, người anh tham-lam thế nào ?

Đến mùa khế chín, Phượng-hoàng đến làm gì ?

Nó đến gì cho người em ?
Thấy em giàu hơn mình, anh làm thế nào ?

May chiếc túi mười gang để làm gì ?

Kết-quả ra sao ?

Đại - ý : Tham-lam thì hại đến thân.

86. Cò và Sói

Cò và Sói kết bạn với nhau. Đôi bên thường đi lại chơi-bời thăm viếng.

Một hôm, Sói mời Cò đến nhà ăn cỗ. Món ăn của Sói là một món súp lông. Sói để súp ra đĩa. Cò ta mỏ nhọn, chẳng ăn được chút nào. Trong khi ấy, Sói thè dài lưỡi tọt hết, một giọt cũng chẳng còn.

Cò giận lắm, trở về nhà, mấy đêm không ngủ. Sau Cò nghĩ ra được một kế trả thù. Cò đến chơi nhà Sói, mời Sói hôm sau đến nhà mình dự tiệc. Sói vồn tham ăn, nhận lời ngay.

Cò mang ra một cái bình cao cổ, đựng đầy món ăn thơm phức, ngon thật là ngon ! Nhưng cổ bình đã dài lại nhỏ, mõm Sói lớn quá không sao vào lọt. Cò mỏ dài, một mình ăn thỏa-thích.

Sói đói bụng, cúp đuôi chạy về một mạch.

Phát-âm : Súp lông — dài lưỡi — trả thù — thỏa-thích.

Giải-nghĩa : Kết bạn : chơi với nhau ; làm bạn với nhau.
Súp : món ăn lỏng gồm khoai, thịt, rau nấu nhừ.
Tọt : nói về súc-vật ăn chất lỏng bằng lưỡi.



Câu hỏi : Sói kết bạn với con vật nào ?
Sói mời Cò đến nhà làm gì ?
Sói đãi Cò món ăn gì ?
Tại sao Cò không ăn được ?
Cò trả thù Sói bằng cách nào ?

Đại-ý : Đối xử xấu với người thì người đối xử xấu lại với mình.

87. Giống vật có ích

Giống vật đều có ích,
Cũng hiểu biết như người,
Lúc sống cũng như chết,
Làm nhiều lợi cho đời.

★



Ngựa giúp người kéo xe,
Dê hàng ngày cho sữa,
Gà gáy sáng : te, te,
Thịt heo ăn mỗi bữa.

Thanh-Tâm



Phát - âm : Giống vật — sống chết — giúp người — cho sữa.

Giải-nghĩa : Lợi : những điều tốt, có ích.
Cho đời : cho người ta.

Câu hỏi : Những lúc nào loài vật giúp ích cho người ?
Ngựa giúp ta việc gì ?
Mỗi ngày dê cho ta gì ?
Gà gáy sáng để làm gì ?
Heo có lợi gì ?

Đại - ý : Giống vật ta
nuôi trong nhà,
lúc sống cũng
như lúc chết
giúp ta nhiều
việc.



88. Cá Voi và Khỉ

Khỉ thấy Cá voi và Voi cùng nhau hay khoe sức mạnh. Khỉ nghĩ kẻ ghẹo chơi. Nó lấy một chiếc thùng dài và một cái trống rồi đến nói với Cá voi:

— Tôi biết ngài là chúa-tể biển này. Với hàm răng bần chải, vòi nước phun cao, thân hình đồ-sộ, ngài xứng-đáng là vua loài cá. Con bò của tôi bị xa lầy dưới bùn. Tôi đã buộc nó vào đầu dây. Khi tôi đánh trống, nhờ ngài kéo nó lên cho.

Cá voi nghe nịnh bằng lòng ngay. Khỉ lại đến nịnh Voi. Rồi Khỉ buộc một đầu dây vào vòi Voi, đầu kia buộc vào đuôi Cá. Buộc xong nó gõ trống ầm lên.

Voi ra sức kéo. Cá cũng cố-gắng lôi, mạnh đến nỗi thừng đứt. Cá lộn chìm đáy biển, còn voi cũng ngã ngửa; bốn cẳng chổng lên trời.

Khỉ vỗ tay cười vang.

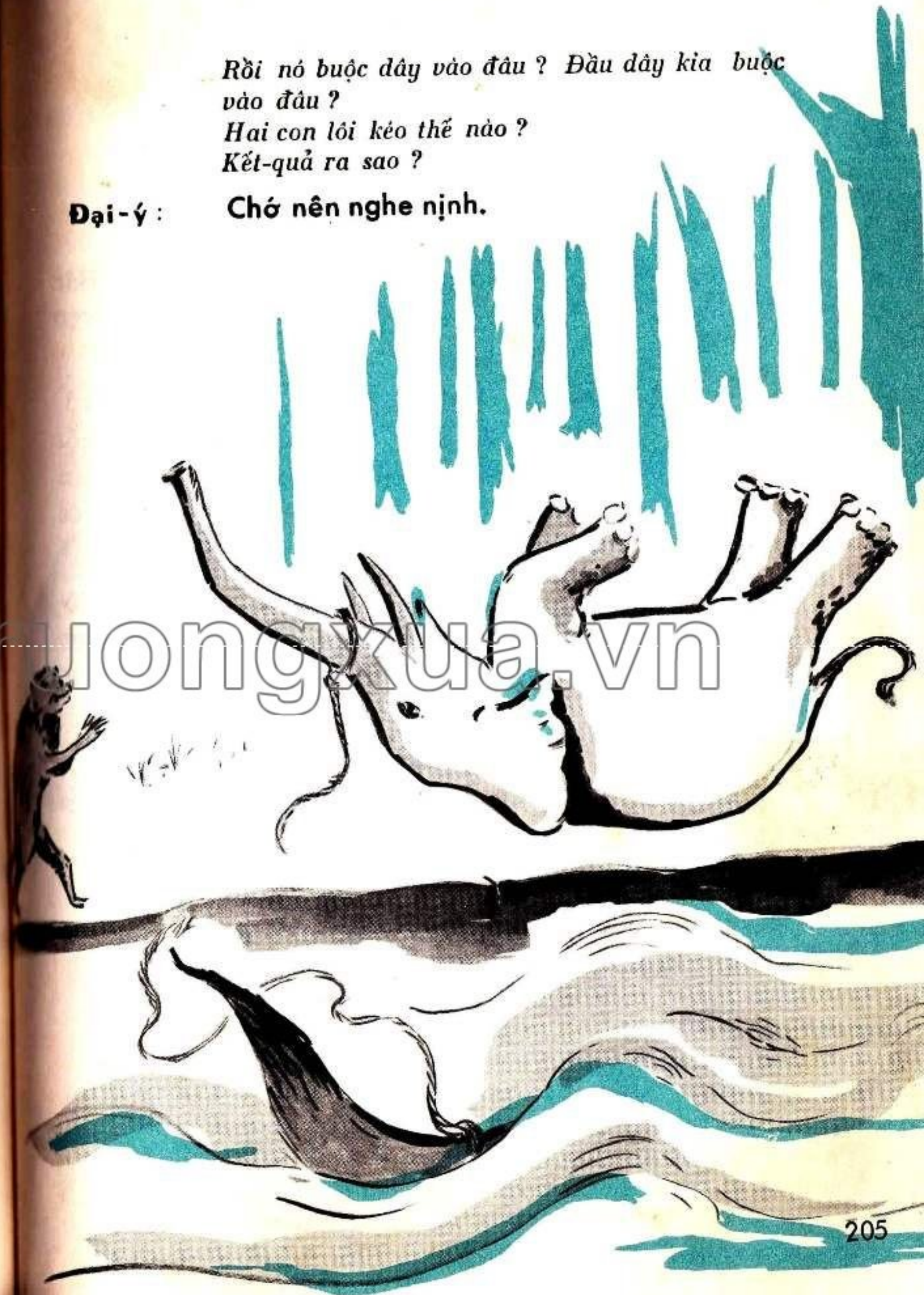
Phát - âm: Khoe sức mạnh — ghẹo chơi — bần chải — xa lầy.

Giải-nghĩa: Ké: cách để lừa người (nghĩa trong bài).
Ghẹo: trêu cho bỡ ghét.
Đồ-sộ: to lớn.
Sa lầy: mắc kẹt dưới bùn, không lên được.

Câu hỏi: Khỉ thấy Cá voi và Voi hay làm gì?
Nó đến nói gì với Cá voi? Nó nịnh Cá voi thế nào?

Rồi nó buộc dây vào đâu? Đầu dây kia buộc vào đâu?
Hai con lôi kéo thế nào?
Kết-quả ra sao?

Dạy-ý: Chớ nên nghe nịnh.



89. Hoàng-tử Bống

Làng kia có bác Tư Bò làm nghề đánh cá. Bác nghèo lắm, sống một mình trong một túp lều siêu vẹo đầu làng.

Một sáng kia như thường-lệ, bác ra sông cất vó. Nhưng chẳng được chú tôm, chú tép nào ngoài một con bống nhỏ đang quẫy mạnh ở mắt lưới. Bác toan bắt bống bỏ giỏ thì thấy nó cất tiếng van xin:—Tôi không có tội tình chi. Hãy cho tôi về với cha mẹ tôi.

Bác thương tình thả cá xuống sông. Nó lượn lơ một lát trên mặt nước như vui mừng, rồi lặn xuống biến mất. Bác vui vẻ nhìn theo rồi quay về nhà, bụng nghĩ thầm: Thôi hôm nay ta nhịn đói vậy.

Vừa bước chân vào nhà, bác giật mình trông thấy một mâm đầy vàng ngọc, với mấy hàng chữ sau đây:

Ta là con vua Thủy-Tề. Xin đền ơn tha mạng.

Phát - âm: Siêu vẹo — quẫy mạnh — xuống sông — giật mình.

Giải-nghĩa: Siêu vẹo: ngã nghiêng, không vững.
Vó: lưới có cán để bắt cá.
Lượn lơ: bơi lơ dờ.
Thủy-Tề: vua dưới nước.

Câu hỏi: Bác Tư Bò làm nghề gì?

Bác sống ở đâu?

Một buổi sáng, bác ra sông làm gì?

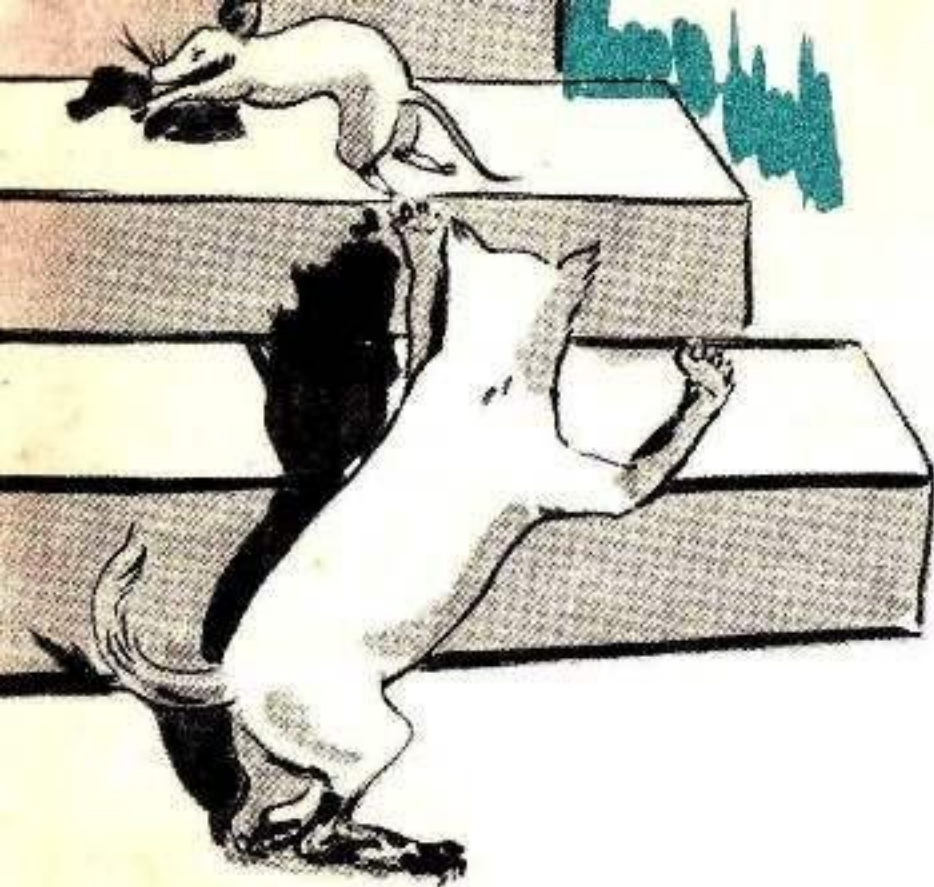
Bác chỉ bắt được con gì trong lưới?

Tại sao bác thả bống?

Về nhà bác thấy gì?

Đại-ý: Người tốt bao giờ cũng được trả ơn.





HỌC THUỘC LÒNG

90. Súc-vật trong nhà

Ta nuôi nhiều súc-vật:
Chó, mèo, trâu, bò, dê...
Chúng giúp ta nhiều việc,
Nên chăm sóc, vỗ-về.



Mèo lo việc bắt chuột;
Chó ngày đêm coi nhà;
Trâu kéo cày ngoài ruộng;
Bò cho thịt, cho da.

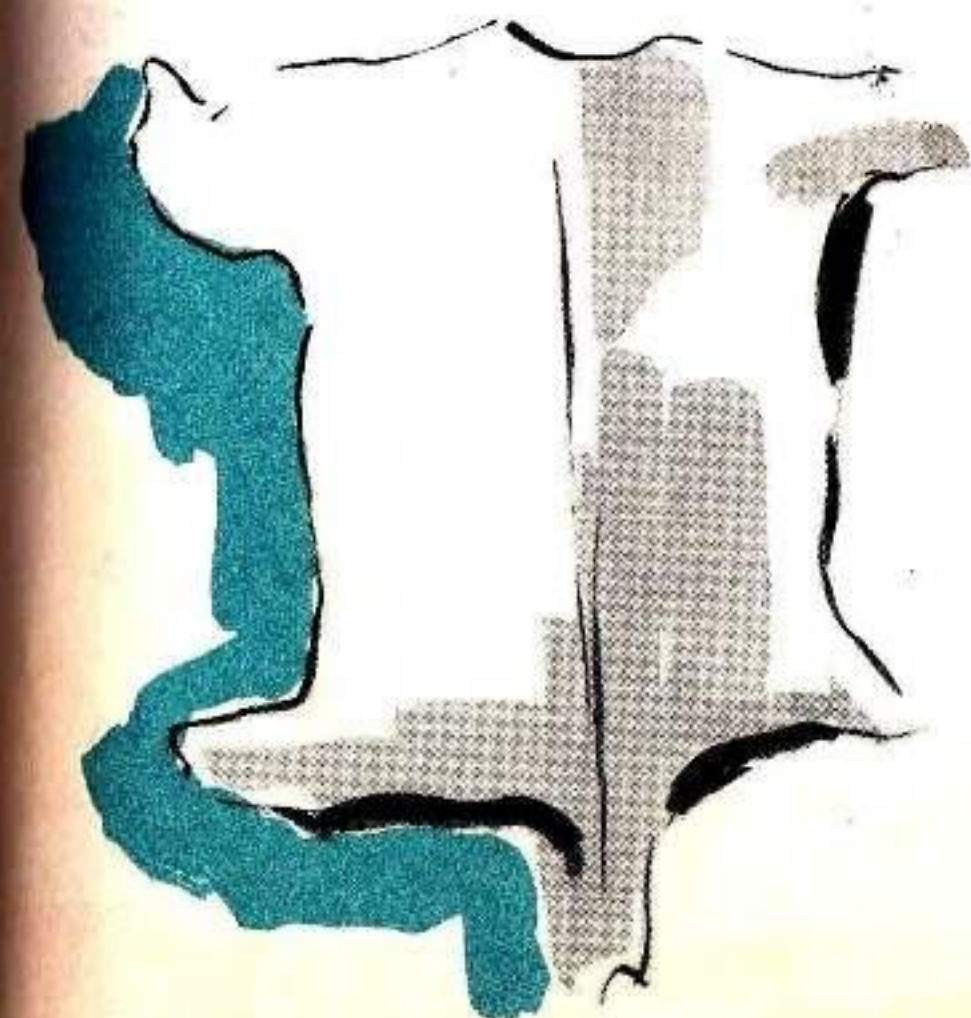
Thanh-Thúy

Phát - âm: Súc-vật — chăm sóc — vỗ-về — bắt chuột — cho da.

Giải-nghĩa: Vỗ-về: vuốt-ve, tỏ ý thương-mến.
Chăm sóc: chăm nom, săn-sóc, không để chúng đói rét,

Câu hỏi: Kể vài giống vật ta nuôi trong nhà?
Chúng giúp ta những gì?
Ta đối với chúng phải thế nào?
Mèo giúp ta việc gì? Con vật gì coi nhà cho ta?
Con vật gì kéo cày cho ta? Bò cho ta gì lúc nó chết?

Đại-ý: Những con vật ta nuôi trong nhà đều có ích. Ta nên chăm nom chúng cho tử-tế.



91. Sóc và Nhím

Sóc và Nhím gặp nhau trong rừng, đôi bên làm quen. Sóc hỏi:—Tôi rất mừng được kết bạn với bác. Tên bác là gì, xin cho biết.

Nhím thành-thực trả lời:—Tôi cũng vậy, được quen biết bác, tôi hết sức sung-sướng. Tôi tên là Nhím. Còn bác tên chi?

Sóc nói:—Tên tôi là Khách .

Hai con rủ nhau đi chơi xa. Tồi đêm, chúng xin vào làng kia ngủ trọ. Một lát, có người mang mâm cỗ đầy và bảo:

—Ông xã-trưởng cho tôi mang cơm rượu đến để đãi khách.

Đang đói bụng, Nhím mừng quá định ngồi xuống ăn. Sóc không chịu:—Ừa! Tôi tên Khách, còn bác tên Nhím cơ mà! Vậy cỗ này để đãi riêng tôi chứ đãi bác đâu?

Nói xong, Sóc kéo ghế ngồi ăn một mình, mặc Nhím nhịn đói.

Phát - âm: Trong rừng — sung-sướng — đi chơi xa — xã-trưởng — cơm rượu.

Giải-nghĩa: Nhím: loài vật sống trong rừng, ăn sâu bọ, có lông dài nhọn và cứng.



Thành-thực: có thể nào nói thể.

Xã-trưởng: người đứng đầu trong một xã.

Đãi khách: biếu khách dùng, không tính tiền.

Câu hỏi: Sóc và nhím gặp nhau ở đâu?

Sóc tự đặt tên là gì?

Còn nhím lấy tên gì?

Hai con rủ nhau đi đâu?

Tối đến chúng ngủ trọ ở đâu?

Ông xã-trưởng cho mang cơm rượu đến để làm gì?

Tại sao Sóc không cho Nhím cùng ăn?

Đại - ý: Nên chọn bạn tốt mà chơi.

92. Chó Sói vô ơn

Sói đi kiếm mồi trong rừng, chẳng may rơi xuống hố sâu, không sao lên được. Sói kêu la ầm-ỹ. Bò nghe thấy tiếng kêu vội-vàng chạy đến.

Sói van xin :—Trăm ngàn lạy bác Bò. Hãy làm phúc cứu tôi lên cùng. Bác muốn gì tôi cũng xin trả ơn...

Bò bèn thò đuôi xuống cho Sói bám leo lên. Lên được khỏi hố, Bò đòi công. Sói trở mặt, không chịu trả.

Giữa lúc ấy, Voi đi qua. Đôi bên nhờ Voi phân xử. Voi nói :—Chú Sói hãy trở xuống hố đi rồi bác Bò làm lại tôi xem. Phải biết rõ đầu đuôi mới xử được chứ!

Sói nghe lời, nhảy xuống hố. Voi bèn rủ Bò đi thẳng, mặc cho chàng Sói vô ơn kêu khóc một mình.

Phát - âm : Chó sói — rơi xuống hố — xin trả ơn — không chịu trả.

Giải-nghĩa : Vô ơn : không nghĩ đến điều tốt người khác đã làm cho mình.

Trở mặt : ý nói đang tốt trở thành xấu.

Phân-xử : xem ai phải, ai trái.



Câu hỏi : Sói bị rơi xuống đâu ?
Sói nói với Bò thế nào ?
Bò làm thế nào để cứu Sói ?
Sói lên khỏi hố đối xử với Bò ra sao ?
Chúng nhờ con gì phân xử ?
Voi bảo Sói thế nào ?
Lúc Sói nhảy xuống hố, Voi xui Bò làm gì ?

Đại - ý : Nên nhớ ơn những người đã giúp mình.

HỌC THUỘC LÒNG

93. Gà mẹ và gà con

Trong vườn cây rộng-rãi,
Gà dẫn con kiếm ăn;
Chó Sồm đâu chạy lại,
Răng nhẹ, bộ hung-hăng.

Ồi! đàn gà sợ hãi,
Cánh mẹ núp vào trong;
Mẹ xù lông, vênh mỏ,
Chó chạy miết, đuôi cong
Thái-Cao



Phát - âm : Rộng-rãi — hung-hăng — sợ-hãi — xù lông — vênh mỏ.

Giải-nghĩa : Hung-hăng: dữ-tợn, làm cho người ta sợ-hãi.
Vênh mỏ: giơ mỏ sẵn-sàng để mổ.
Chạy miết: chạy thẳng một mạch không quay lại.

Câu hỏi: Gà mẹ đang làm gì?
Nó dẫn con đi kiếm ăn ở đâu?
Có con gì chạy tới? Dáng điệu chó thế nào?
Gà con thấy chó thì sao? chúng phải làm gì để tránh chó dữ?
Gà mẹ làm gì để chống lại chó?
Thấy gà mẹ chống cự, chó làm gì?

Đại-ý: Gà mẹ yêu con, tuy sức yếu mà dám chống lại với chó dữ để bênh-vực con.



94. Chuyện thằng Tý-Hon

Ngày xưa có bác Tiều làm nghề đồn cây trong rừng. Bác có mười đứa con trai. Đứa sau cùng khôn-ngoa nhất, tên là Tý-Hon.

Vì đông con nên bác nghèo lắm, cơm ăn bữa đói bữa no. Một đêm kia, người dì ghẻ xui chồng đem bỏ lũ con vào rừng. Tý-Hon chợt thức dậy nghe được, tìm cuội trắng bỏ đầy hai túi áo.

Sáng hôm sau, người dì ghẻ đưa lũ con chồng vào rừng, đi quanh co giữa hàng cây rậm-rạp. Đi tới đâu, Tý-Hon rắc cuội đến đâu.

Chiều đến không thấy ai, mấy anh em sợ quá, kêu khóc ầm lên. Xa xa, từ dãy núi cao, tiếng thác đổ hòa lẫn tiếng hồ gầm, vói rống làm chúng càng thêm hoảng-sợ.

Nhưng Tý-Hon nói:— Các anh đừng sợ! Đã có em!

Nói rồi nó theo dấu cuội trắng, dẫn các anh về đến tận nhà.

Phát-âm : Trong rừng — khôn-ngoa — dì ghẻ xui chồng — rậm-rạp — rắc cuội.

Giải-nghĩa : Đốn cây : chặt cây.
Cuội : thứ đá nhẵn, tròn.
Rậm-rạp : nhiều lá che khuất.
Thác : dòng nước từ cao chảy mạnh xuống chỗ thấp.

Câu hỏi : Bác Tiều làm nghề gì? ở đâu?
Bác có mấy đứa con? Đứa nhỏ nhất tên là gì?
Tính nó thế nào?
Người dì ghẻ xui chồng thế nào? Tại sao?
Tý-Hon biết chuyện làm thế nào?
Lúc đi đường Tý-Hon làm gì?
Nhờ đâu nó đưa các anh nó về được tận nhà?

Đại-ý : Nhờ khôn ngoan, Tý-Hon đưa được các anh về nhà, khỏi bị bỏ đói trong rừng.



95. Con vượn biết ơn

Ngày xưa có một vị hoàng - tử rất ham săn bắn.

Chàng bắn rất giỏi, trăm phát trúng cả trăm.

Một sáng kia, hoàng - tử mang cung tên vào rừng.

Đi một lát thấy một con vượn nhỏ trên cây. Chàng giương cung tính bắn. Nhưng vượn chấp tay van lạy, rồi ra hiệu chỉ trở phía trước.

Chàng theo nó đi. Đến một khe suối gần đó thấy vượn mẹ mắc bẫy, kẹt đuôi giữa

hai ông tre, đang rên la thảm-thiết. Động lòng thương, chàng gỡ cho nó thoát thân. Hai mẹ con tỏ vẻ vui-mừng, nhảy-nhót một hồi, rồi bồng-bề nhau lên cây đi mất.

Hoàng-tử tiếp-tục đi sâu vào rừng tìm thú. Chẳng may vô-ý chàng bị sa xuống hồ sâu, Trong lúc nguy-cấp, vượn chạy lại. Nó bện rễ đa làm thừng thông xuống cho chàng leo lên.

Phát âm : Bắn rất giỏi — trúng cả trăm — giương cung — chỉ trở phía trước.

Giải nghĩa : Hoàng-tử : con trai vua.

Cung : đồ để bắn tên, uốn cong, có dây gò hai đầu lại.

Bện : kết dây nhỏ thành dây lớn, bện chắc hơn.

Thông xuống : thả xuống.

Câu hỏi : Hoàng-tử kia có tài gì ?

Một sáng, chàng đi săn ở đâu ? Chàng mang theo khi-giới gì ?

Chàng gặp con vật gì trên cây ?

Vượn nhỏ ra hiệu gì cho chàng ?

Theo nó đi chàng thấy gì ?

Chàng làm gì để cứu vượn mẹ ?

Sau hoàng-tử gặp nạn gì ? Chàng được con vật gì đến cứu ?

Đại-ý : Giúp người thì được đền ơn.



HỌC THUỘC LÒNG

96. Gà đẻ trứng vàng

Gà kia đẻ trứng
vàng,
Mỗi ngày ☐ đều
một trái.
Chủ ngõ có kho
tàng,
Trong bụng chị gà
mái.



Chủ mang gà cắt tiết,
Rồi mổ bụng ra coi:
Bụng rỗng, gà rầy chết;
Tiếc của chủ kêu trời.

Phượng-Chi

Phát - âm : Trứng vàng — cắt tiết — rầy chết — kêu trời.

Giải-nghĩa : Ngõ : tường là.

Kho tàng : chỗ chứa đồ quý.

Rỗng : Chẳng có gì cả.

Câu hỏi : Gà kia đẻ ra gì ? Mỗi ngày được mấy quả trứng vàng ?

Chủ tường trong bụng gà có gì ?

Chủ mổ bụng gà để làm gì ?

Chủ thấy gì trong bụng gà ?

Tại sao chủ kêu trời ?

Nếu chủ không giết gà thì sao ?

Đại-ý : Chớ nên tham-lam như ông chủ gà kia, muốn mau giàu ai ngờ thiệt hại.



NHÂN DÂN HOA KỲ

với sự hợp tác của

BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

thần tặng

các Trưởng Sở tại Việt-Nam

SÁCH NÀY TẶNG, KHÔNG BÁN

